

THERAVADA
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
TẠNG KINH – TIỂU BỘ



Chú Giải
NGẠ QUỶ SỰ

Bản Anh ngữ: Peter Masefield
Việt dịch: Tỳ Khuru Minh Huệ

**THERAVĀDA
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY**



CHÚ GIẢI NGẠ QUỲ SỰ

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
PL. 2551 - DL. 2007**

Dịch từ Pāli sang Anh ngữ: PETER MASEFIELD

Việt dịch: Tỳ khưu MINH HUỆ

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	7
Chú giải về những câu chuyện Nga quý.	13

Chương I. Xà Phâm (*Uragavagga*)

I.1 Phước điền quý sự (<i>Khettūpamā Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	19
I.2 Trùng quý sự (<i>Sūkara Petavatthuvaṇṇanā</i>) ...	27
I.3 Xú khẩu quý sự (<i>Pūtimukha Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	29
I.4 Tích chuyện cái bánh đồ chơi (<i>Piṭṭha-dhītalika</i>)	36
I.5 Hộ ngoại quý sự (<i>Tirokuḍḍa Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	39
I.6 Thực ngũ nhi quý sự (<i>Pañcaputtakhādaka</i>)	53
I.7 Thực thất nhi quý sự (<i>Sattaputtakhādaka</i>)	57
I.8 Ngừu quý sự (<i>Goṇa Petavatthuvaṇṇanā</i>)	61
I.9 Đại chúc vật sự quý sự (<i>Mahāpesakāra Petavatthuvaṇṇanā</i>)	67
I.10 Ngốc đầu quý sự (<i>Khallāṭiya Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	73
I.11 Tượng quý sự (<i>Nāga Petavatthuvaṇṇanā</i>)	83
I.12 Xà quý sự (<i>Uraga Petavatthuvaṇṇanā</i>)	97

Chương II. Uất Ba Lợi Phâm (*Ubbarīvagga*)

II.1 Ly luân hồi quý sự (<i>Saṃsāramocaka Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	107
II.2 Xá Lợi Phất Mẫu quý sự (<i>Sārīputtattheramātu Petavatthuvaṇṇanā</i>)	120
II.3 Mẫu quý sự (<i>Mattā Petavatthuvaṇṇanā</i>)	126
II.4 Nan Đà quý sự (<i>Nandā Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	134
II.5 Nhĩ hoàn nữ quý sự (<i>Matṭakuṇḍali Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	139
II.6 Hắc quý sự (<i>Kaṇha Petavatthuvaṇṇana</i>)	140
II.7 Tài hộ quý sự (<i>Dhanapāla Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	147
II.8 Tiểu thương quý sự (<i>Cūḷasetṭhi Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	153
II.9 Quý sự về Ankura (<i>Aṅkura Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	157
II.10 Uất Đa La Mẫu quý sự (<i>Uttaramātu Petavatthuvaṇṇanā</i>)	183
II.11 Tư Ngạ quý sự (<i>Sutta Petavatthuvaṇṇanā</i>) ..	188
II.12 Vô nhĩ khuyến cầu quý sự (<i>Kaṇṇamuṇḍa Petavatthuvaṇṇanā</i>)	193
II.13 Uất Ba Lợi quý sự (<i>Ubbarī Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	206

Chương III. Tiêu Phâm (Cūḷavagga)

III.1 Bất đáng quý sự (<i>Abhijjāmāna Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	215
III.2 Quý sự về Sanuvasi (<i>Sānuvāsi Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	223
III.3 Tạo Xa quý sự (<i>Rathakāra Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	232
III.4 Mật quý sự (<i>Bhusa Petavatthuvaṇṇanā</i>)	237
III.5 Tiểu nhi quý sự (<i>Kumāra Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	240
III.6 Sê Rí Nì quý sự (<i>Serīnī Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	246
III.7 Liệp lộc quý sự (<i>Migaludda Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	251
III.8 Đệ nhị Liệp lộc quý sự	254
III.9 Trá khi quý sự (<i>Kūṭavinicchayika Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	257
III.10 Giới bất kinh thấp quý sự (<i>Dhātuvivaṇṇa Petavatthuvaṇṇanā</i>)	260

Chương IV. Đại Phâm (Mahāvagga)

IV.1 Âm Bá Sắc Khá Rá quý sự (<i>Ambasakkhara Petavatthuvaṇṇanā</i>)	265
IV.2 Sê Rít Sá Ká quý sự (<i>Serissaka Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	292

IV.3 Nan Đà quý sự (<i>Nandaka Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	292
IV.4 Rê Vát Ti quý sự (<i>Revatī Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	304
IV.5 Cam giá quý sự (<i>Ucchu Petavatthuvaṇṇanā</i>)	304
IV.6 Tiểu nhi quý sự (<i>Kumāra Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	308
IV.7 Vương nhi quý sự (<i>Rājaputta Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	310
IV.8 Phần thực quý sự (<i>Gūthakhādaka Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	313
IV.9 Thực phần quý sự (<i>Gūthakhādaka Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	317
IV.10 Quần tập quý sự (<i>Gaṇa Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	317
IV.11 Hoa từ quý sự (<i>Pāṭaliputta Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	320
IV.12 Âm Ba quý sự (<i>Amba Petavatthuvaṇṇanā</i>)	323
IV.13 Mộc trọc quý sự (<i>Akkharukkha Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	329
IV.14 Súc tài quý sự (<i>Bhogasaṃharaṇa Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	330
IV.15 Thương từ quý sự (<i>Seṭṭhiputta Petavatthu-vaṇṇanā</i>)	332
IV.16 Quý sự về sáu chục ngàn cái búa (<i>Saṭṭhikūṭasahassa Petavatthuvaṇṇanā</i>)	336
Kết luận	343



LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ



Kính bạch chư Đại Đức Tăng,
Kính thưa quý Phật tử và quý độc giả uyên thâm.

Tập chú giải Ngạ quý sự này được khởi dịch vào khoảng sau mùa Đông Y năm vừa rồi và hoàn mãn vào ngày 02, tháng 02, năm 1994. Qua bộ chú giải này, chúng tôi có một vài nhận xét như sau:

Những chúng sanh nào trong cõi người mà chưa chứng đắc các tầng thiền, nghĩa là tâm vẫn còn bị chi phối bởi ngũ dục: Đối với những người có Đức tin trong chánh Pháp thường gieo tạo nhiều việc phước như bố thí, trì giới v.v..., nhưng đôi khi vẫn còn phạm phải chút ít các nghiệp về thân, khẩu và ý; Do đó, sau khi chết đều tái sanh trong cõi Dục. Nếu vào lúc lâm chung mà thiện nghiệp được tích lũy mạnh hơn sanh lên trong tam thời sẽ được sanh về một trong sáu tầng trời Dục giới hay cõi nhân loại.

Tuy nhiên, nếu có ác nghiệp nào đó đã làm trong quá khứ sanh lên trong tam vào lúc lâm chung thời

người ấy phải tái sinh trong bốn khổ cảnh: Hoặc là Địa ngục, Súc sanh, A-tu-la, hoặc là sanh làm Ngạ quỷ. Nếu ác nghiệp ấy quá nặng nề, thời phải trực tiếp sanh trong địa ngục, rồi sau đó sanh trong cõi Ngạ quỷ, hoặc súc sanh v.v... Nhưng khi sanh làm người, sẽ chịu nhiều bất hạnh (đây là trường hợp chung chung chứ không tuyệt đối). Bằng ngược lại, nếu ác nghiệp yếu hơn và có tiềm ẩn trong tâm một số thiện nghiệp, nhưng vì lúc mạng chung tâm đi tái sinh là tâm bất thiện, nên người này có thể sanh vào cõi Ngạ quỷ, hoặc nửa Ngạ quỷ nửa chư Thiên, hoặc sanh trực tiếp vào cõi súc sanh.

Trong kinh có dạy rằng: "Giới ngăn ngừa cho chúng sanh không sanh vào các khổ cảnh". Nhưng cái gì khiến cho giới sanh lên trong tâm? Trong tạng Luật có dạy rằng, tâm và quý - hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi, là hai trạng thái của tâm thiện. Chúng như hai vị Kiện tướng hùng dũng dẫn đường cho Đạo quân Thiện Pháp vượt tới để người ta thành tựu những việc phước.

Chính bộ Ngạ quỷ này mà sau khi đọc xong, chắc hẳn quý vị sẽ không nhiều thì ít thấy rõ nỗi khổ cùng cực mà các Ngạ quỷ phải lãnh chịu trong khổ cảnh ấy. Và do đó, sẽ sanh tâm ghê sợ và hổ thẹn tội lỗi; nhờ vậy mà giới của quý vị sẽ được củng cố và trong sạch. Đó là lợi ích của việc thọ trì bộ Chú giải Ngạ quỷ sự này.

Đức Phật có dạy rằng: Có những nghiệp ác mà do tác ý khéo léo của những thiện nhân khiến cho nó trở thành vô hiệu nghiệp, nghĩa là nó không thể cho quả được như hạt giống không có chỗ đất và những điều kiện thích hợp để cho nó nảy mầm, đành phải khô héo và tiêu tan. Nhưng có những nghiệp mà đầu chư Thiên có Đại oai lực hay phạm thiên hay ngay cả Chư Phật trong kiếp chót của các Ngài cũng không thể tránh khỏi được. Do vậy, tôi xin lấy lời khuyên mình để thưa với quý vị rằng: Chúng ta không nên khinh thường một ác nghiệp nào cả, dầu nhỏ nhặt đến đâu, bởi vì khi nó cho quả thì sự thọ lãnh của nó thật là cay đắng và đau khổ.

Tuy nhiên, cũng có những kẻ thiếu trí tự cho rằng mình đã làm quá nhiều thiện nghiệp, thì những điều ác nhỏ nhặt có thấm vào đâu, hoặc là nếu nó có cho quả thì ta cũng có thể chịu được, vì một việc thiện lớn. Nhưng đối với họ là nhỏ, còn những người có tâm có quý thì xem những ác nghiệp nhỏ tựa như núi Thái sơn. Ở đây, tôi tán dương những người làm việc thiện dầu ở bất cứ tôn giáo nào. Nhưng tôi không khen ngợi và tán thành câu: "Sát nhất miêu cứu vạn thù", bởi vì đức Phật có dạy rằng, "Điều nào đem lại lợi ích cho người và cho chính mình thì hãy làm, bằng ngược lại thì không nên làm." Do đó, khi làm việc thiện, ta nên cố gắng tránh những điều ác có thể len lỏi vào.

Cha mẹ hay thân bằng quyến thuộc của chúng ta đã quá vãng thì ta nên làm phước về bốn món vật dụng như vật thực v.v... để hồi hướng cho những quyến thuộc ấy của chúng ta. Đó là cách báo đáp ân sâu đối với những bậc hữu ân đã quá vãng, biết đâu những quyến thuộc ấy đã sanh trong cõi Ngạ quỷ hay làm một *Vimāna Peta*, nghĩa là nửa chư Thiên nửa Ngạ quỷ; nếu không thì phước ấy cũng không vô ích cho chính ta. Ngoài cách cầu siêu ấy ra thì không còn cách nào hơn.



"Pháp thí thù thắng hơn tất cả các sự bố thí khác" (Phật ngôn).

Do phước báu của sự phiên dịch bộ kinh này, xin hồi hướng đến chư Thiên ở khắp mười phương, nhất là Vua trời Đế Thích và Tứ Đại Thiên Vương, cầu mong các Ngài hoan hỷ thọ lãnh Pháp Thí ấy. Sau khi đã thọ lãnh rồi; xin hộ trì cho cha mẹ của chúng tôi được an vui, mạnh khỏe, tật bệnh tiêu trừ, tai qua nạn khỏi và được tiến hóa trên đường Phật đạo, xin hộ trì cho chư thí chủ cũng được thành tựu các quả lành như ý nguyện, và cho tất cả chúng sanh được thanh bình hạnh phúc, mưa thuận gió hoà, người người thương yêu lẫn nhau, dìu dắt nhau vươn tới hạnh phúc tối thượng.

Người ta nói rằng: dịch là phản, nhưng với lòng tha thiết với giáo pháp của Đức Phật mà trình độ phiên dịch thì có hạn, nên không thể tránh khỏi thiếu sót; mong chư Đại Đức Tăng và chư học giả uyên thâm hãy niệm tình hỷ xả.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

***Mong thay!
Tỳ khưu Minh Huệ.***



CHÚ GIẢI VỀ NHỮNG CÂU CHUYỆN NGẠ QUÝ

**Con xin thành kính tán dương Đức Thế Tôn,
Bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri.**



LỜI PHI LỘ

1. Con xin đánh lễ Đấng cứu tinh có lòng từ bi quảng đại, Bậc đã vượt qua Đại Dương của các Pháp có thể biết được, và bằng nhiều phương tiện đã thuyết giảng các pháp vi diệu và thâm sâu.

2. Con xin đánh lễ Pháp cao thượng, được đức Chánh Biến Tri tôn trọng, nhờ đó mà những người có trí tuệ và giới đức đều được dẫn dắt ra khỏi thế gian này.

3. Con xin đánh lễ Chư Thánh Tăng, là Phước điền vô thượng gồm những bậc có những đức tánh về giới đức v.v... đã đứng vững trong các thánh Đạo.

4. Do phước báu của sự làm lễ ba ngôi Tam Bảo, do hồng ân chói lọi của Tam Bảo, xin giúp con diệt trừ những chướng ngại ở khắp mọi nơi.

5. Chính do sự khác biệt về sự hưởng quả của nghiệp này hay nghiệp khác mà các Ngạ quỷ đã gieo

tạo trong những kiếp quá khứ, khiến cho kiếp sống này hay kiếp sống nọ sanh làm một Ngạ quỷ đã xảy đến cho chúng.

6. Sự giải rõ điều này là giáo pháp ấy của chư Phật, làm cho thấy rõ sự thọ lãnh quả của các nghiệp, đặc biệt khiến cho sự kinh cảm sanh lên.

7. Và điều ấy có cơ sở trên một sự hiểu biết hoàn toàn (về chủ đề), tức là những câu chuyện Ngạ quỷ được trưng tuyên bởi những vị Thầy vĩ đại trong bộ *Khuddaka-Nikāya*.

8. Hoàn toàn dựa vào đó theo cách chú giải cổ xưa về những câu chuyện Ngạ quỷ và giải thích chủ đề đặc biệt ở nhiều chỗ.

9. Giải rõ một cách rõ ràng và không có lộn xộn những ý nghĩa vi tế theo đúng với những quan điểm của người trú ngụ trong Tịnh xá *Mahāvihāra*.

10. Tôi sẽ trình bày bằng hết khả năng của mình một bài giải thích sáng chói về ý nghĩa của chúng. Với lòng tôn kính đúng mức, xin hãy chú tâm theo dõi điều mà tôi sẽ giải ra.

Ở đây câu chuyện Ngạ quỷ (kê) về điều này hay điều nọ là nghiệp làm nguyên nhân cho sự đạt đến kiếp sống sanh làm Ngạ quỷ của chúng, Bắt đầu bằng câu chuyện về đứa con trai của vị thương nhân giàu có. Do đó, những câu chuyện Ngạ quỷ từ bài kinh mà

bắt đầu bằng câu kệ, "Những vị A-la-hán như một thửa ruộng". Diễn ra bằng lối giải thích rõ ràng ý nghĩa của chúng. Bây giờ những câu chuyện Ngạ quỷ này, được nói ra cho ai, được nói ở đâu, khi nào, và tại sao những câu chuyện ấy được nói ra? Tương truyền rằng những câu chuyện Ngạ quỷ này tiếp diễn trong hai phần, do nhân cần thiết đã sanh lên và do những câu hỏi và những câu trả lời. Ở đây, cái mà diễn ra do nhân cần thiết đã sanh lên, chừng này được nói ra bởi đức Thế Tôn, trong khi phần kia khi được hỏi bởi Trưởng lão *Nārada* và những vị khác, và được trả lời bởi Ngạ quỷ này hay Ngạ quỷ khác. Tuy nhiên, bởi vì phần này hay phần kia của những câu hỏi và những câu trả lời khi đã được nêu lên bởi Trưởng lão *Nārada* và những vị khác thì bậc Đạo sư sẽ lấy phần này hay phần nọ làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết giảng giáo pháp cho hội chúng đã hội họp ở đó; do đó toàn thể những câu chuyện Ngạ quỷ được xem là đã được nói ra bởi chính bậc Đạo sư. Khi bậc Đạo sư đã chuyển bánh xe của Giáo Pháp cao thượng và đang lưu trú ở chỗ này hay chỗ nọ, như ở *Rājagaha* và những nơi khác. Theo lệ thường, bài pháp này hay bài Pháp khác bao gồm một câu chuyện Ngạ quỷ đã xảy ra với mục đích làm cho thấy rõ sự thọ lãnh quả của nghiệp của những chúng sanh do bởi những câu hỏi và những câu trả lời mà điều này hay điều khác (đã tình cờ) sanh lên nguyên nhân cần thiết. Tới chừng mức như

vậy, đây là câu trả lời chung cho những câu hỏi nói về "do ai mà chúng được nói ra" v.v... Tuy nhiên, vấn đề này sẽ xuất hiện đặc biệt trong bài giải thích về ý nghĩa của câu chuyện này hay câu chuyện khác.

Về Tam tạng *Piṭaka*, tức là Luật tạng, Kinh tạng, và tạng *Abhidhamma*, những câu chuyện Ngạ quỷ này được bao gồm trong Kinh tạng. Đối với năm bộ *Nikāya*, tức là Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, Tương Ưng Bộ Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh, và Tiểu Bộ Kinh, chúng được bao gồm trong Tiểu Bộ Kinh. Về chín chi phần của giáo pháp, tức là những bài pháp văn xuôi, văn xuôi và kệ, những bài thuyết giảng, những câu kệ, những câu kệ cảm hứng, Kinh Phật thuyết như vậy, những câu Chuyện Bốn sanh, những điều kỳ diệu, linh tinh, chúng được phân loại là những câu kệ. Về Tám Mươi Bốn Ngàn Pháp Môn của Giáo Pháp được thừa nhận bởi vị quan giữ kho Chánh Pháp như vậy:

"Tám Mươi Hai Ngàn tôi đã lãnh hội từ Đức Phật, và Hai Ngàn từ vị Tỳ khưu, là Sārīputta. Tám Mươi Bốn Ngàn Pháp Môn này là pháp luân chuyên". Chuyện Ngạ quỷ được phân loại là một số ít trong những pháp Môn này. Bằng những phần tụng đọc, có đến bốn phần tụng đọc. Về phẩm thì chúng được phân loại thành bốn phẩm: Xà Phẩm, Phẩm *Ubbarī* (Uất-ba-lợi), Tiểu Phẩm và Đại Phẩm. Về những phẩm này, có mười hai câu chuyện trong

phẩm đầu, mười ba câu chuyện trong phẩm thứ hai, mười câu chuyện trong phẩm thứ ba, và mười sáu câu chuyện trong phẩm thứ tư. Như vậy, bộ kinh này được tô điểm bởi năm mươi một câu chuyện cả thảy. Ở đây, về phẩm thì Xà phẩm là Phẩm thứ nhứt; về những câu chuyện thì chuyện Ngạ quỷ như thừa ruộng là câu chuyện thứ nhứt, hơn nữa, trong câu chuyện này câu kệ đầu tiên là: "*Những vị A-la-hán giống như một thừa ruộng*". Bây giờ, đây là câu chuyện ấy.



CHƯƠNG I

XÀ PHẨM

(URAGAVAGGA)



I.1 PHƯỚC ĐIỀN QUÝ SỰ

(KHETTŪPAMĀ PETTAVATTHUVAṆṆANĀ)

Đức Thế Tôn, khi đang ngụ ở chỗ nuôi ăn của những con sóc, trong khu rừng Trúc tại *Rājagaha*, đã kể lại câu chuyện này liên quan đến một Nga quý nọ mà trước kia là con trai của một vị thương Nhân giàu có.

Tương truyền rằng, tại *Rājagaha* có một vị Thương nhân giàu có nọ, có của cải lớn, vật sở hữu lớn, nhiều nguồn vật chất và vô số *Koṭi* của cải tích lũy. Chính vì ông ta có của cải lớn mà ông ta đơn giản được nổi danh là *Mahā Dhanasetthi* (Đại Trưởng giả). Ông ta chỉ có một đứa con trai duy nhất, được ái nịch nhiều và được chiêu chuộng. Khi cậu ta đến tuổi thành niên thì cha mẹ của cậu nghĩ rằng, "nếu con trai của chúng ta tiêu xài một ngàn đồng mỗi ngày trong một trăm năm thì cả số của cải này cũng không hết. Hãy cho nó hưởng tài sản này theo ý thích của nó với một thân và tâm không mỏi mệt, vì không cần phải học một nghề nào". Họ đã không để cho cậu ta học nghề và khi cậu đến tuổi thành niên, họ đem về

cho cậu một nàng dâu thuộc một gia đình tốt, trẻ trung, xinh đẹp và duyên dáng, nhưng là người ưa khoái lạc nhục dục và không quan tâm đến lối sống tâm linh. Khi cậu ta hưởng những khoái lạc tình yêu với nàng, cậu chẳng hề có một ý nghĩ về chánh Pháp và trở nên bất kính với những vị Sa-môn, Bà-la-môn và những bậc đáng kính, và lại được vây quanh những người ác. Và được bám sát như thế, cậu ta vui thích trong ngũ dục bằng tánh si mê của cậu, cậu mãi mê đắm chìm trong khoái lạc và trải qua cuộc đời như thế.

Khi Cha mẹ qua đời, anh ta hoang phí của cải của mình, vung vãi tiền bạc đến những vũ nữ những ca sĩ và những người khác theo ý thích của anh ta. Chỉ trong một thời gian ngắn, tất cả của cải của anh ta dần dần cạn hết, anh ta bắt đầu sống bằng cách cần nợ vay tiền. Khi anh ta không thể kiếm thêm tiền vay và bị thúc ép bởi những chủ nợ, anh ta cho họ đất trồng trọt, nhà cửa và những thứ khác, rồi đến sống trong phước xá dành cho những người nghèo túng trong cùng thành phố ấy, ăn (cái gì anh ta kiếm được) bằng cách đi lang thang cầm bát xin ăn.

Một hôm nợ, có một số tên cướp kéo đến và nói với anh ta rằng, "Hãy nhìn đây, này người kia, tại sao cuộc sống của anh lại vất vả đến như thế này? Anh còn trẻ lại có sức mạnh, nhanh nhẹn và có khả năng. Tại sao phải sống như người mất tay mất chân vậy?

Nào! Nhờ đi ăn cắp với chúng ta, anh có thể kiếm về của cải của những người khác và sống thoải mái!" "Tôi không biết cách ăn cắp". Anh ta đáp lại. "Chúng ta sẽ chỉ cách cho anh. Anh chỉ cần làm theo mọi điều mà chúng ta bảo," những tên cướp nói. "Thôi được", anh ta đồng ý và đi chung với chúng. Rồi những tên cướp đặt một cây gậy lớn vào tay anh ta rồi đột nhập vào nhà. Khi chúng đi vào, chúng để anh ta đứng ở cửa ngạch, dặn rằng, "nếu có ai khác đến đây thì cầm cây gậy này đánh vào người ấy một cú cho chết". Đây si mê rồ dại và không biết cái gì là tốt hay xấu đối với anh ta, anh ta đứng ở đó, nhìn quanh chờ những người lạ đi đến, trong khi đó những tên cướp đi vào nhà lấy bất cứ cái gì chúng có thể rớ tới, và chạy đi loạn xạ ngay khi những người trong nhà biết được việc làm của chúng. Những người trong nhà đứng lên, chạy rất nhanh và lung sục tìm kiếm chúng khắp mọi hướng, trông thấy người đàn ông đứng ở cửa, nơi mà chúng đã đột nhập vào. "Nó đó kìa, tên cướp." Họ nói, và rồi tóm lấy anh ta và đánh anh ta bằng cây gậy và những thứ khác trên hai tay và hai chân của anh ta. Họ đưa anh ta đến trước đức vua và nói rằng "Tâu Bệ hạ", đây là tên cướp đã bị tóm bắt ở cửa miệng ngạch". "Truyền chém đầu nó!" Đức vua truyền lệnh cho đội binh bảo vệ thành phố. "Xin tuân lệnh, tâu bệ hạ", Đội lính canh thành phố nói và sai trói chặt hai cánh tay của anh ta ra sau lưng. Với một tràng hoa *Kanavira* màu đỏ được buộc quanh cổ của anh ta và

cái đầu của anh ta bị làm vấy bẩn bởi bụi gạch, người ta đánh anh ta bằng roi trong khi dẫn anh ta đến pháp trường theo con đường đã được công bố bằng tiếng trống xừ trầm. Họ dẫn anh ta đi từ con đường này đến con đường khác, và từ ngã tư đường này đến ngã tư đường khác, trong khi đó tiếng la ó từ hai bên đường vang lên rằng, "đây là tên cướp đã bị tóm bắt trong thành phố này!"

Bấy giờ trong thành phố ấy, vào trường hợp ấy, có cô gái điếm của thành phố, tên là *Sulasā*, đang đứng trong cung điện nhìn ra qua cửa sổ mắt cáo, và trông thấy anh ta bị dẫn đi như thế. Do đã làm quen với anh ta trong quá khứ, lòng thương xót đối với anh ta khởi lên trong nàng vì nàng nghĩ rằng: "Người đàn ông này mà đã thường thọ hưởng sự hưng thịnh lớn trong cùng thành phố này, nay phải rơi vào tình cảnh bất hạnh như thế, đi đến cảnh ngộ khốn đốn như vậy". Nàng gởi ra bốn loại đồ ngọt và một ít nước, và sai công bố với đội lính canh của Thành phố rằng, "Xin các ngài hãy tạm dừng một chút cho đến khi người đàn ông này đã ăn xong những thứ đồ ngọt này và uống nước này". Bấy giờ, trong khoảng thời gian xảy ra sự việc này, Đại đức *Moggallāna* trông thấy cảnh ngộ của anh ta khi Ngài dò xét thế gian bằng thiên nhãn của Ngài, tâm của Ngài bị kích động bởi lòng bi mẫn và Ngài nghĩ rằng, "Người đàn ông này đã không làm những việc phước, anh ta chỉ gây ra

những ác nghiệp mà thôi. Vì lý do này anh ta sẽ anh vào trong Địa Ngục. Nhưng nếu ta đi đến đó và anh ta chịu cho ta những thứ đồ ngọt và nước uống, thời anh ta sẽ ra đi cộng trú với những vị chư Thiên địa cầu. Lành thay, nếu ta giúp đỡ người ấy", Và Ngài xuất hiện trước mặt người đàn ông khi những thứ đồ ngọt và nước uống đang được đem đến cho anh ta. Khi anh ta trông thấy Trưởng lão, với lòng tịnh tín, anh ta suy nghĩ rằng "Nếu ta ăn những thứ đồ ngọt này thì có ích gì cho người sắp bị giết chết? Nhưng chúng có thể làm hành trang cho người đi sang thế giới bên kia". Và anh ta nhờ người dâng những thứ đồ ngọt và nước uống đến Trưởng lão. Với mục đích làm gia tăng lòng tịnh tín của anh ta, Trưởng lão ngồi xuống ở một chỗ để anh ta có thể trông thấy Ngài, và ăn những thứ đồ ngọt và uống nước, rồi đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra đi. Người đàn ông bị những Dao Phủ thủ dẫn đến pháp trường và chém đầu. Dầu anh ta đáng được sanh vào cõi *Devaloka* thù thắng nhờ việc phước mà anh ta đã gieo tạo nơi Trưởng Lão *Mahā Moggallāna*, là phước điền vô thượng, nhưng vì anh ta đã nghĩ rằng, "Chính nhờ ơn của *Sulasā* nên ta có được phước này", nên những ý nghĩ vào lúc lâm chung của anh ta bị lấm nhơ bởi những cảm nghĩ về tình thương đối với *Sulasā*, và vì thế anh ta sanh lên ở cấp độ thấp, làm một vị thọ Thần trong một cây đa lớn giữa một đám cây rừng có bóng mát đầy đặc.

Tương truyền rằng, Nếu trong thời thanh xuân của anh ta mà anh ta làm việc chăm chỉ và trông nom gia hệ, thời chắc chắn anh ta sẽ là một người tối thắng trong những vị thương nhân giàu có trong cùng thành phố ấy; nhưng trái lại, nếu khi ở tuổi trung niên, thời anh ta sẽ là người tối thắng trong những vị thương nhân giàu có bậc trung; và nếu ở tuổi già, thời anh ta sẽ là một trong những vị thương nhân bậc thấp nhất. Tuy nhiên, nếu trong thời thanh niên của anh ta mà anh ta đi xuất gia, thời anh ta sẽ trở thành một vị A-la-hán; nhưng trái lại, nếu trong thời trung niên, thời anh ta sẽ trở thành một vị Bất lai hay Nhất lai; và nếu trong tuổi già của anh ta, thì anh ta sẽ trở thành một vị Tu-đà-huần (*Sotāpanna*). Nhưng người ta nói rằng, do sự kết hợp của anh ta với bạn ác, anh ta đã trở nên ngang ngạnh và xu hướng theo hạnh kiểm xấu, và chơi bời trụy lạc với những nữ nhân, uống rượu, và đến một lúc nào đó anh ta đã tiêu phí hết tất cả tài sản của mình và đi đến cảnh ngộ bị đat to lớn ấy.

Rồi về sau vị chư Thiên ấy trông thấy *Sulasā* đang đi đến công viên. Đầy tham ái và dục vọng, vị ấy làm cho nàng mê mờ, rồi đưa nàng đến cõi của chính vị ấy, và sống gần bó với nàng trong bảy ngày và rồi cho nàng trông thấy chơn tướng của mình. Mẹ của nàng, vì không thể trông thấy nàng ở đâu, bèn rảo đi khắp các nơi mà khóc lóc. Khi mọi người trông thấy

bà ta, họ nói rằng: "Đức *Mahā Moggallāna* tôn quý là Người có đại thần thông và đại uy lực, sẽ biết được chỗ ở của nàng. Bà nên đi hỏi Ngài" "Tốt lắm, thưa các người", Bà ta nói, đoạn đi đến Trưởng lão và hỏi Ngài về vấn đề ấy. Trưởng lão nói rằng Bà sẽ trông thấy nàng ở mé góc của hội chúng khi Đức Thế Tôn đang thuyết giảng Chánh Pháp ở *Mahā vihāra*, trong khu rừng trúc, trong bảy ngày kể từ hôm nay". Rồi *Sulasā* nói với vị *Devaputta* rằng, "Thật không thích hợp để tôi sống trong trú xứ của ngài, ngày hôm nay là ngày thứ bảy, và mẹ của tôi vì không thể trông thấy tôi, sẽ rất nóng lòng và buồn khổ, xin hãy đưa tôi về lại chỗ đó, *Deva* ạ!" vị ấy đưa nàng đi khi đức Thế Tôn đang thuyết giảng Chánh Pháp ở khu rừng trúc, và đặt nàng ở mé góc của hội chúng, rồi đứng ẩn mình. Nhân đó mọi người, khi trông thấy *Sulasā*, bèn nói rằng, "*Sulasā* cưng, cô đã ở đâu trong nhiều ngày như vậy? Mẹ của cô, vì không thể trông thấy cô, đây mong ngóng và buồn khổ như người đang trí". Nàng kể cho mọi người biết biến cố đã xảy ra. Và khi mọi người hỏi rằng, "Làm sao mà người đàn ông ấy, là người đã đắm chìm trong những hành động ác như thế, và cũng là người chưa hề làm việc thiện nào, lại được sanh làm một vị *Deva*?" *Salasā* đáp lại rằng: "Anh ta đã cúng đến Trưởng lão cao quý *Mahā Moggallāna* những loại đồ ngọt và nước uống mà tôi đã cho anh ta; chính do việc phước này mà anh ta được sanh làm một vị *Deva*". Sau khi mọi người nghe

được điều này thì họ lấy làm ngạc nhiên; và họ cảm thấy hoan hỷ lớn và thoả mãn khi nghĩ rằng: "Những bậc A-la-hán quả thật là phước điền vô thượng của thế gian - Ngay cả một việc thiện nhỏ nhất được làm đến cho các ngài cũng khiến cho những chúng sanh ấy được sanh làm chư thiên".

Các vị Tỳ khưu nêu lên vấn đề này với đức Thế Tôn; và do nhân cần thiết đã sanh lên, đức Thế Tôn bèn nói những câu kệ này:

**1. Thánh Tăng như ruộng tốt tươi,
Những kẻ dâng cúng như người trồng cây;
Hạt giống như phước thí đây:
Từ những nhân ấy quả này cho ra.**

**2. Hạt này với thủa ruộng này,
Với công trồng trọt kết xây quả lành
Cho người quá vãng của mình
Và cho người đã tạo thành phước kia;
Ngạ quý hưởng phước được chia,
Người cho nhờ đó sanh về cõi vui.**

**3. Ở đây, khi phước tạo rồi,
Và cho Ngạ quý đứng ngồi chờ mong.
Phước lành khi đã tạo xong,
Người kia khi chết sanh trong cõi trời.**

Vào lúc kết thúc Pháp thoại này, Tuệ quán sanh đến cho tám mươi bốn ngàn chúng sanh bắt đầu từ vị *Devaputta* ấy và nàng *Sulasā*.

Bằng sự giải thích này về ý nghĩa bên trong, bằng sự trình bày này rõ câu chuyện Ngạ quỷ này, Phước điền Ngạ quỷ sự được kết thúc.



I.2 TRÚNG QUỶ SỰ (SŪKARA PETAVATṬHUVANNAṆĀ)

"Thân của người hoàn toàn có màu vàng".

Pháp thoại này được bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở chỗ nuôi ăn của những con sóc trong khu rừng Trúc, gần *Rājagaha*, liên quan đến một Ngạ quỷ nọ có mặt heo.

Tương truyền rằng, cách đây đã lâu, trong thời kỳ của Đức Thế Tôn *Kassapa* có một vị Tỳ khưu có thân được thu thúc, nhưng khẩu thì không được thu thúc và thường lăng mạ chửi mắng các vị Tỳ khưu. Khi vị ấy chết, tái sinh trong địa ngục; ở đó vị ấy bị thiêu đốt trong suốt thời gian giữa hai vị Phật, đến thời gian này vị ấy chết đi ở đó, như là kết quả dư báo của nghiệp ấy, sanh làm một Ngạ quỷ ở dưới chân núi Kỳ-Xà-Quật gần *Rājagaha*. Thân của nó có màu huỳnh kim, nhưng mặt của nó giống như mặt của con lợn. Vào thời ấy, Đại đức *Nārada* đang lưu trú ở núi Kỳ-Xà-Quật. Khi đã làm xong mọi nhu cầu về thân, vào lúc sáng sớm, trưởng lão mặc y và mang bát, và khi vị ấy đang đi vào thành *Rājagaha* để khất thực,

trên đường đi trông thấy Nga quý ấy, trưởng lão bèn đọc lên câu kệ này để dò hỏi nghiệp mà nó đã tạo nên:

**1. "Thân người mang sắc huỳnh kim,
Toả ra ánh sáng lung linh bốn bề;
Nhưng mặt người giống lợn xề.
Nghiệp gì người đã nặng nề tạo nên?"**

Nga quý ấy được hỏi như vậy bởi Trưởng lão về nghiệp mà nó đã tạo, bèn trả lời bằng cách thốt lên câu kệ này:

2. Tôi đã thu thúc về thân; về lời nói thì tôi không thu thúc. Vì lý do này, thưa Ngài (Nārada), sắc tướng của tôi như Ngài thấy đó."

*Tôi đã thu thúc về thân,
Nhưng còn lời nói thì không hộ phòng;
Nên thân sáng đẹp vô ngần,
Còn mặt giống lợn muôn phần xấu xa.*

Khi Nga quý đã trả lời như vậy vấn đề mà nó được hỏi đến bởi Trưởng lão, khi nường vào lý do này, nó thốt lên câu kệ này để khuyên Trưởng lão:

3. "Do đó tôi xin nói với Ngài, Thưa Ngài (Nārada), chính Ngài đã trông thấy điều này; đừng tạo nghiệp ác về khẩu, đừng kết thúc bằng cái mặt heo!"

Vậy, hỡi (Nārada):

*Tôi xin được nói rằng
Điều này Ngài đã thấy,;
Ác khẩu chớ tạo ra,
Đừng để kiếp sau phải
Có mặt heo như ta!*

Rồi Trưởng lão *Nārada* đi tiếp đến *Rājagaha* để khất thực. Sau khi thọ thực xong, vị ấy trở về và nêu vấn đề với Bậc Đạo sư khi Ngài đang ngồi ở giữa tứ chúng. Bậc Đạo sư nói rằng: "Này *Nārada* Như Lai cũng đã trông thấy chúng sanh ấy trong quá khứ", và rồi thuyết Pháp khi giải thích bằng vô số cách về những quả liên quan đến ác hạnh. Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho hội chúng đã hội họp ở đó.



I.3 XÚ KHẨU QUỶ SỰ **(PŪTIMUKKHA PETAVATTHUVANANĀ)**

"Người có nước da đẹp như chư Thiên".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở chỗ nuôi ăn của những con sóc trong khu rừng trúc, liên quan đến một Ngạ quỷ nọ có miệng thú.

Tương truyền rằng cách đây đã lâu, trong thời của Đức Thế Tôn *Kassapa*, có hai chàng thanh niên thuộc gia đình danh giá, đã xuất gia theo giáo pháp của Ngài và có đầy đủ giới hạnh, sống thọ trì các

hạnh đầu đà và trú ngụ với nhau trong sự hoà hợp ở trong một ngôi làng nọ. Rồi một vị Tỳ khưu nọ, có xu hướng theo những việc làm ác và thích đâm thọc, đã đến tại chỗ ngụ của họ. Hai vị Trưởng lão đã tiếp đón vị ấy một cách thân mật và lo cho vị ấy nơi ăn chốn ở. Vào ngày hôm sau, hai vị trưởng lão cùng với vị Tỳ khưu kia đi vào làng để khất thực. Khi trông thấy những vị này, dân chúng tỏ sự tôn kính tốt bậc đến ba vị Trưởng lão và dâng cúng đến họ một bữa ăn bằng cơm dẻo và những thứ khác. Khi vị Tỳ khưu ấy đã đi vào Tịnh xá, vị ấy suy nghĩ, "Ngôi làng này là một nguồn vật thực hấp dẫn, vì những người của nó có đầy niềm tin, lại dâng cúng vật thực ngon, và tịnh xá này mát mẻ, lại có nước đầy đủ. Ta có thể sống hạnh phúc ở đây; Nhưng chừng nào hai vị Tỳ khưu này còn sống ở đây thì Tịnh xá này sẽ không đem lại cho ta sự thoả mái nào- Ta sẽ sống ở đây như một môn đệ thường trú. Thôi được, ta phải làm cho họ phải xa lìa nhau và khiến họ không thích sống ở đây nữa".

Bởi vậy vào hôm nọ, khi vị Trưởng lão lớn đã giới thiệu hai vị kia rồi thì vị Tỳ khưu đâm thọc đi vào chỗ ngụ của vị ấy, ở lại đó một chốc lát và rồi đi đến vị Trưởng lão lớn ấy. Trưởng lão hỏi vị ấy rằng: "Này hiền giả, tại sao hiền giả đến vào lúc phi thời như thế?" "Thưa ngài, tôi có chuyện cần nói ra", (vị ấy đáp lại); Và khi Trưởng lão đã cho phép vị ấy (nói) thì vị ấy nói rằng: "Thưa Ngài, vị Trưởng lão bạn này của

Ngài khoe mình như một người bạn trước mặt của Ngài, nhưng sau lưng thì nói những chuyện về Ngài như là một địch thủ". Khi được hỏi đó là điều gì, vị ấy nói rằng: "Hãy lắng nghe, thưa Ngài, vị ấy nói về điều mang tai tiếng của Ngài, rằng: "Vị Trưởng lão lớn lão cá, xảo quyệt và gian dối; vị ấy kiếm sống bằng những phương tiện bất chánh". "Đừng nói như vậy, này hiền giả, vị Tỳ khưu này không nói những chuyện như thế về tôi. Vị ấy đã biết tánh của tôi từ lúc chúng tôi còn là cư sĩ. Tôi luôn luôn có tánh thân ái và dễ thương". "Nếu Ngài nghĩ như vậy do bởi tấm lòng thanh tịnh của Ngài, thời điều ấy xem như xong đối với Ngài. Nhưng tôi thì không có cảm nghĩ xấu đối với vị ấy như vậy, thế thì tại sao tôi lại nói cho Ngài biết rằng vị ấy đã nói như vậy nếu vị ấy không nói điều đó? Tốt lắm, thưa Ngài, nhưng chính Ngài sẽ tự mình hiểu về điều ấy sau một thời gian", vị ấy nói. Nhưng vị Trưởng lão ấy, vì vẫn còn là một *Puthujjana*, trở nên bán tín bán nghi, tự hỏi rằng' "Có đúng như vị ấy nói không?" Và sự ngờ vực khởi lên trong tâm của vị ấy, lòng tin cậy của vị ấy bị lay động một ít. Sau khi đã làm ly gián vị Trưởng lão lớn, kẻ ngu ấy cũng đưa vị Trưởng lão kia vào tình trạng như đã nói ở trên. Vào ngày hôm sau, vị trưởng lão lớn chẳng nói chuyện với vị Trưởng lão kia khi mang y và bát, và đi vào ngôi làng ấy để khất thực. Khi họ đem về vật thực khất thực của họ, mỗi người ăn nó trong chỗ ngụ riêng của mỗi người và không trao đổi

một sự xã giao nào, đầu nhỏ nhất nhất, trải qua ngày ngay tại chỗ đó; Trong khi vào lúc rạng sáng, mỗi người đi đến bất cứ chỗ nào mà người ấy thấy thuận tiện và không báo cho vị kia biết. Khi họ trông thấy vị Tỳ khưu đâm thọc đã đi vào ngôi làng ấy, là nơi có thể làm thành tựu tất cả những ước muốn của vị ấy, mọi người hỏi rằng: "Thưa Ngài, các vị Trưởng lão đã đi đâu rồi?" "Họ cãi lộn nhau suốt đêm. Tôi đã khuyên họ đừng cãi cọ mà hãy sống trong sự hoà hợp và rằng sự cãi vã ấy dẫn đến sự bất hạnh, đem lại sự đau khổ trong tương lai và đưa đến những việc làm bất thiện; Hơn nữa, bấy nhiêu điều có lợi ích mà đã được làm rồi xem như bị tiêu tan bởi sự tranh cãi và những điều khác. Nhưng họ đã bỏ đi và không quan tâm đến những lời khuyên của tôi". Khi nghe điều này, dân chúng nài nỉ rằng: "Hãy để những vị Trưởng lão ấy đi, nếu họ muốn như vậy. Nhưng Ngài phải ở lại đây vì lòng bi mẫn đối với chúng tôi. Ngài sẽ không có sự hối tiếc nào!" "Tốt lắm" Vị ấy đồng ý. Khi đã ở lại đó trong vài ngày, vị ấy suy nghĩ, "ta đã gây bất hoà cho những vị Tỳ khưu có giới đức và có tánh dễ mến, do lòng ham hố trú xứ của ta. Chắc chắn ta sẽ làm một điều ác độc rồi!" Và bị dày vò bởi lương tâm khó chịu cùng cực, vị ấy nhuộm bệnh bởi sức nặng của sự sầu khổ của vị ấy; chẳng bao lâu vị Tỳ khưu đâm thọc mạng chung và tái sanh trong địa ngục *Avīci*.

Khi hai vị Trưởng lão bạn kia đi lang thang quanh khắp vùng ấy, họ gặp nhau ở một chỗ ngụ nọ và trao đổi những lời chào hỏi thân thiện với nhau. Họ báo cho nhau biết về những lời ly gián mà vị Tỳ khưu kia đã nói; và khi họ khám phá rằng không có sự chơn thật trong đó, lại hoà hợp trở lại; và đúng lúc họ trở về lại chính chỗ ngụ ấy. Khi dân chúng trông thấy hai vị Trưởng lão ấy, họ vô cùng vui sướng, và đây hạnh phúc, dâng cúng hai vị Trưởng lão bốn món vật dụng. Hai vị Trưởng lão ở lại đó, được cung cấp bởi đồ ăn thích hợp và đã phát triển tuệ quán do sự tập trung của tâm, và không bao lâu sau chúng đạt đạo quả A-la-hán.

Vị Tỳ khưu đâm thọc bị thiêu đốt trong địa ngục trong một trung gian Phật thời; và trong suốt thời gian của Đức Phật này, sanh lên không cách xa thành Vương xá làm một Nga quý có miệng hôi thối. Thân của nó có màu sắc huỳnh kim, nhưng có những con giòi bò ra từ miệng của nó và đục khoét chỗ này chỗ nọ trên mặt của nó. Nó toả ra mùi hôi thối, xông khắp cả không trung. Bấy giờ, khi Đại Đức *Nārada* đi xuống từ ngọn núi Kỳ-Xà-Quật, vị ấy trông thấy nó và hỏi về nghiệp mà nó đã tạo bằng câu kệ này:

"Người có sắc đẹp của chư Thiên. Nhưng khi người đứng trong không trung, trong bầu trời, thì những con giòi đục khoét cái miệng

thối của người. Người đã làm nghiệp gì trong quá khứ?"

*"Thân người đẹp sắc chư Thiên
Nhưng khi người đứng ở trên bầu trời,
Thì từ cái miệng của người
Bị đục khoét bởi đám giò thối tha.
Nghiệp gì người đã tạo ra
Trong thời quá khứ nói ta nghe nào?"*

Khi được hỏi bởi Trưởng lão về nghiệp mà nó đã làm, con Ngạ quỷ thốt lên câu kệ để giải thích vấn đề:

2. "Tôi là một vị Sa-môn có miệng ác và thối tha; Dầu mang lột của một vị Sa-môn, nhưng tôi không thu thúc cái miệng. Do sự tinh tấn khô hạnh của ta khiến ta nhận được màu sắc này, và do lời nói đâm thọc của ta khiến tôi có miệng hôi thối."

*"Tôi là một vị xuất gia.
Nói lời chia rẽ thối tha không chừng.
Dầu mang tướng mạo Sa-môn,
Nhưng về khẩu nghiệp tôi không hộ phòng.
Do công tinh tấn tu hành,
Nên thân tôi có sắc vàng huỳnh kim,
Và do đâm thọc xỏ xiên.
Nên miệng tôi bị thối rình như ri."*

Khi Ngạ quỷ ấy đã trình bày nghiệp mà nó đã tạo, sau đó nó nói lên câu kệ kết luận để khuyên Trưởng lão:

3. Chính Ngài đã trông thấy điều này, thưa ngài *Nārada*. Những người mà có lòng bi mẫn và có thiện tâm thường nói rằng: "Đừng nói đâm thọc cũng đừng nói dối - như thế người sẽ trở thành một *Yakkha* với tất cả những mong muốn của người được làm thoả mãn."

*"Chính Ngài đã thấy điều này,
 Những người tốt bụng và hay thương người
 Khuyên "Đừng đâm thọc dối đời -
 Nếu được như thế cõi trời chờ mong,
 Làm chư Thiên hoặc Dạ Xoa,
 Những điều mong muốn cho ta tức thì".*

Khi đã nghe qua điều này, Trưởng lão đi tiếp đến thành Vương Xá để khất thực. Khi đã độ thực xong sau khi khất thực trở về, vị ấy nêu lên vấn đề với Bạc Đạo sư. Bạc Đạo sư lấy đó làm nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết giảng chánh pháp. Thời Pháp ấy đem lại lợi ích cho hội chúng đã tụ họp ở đó.



1.4 TÍCH TRUYỆN CÁI BÁNH ĐỒ CHƠI (PIṬṬHADHĪTALIKA)

"Liên quan đến bất cứ ai!"

Bậc Đạo sư, khi đang ngụ trong *Jetavana* tại *Sāvatthi*, đã kể lại câu chuyện này, liên quan đến sự bố thí vật thực của gia chủ *Anāthapiṇḍika*.

Tương truyền rằng, đứa cháu gái của gia chủ *Anāthapiṇḍika*, vẫn còn là một cô gái nhỏ, được vú nuôi cho một cái bánh đồ chơi, bà ta nói rằng, "Hãy lấy cái này mà chơi". Cô bé xem nó như đứa con gái của chính mình. Rồi một hôm, trong khi đang chơi với nó, cô bé bất cẩn để nó rơi xuống và bị vỡ. Khi thấy vậy, cô bé bật khóc, nói rằng, "con gái của tôi đã chết!" Nhưng không có người hầu nào có thể làm vơi nước mắt của nó được.

Bấy giờ trong cùng thời gian ấy, Bậc Đạo sư đang ngồi trong chỗ ngồi đã được soạn sẵn trong nhà của gia chủ *Anāthapiṇḍika*, và vị Thương nhân rất giàu có ấy thì ngồi gần Đức Thế Tôn. Bà vú nuôi đi với cô gái đến trước vị Thương nhân. Khi ông ta trông thấy bà ta, ông ta nói rằng, "tại sao cháu bé này khóc?" Bà vú nuôi tường thuật lại biến cố đã xảy ra với vị phú thương, và ông ta để cô bé ngồi trên đùi của ông ta và an ủi nó: "ông sẽ cúng dường vật thực nhân danh con gái của cháu". Và rồi bạch với Bậc Đạo sư rằng: "Con muốn cúng dường vật thực nhân danh con gái của

cháu gái con- là cái bánh đồ chơi này. Xin Ngài hoan hỷ nhận lời mời của con, bạch Đức Thế Tôn, và năm trăm vị Tỳ khưu đến thọ thực vào ngày mai". Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi vào ngày hôm sau, đức Thế Tôn đi với năm trăm vị Tỳ khưu, đến nhà của vị phú thương ấy và, khi Ngài đã thọ thực xong, bèn nói những câu kệ này để nói lên lời tán dương của Ngài:

1. Liên quan đến bất cứ ai, những người không bỏn xèn cho vật thực, dẫu đối với những Ngạ quỷ trước kia, hay hơn nữa đến những vị chư Thiên trong nhà,

2. Và Tứ Đại Thiên Vương, là những kẻ hộ trì nổi tiếng của thế gian; Đó là: *Kuvera, Dhataranṇha, Virūpakka, Virulhaka*. Khi những vị này được tôn kính thì những người cho không phải không có quả báu.

3. Dầu khốc lóc, sâu muộn hay ta thán đến bao nhiêu cũng không đem lại lợi ích gì cho những Ngạ quỷ, dẫu những quyền thuộc của họ mãi theo sát bên họ.

4. Nhưng sự bố thí này mà sau khi đã được làm rồi, đã gieo trồng vững chắc trong chư Tăng, thì bằng kết quả tức thời sẽ đem lại lợi ích lâu dài cho chúng.

*Những người không bỏn xèn
Hàng cho ra vật thí,*

Rồi cho bất cứ ai,
Hoặc Nga quý quá vãng,
Hay đến những chư Thiên,
Ở trong các tư gia.
Và Tứ Đại Thiên Vương,
Là những kẻ bảo vệ,
Nổi tiếng của thế gian -
Đó là Kú-Vê-Rá
Và Dhá-Tá-Rá-tha
Và Vi-ru-bắc-khá
Cùng Ví-run-há-cá.
Khi những thiên vương này
Được tôn kính như vậy,
Thì những người bố thí
Không phải không có quả.
Dầu khóc lóc buồn rầu,
Hay ta thán thế nào,
Cũng không đem lợi ích
Đến cho những Nga quý,
Dầu quyến thuộc của chúng
Cứ dai dẳng nhớ chúng.
Nhưng sự bố thí này
Mà đã được làm rồi,
Và đã trồng vững chắc
Trong chúng tăng của Phật
Thì hiệu quả tức thì
Sẽ làm lợi lâu dài
Cho những Nga quý ấy.

Khi Đức Thế Tôn đã thuyết giảng chánh pháp như thế và đã làm cho người ấy vui thích trong sự bố thí nhân danh những Ngạ quỷ, Ngài đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra đi. Vào ngày hôm sau, người vợ của vị phú hộ ấy tổ chức một cuộc bố thí vật thực to lớn kéo dài đến một tháng. Rồi ngài *Pāsenadi*, vua của nước (*Kosala*), đi đến Đức Thế Tôn và hỏi rằng, "Bạch Đức Thế Tôn, tại sao những vị Tỳ khưu không đến nhà của con cả tháng nay?". Khi Bạc Đạo sư báo cho vị ấy biết lý do thì Đức vua cũng vậy, noi theo gương của vị phú hộ ấy, tổ chức một cuộc lễ bố thí lớn đến chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu. Và khi trông thấy điều này thì những thần dân cũng noi theo gương của Đức Vua và tổ chức một cuộc Đại thí lớn kéo dài trong một tháng. Như vậy, họ đã tổ chức một cuộc đại thí kéo dài trong hai tháng, tất cả đều do cái bánh đồ chơi.



I.5 HỘ NGOẠI QUỲ SỰ (*TIROKUPPA PETAVATTHUVANNA*)

"Chúng đứng ở bên ngoài những vách nhà".

Bạc Đạo sư trong khi đang trú ngụ ở *Rājagaha*, đã kể lại câu chuyện này liên quan đến một số lớn Ngạ quỷ. Đây là câu chuyện ấy, được kể đầy đủ chi tiết.

Cách đây chín mươi hai Đại kiếp có một Thành phố tên là *Kāśipurī*. Tại đó có một vị vua tên là *Jayasena*, trị vì trong xứ ấy. Hoàng hậu của vị ấy tên là *Sirimā* và bà mang thai Bồ tát *Phussa*, là người đã đến thời kỳ chứng đắc Nhất thiết trí (của một vị Phật). Đức Vua *Jayasena* ưa thích sở hữu, nghĩ rằng, "con trai của ta chính là người đã thực hiện sự từ bỏ vĩ đại và đã trở thành một vị Phật. Đức Phật là riêng của ta, Đức Pháp là riêng của ta, Đức Tăng là riêng của ta", và chính vị ấy đã hầu hạ các Ngài luôn khi, chẳng cho ai khác được một cơ hội nào. Ba anh em của đức Thế Tôn, là những người em trai của một người mẹ khác, suy nghĩ rằng, "Chư Phật quả thật sanh lên dành cho toàn thể thế gian, không chỉ vì một ai cả; Tuy nhiên, cha của chúng không cho một ai khác có được một cơ hội. Bây giờ làm sao chúng ta có thể hầu hạ chư tăng cho được?" Và rồi ý nghĩ này đến với họ, "nào chúng ta hãy bày ra một số cách nào đó!" bởi vậy họ làm ra vẻ như có một cuộc dấy loạn ở vùng biên giới. Khi Đức vua nghe tin về cuộc nổi loạn ở vùng biên giới này, vị ấy sai ba người con trai này đi dẹp yên vùng biên giới. Họ đi và làm yên ổn mọi chuyện. Và khi họ trở về, Đức vua lấy làm hoan hỷ và ban cho họ một đặc ân, nói rằng, "Hãy lấy bất cứ cái gì mà các con muốn". "Chúng con muốn hầu hạ đức Thế Tôn", họ nói. "Các con có thể lấy bất cứ cái gì ngoài vị ấy". Đức vua đáp lại. "Chúng con không màng điều gì khác", Họ nói. "Trong trường hợp ấy;

hãy chọn một thời gian có giới hạn và thỉnh Ngài". Họ xin được bảy năm, nhưng đức Vua không đồng ý. Họ lại lần lượt xin sáu năm, bốn, hai, một năm; Trong bảy tháng, sáu, năm, bốn, ba tháng và cuối cùng đức vua nói rằng, "Hãy thỉnh Ngài đi!" Họ đi đến Đức Thế Tôn và bạch rằng, "Bạch đức Thế Tôn, chúng con muốn hầu hạ đức Thế Tôn trong ba tháng. Bạch đức Thế Tôn, Cầu xin Đức Thế Tôn nhận lời của chúng con trong ba tháng của mùa mưa này!" Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Ba người ấy gửi một bức thư đến sứ giả của họ ở trong châu quận ấy (nơi mà đức Thế Tôn sẽ trú ngụ), nội dung nói rằng, "Đức Thế Tôn sẽ được hầu hạ bởi chúng ta trong ba tháng này. Trước nhất, hãy dựng lên một Tịnh xá và rồi kiểm mọi thứ cần đến để hầu hạ Đức Thế Tôn". Ông ta nhắn tin về lại khi ông ta đã kiểm mọi thứ. Họ mặc những y phục màu vàng và cùng với năm trăm nam hầu, đưa Đức Thế Tôn và chư Tăng đến vùng ấy, hầu hạ các Ngài một cách cung kính, và dâng Tịnh xá đến các Ngài và để các ngài an cư tại đó trong mùa mưa. Vị quan thù quý là con trai của một gia chủ, đã có vợ, có đức tin và lòng tịnh tín. Bằng sự chăm lo chu đáo, vị ấy cúng dường các thí vật để bố thí đến Chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu. Vị sứ giả trong vùng ấy nhận những thứ này và cùng với mười một ngàn người từ châu quận ấy tổ chức sự bố thí cúng dường bằng sự quan tâm chu đáo. Bấy giờ có một số người ở đó có tâm ô nhiễm. Chúng ngăn chặn những vật thí, chính

chúng ăn những thí vật và châm lửa vào nhà ăn. Khi các Ngài đã tổ chức lễ tự tứ thì những đứa con trai của Đức vua đánh lễ đức Thế Tôn và rồi trở về, cùng với Đức Thế tôn đi trước, họ đến trước mặt phụ vương của họ. Sau khi đức Thế Tôn đi đến đó, Ngài nhập Niết bàn.

Đến đúng thời kỳ, những đứa con trai của đức vua, vị sứ giả và vị Quan thủ quản của họ đều chết và sanh về Thiên giới cùng với hội chúng (những người nam hầu ấy); Trong khi những người có tâm bất thiện thì sanh vào trong các địa ngục. Rồi trong suốt hiên kiếp này, vào thời kỳ của Đức Thế Tôn *Kassapa*, những người có tâm bất thiện ấy sanh vào trong hội chúng Ngạ quỷ. Lúc bấy giờ, khi dân chúng cúng dường vật thực nhân danh những quyền thuộc sanh làm Ngạ quỷ của họ, hồi hướng cho chúng, khi nói rằng, "Xin cho phước thí này thấu đến quyền thuộc của chúng tôi!" Nhân đó, chúng đạt được sự tối thắng. Bấy giờ, khi những Ngạ quỷ ấy trông thấy điều này, chúng đi đến Đức Thế Tôn *Kassapa* và hỏi rằng, "Bạch đức Thế Tôn, làm sao chúng con đạt được sự thù thắng như thế?" Đức Thế Tôn nói rằng, "Các ngươi sẽ không đạt được điều ấy bây giờ đâu. Tuy nhiên, trong tương lai sẽ có một vị Chánh Biến Tri tên là *Gotama*. Vào thời kỳ của đức Thế Tôn này sẽ có một vị vua tên là *Bimbisara*, là quyền thuộc của các ngươi cách đây chín mươi hai Đại kiếp. Vị ấy sẽ

cúng dường vật thực đến vị Phật ấy và hồi hướng phước thí ấy cho các người. Rồi các người sẽ đạt được sự thù thắng như vậy". Tương truyền rằng, khi Ngài nói điều này thì xem ra đối với những Ngạ quỷ ấy tựa như Ngài đã nói rằng họ sẽ đạt được nó trong ngày hôm sau.

Rồi khi một trung gian Phật thời đã trôi qua và Đức Thế Tôn của chúng ta đã sanh lên trong thế gian, thì ba người con trai ấy của đức vua, cùng với một ngàn người cũng đi xuống từ cõi cõi chư Thiên và sanh trong dòng Bà-la-môn, trong vương Quốc *Magadha*. Đến thời kỳ, họ xuất gia sống cuộc đời không nhà của Sa-môn và trở thành Ba đạo sĩ tóc búi của xứ *Gayāsīsa*. Vị sứ giả của họ trong châu quận ấy trở thành *Visākhā*, có vợ tên là *Dhammadinṇā* - con gái của một vị phú hộ; Trong khi hội chúng còn lại thì sanh trong những tùy tùng của Đức vua.

Khi Đức Thế Tôn của chúng ta đã sanh lên trong thế gian và trải qua bảy tuần lễ (sau khi Ngài giác ngộ), đến đúng thời kỳ, Ngài đi đến Ba La Nại; Ở đó, Ngài chuyển Pháp luân và giáo hóa cho năm anh em Kiều Trần Như, rồi đến ba vị Đạo sĩ tóc búi cùng với một ngàn môn đệ của họ, và rồi đi đến *Rājagaha*. Ở đó, Ngài an trú vào quả Thánh Tu-đà-huờn cho đức vua *Bimbisāra* ..., là người đã đến để yết kiến Ngài trong chính ngày hôm ấy, cùng với một trăm mười ngàn gia chủ Bà-la-môn, là những dân cư của xứ

Aṅgamaḡadha. Ngài chấp nhận lời mời của đức vua đến thọ thực vào ngày hôm sau - và ngày kế tiếp Ngài đi vào *Rājagaha* với *Sakkha*, là chúa của chư Thiên, đã hóa ra làm một chàng trai Bà-la-môn, đi trước Ngài và tán dương Ngài bằng những câu kệ bắt đầu bằng:

"Những kẻ được điều ngự đi chung với Đấng Điều ngự, những kẻ được giải thoát đi chung với đấng giải thoát; Đức Thế Tôn, sáng chói như viên ngọc huỳnh kim, đi vào *Rājagaha* với ba vị đạo sĩ tóc búi trước kia".

Và trong chỗ ngụ của đức Vua, Ngài nhận được sự cúng dường vật thực vĩ đại. Bấy giờ những Ngạ quỷ mà đứng bao quanh ngôi nhà nghĩ rằng, "Bây giờ đức vua sẽ hồi hướng vật thí đến chúng ta". Nhưng khi cúng dường vật thực, đức vua chỉ nghĩ về khu vực dành cho tinh xá của Đức Thế Tôn mà thôi, khi tự nghĩ rằng, "giờ này Đức Thế Tôn trú ngụ ở đâu?" và vị ấy không hồi hướng phước thí đến cho ai cả. Vì không được vật thí theo cánh này, những Ngạ quỷ ấy thất vọng, và đêm hôm ấy kêu than trong nỗi thống khổ cay đắng và ghê sợ trong chỗ ngụ đức vua. Đức vua bị dao động, đầy sợ hãi và run rẩy. Vào lúc rạng sáng, vị ấy kể lại với Đức Thế Tôn rằng, "Bạch Đức Thế Tôn, suốt đêm con đã nghe một âm thanh rùng rợn như thế. Chuyện gì sẽ xảy đến cho con?" Đức thế Tôn nói rằng, "Đừng sợ, tâu Đại vương, không có

điều xấu nào xảy đến cho Đại vương đầu; Bệ hạ sẽ hoàn toàn bình an, sự thật là những quyển thuộc trước kia của Đại vương mà đã sanh trong giới những Ngạ quỷ đã đi lang thang trong suốt một trung gian Phật thời, với lòng mong mỏi rằng Đại vương sẽ cúng dường vật thí đến một vị Phật và sẽ hồi hướng phước thí đến cho chúng. Nhưng khi Đại vương đã cúng dường vật thực ngày hôm qua, Đại vương đã không cho phước thí ấy, nên chúng đã thất vọng và kêu than trong nỗi đau đớn ghê sợ như thế" "Bạch Đức Thế Tôn, chúng có nhận được phước thí ấy không, nếu những vật thí ấy được cho đến chúng bây giờ?" (Đức vua hỏi) "Được, tâu Đại vương". "Thế thì xin Đức Thế Tôn hãy nhận lời mời của con vào ngày hôm nay và con sẽ hồi hướng những vật thí ấy đến cho chúng". Đức Thế Tôn im lặng nhận lời mời. Đức vua đi về chỗ ngụ của vị ấy và sai sửa soạn một cuộc bố thí to lớn, rồi sai công bố giờ giấc với Đức Thế Tôn. Ngài đi đến hoàng cung cùng với chư Tăng và ngồi xuống trên chỗ ngồi đã được soạn sẵn. Những Ngạ quỷ suy nghĩ rằng, "Ngày hôm nay chúng ta có thể kiếm được một cái gì đó", và đi đến đứng ở bên ngoài những vách tường và những chỗ khác. Đức Thế Tôn khiến cho chúng hiện rõ trước mắt đức vua. Khi rót nước bố thí, đức vua nói lời hồi hướng rằng, "xin cho phước thí này thấu đến những quyển thuộc của tôi", và ngay khi ấy những hồ sen hiện ra dành cho những Ngạ quỷ, trên mặt hồ đầy những hoa sen và hoa súng xanh.

Chúng tắm và uống nước trong những hồ sen ấy và nhờ vơi đi những thống khổ, sự mệt mỏi và khát bông, chúng trở nên có sắc huỳnh kim. Đức vua cúng dường cơm dẻo và những vật thực loại cứng loại mềm và hồi hương những vật thí này, và ngay tức thì món cơm dẻo của chư Thiên và những vật thực loại cứng loại mềm hiện ra. Khi chúng đã ăn những thứ này thì các căn của chúng trở nên tươi tắn. Đức vua cúng dường y phục và chỗ ngủ, rồi hồi hương những thứ này; Thế là y phục và những cung điện của chư Thiên, được trang bị đầy đủ bằng những chiếc trường kỷ và những tấm khăn trải giường v.v..., hiện ra cho chúng. Tất cả sự thù thắng này của chúng khiến cho Đức vua thấy rõ ngay khi Đức Thế Tôn đã nguyện cho nó được như thế. Và khi đức vua trông thấy như vậy thì vị ấy hoàn toàn vui sướng. Rồi khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong và đã ăn no bụng, ngài kể cho đức vua nghe những câu chuyện về những Ngạ quỷ ở bên ngoài vách nhà, để thay lời phúc chúc của Ngài:

1. Chúng đứng ở bên ngoài những vách tường và ở những ngã tư đường; chúng đi đến nhà riêng của chúng và đứng ở những trụ cửa.

2. Mặc dầu có nhiều đồ ăn và thức uống, những vật thực loại cứng loại mềm được dọn ra, nhưng không có ai nhớ đến những chúng sanh ấy vì những nghiệp của chúng.

3. Bởi vậy, những người mà có lòng thương tưởng hãy cho những đồ ăn và thức uống đúng thời, thượng vị, thuần tịnh nhất để hồi hướng đến những quyền thuộc của họ, cầu nguyện rằng, "xin cho những phước thí này thấu đến những quyền thuộc của chúng tôi! Cầu xin cho những quyền thuộc của chúng tôi được hạnh phúc!"

4. Và những quyền thuộc sanh làm Ngạ quỷ ấy đã tụ họp ở đó sẽ tỏ sự tùy hỷ của chúng đối với đồ ăn và thức uống dồi dào ấy, nói rằng:

5. "Sự trường thọ hãy đến với quyền thuộc của chúng ta; nhờ họ mà chúng đã có được (tất cả) điều này vì sự tôn trọng đã được thể hiện đến với chúng ta. Và những người cho ra không phải không có những kết quả!"

6. Vì ở đó không có sự trồng trọt cấy cày, cũng không có sự chăn nuôi gia súc; không có những điều như sự làm nghề kiếm ăn và sự mua bán bằng vàng. Những Ngạ quỷ, những kẻ đã quá vắng ở đó chỉ được nuôi sống bằng cái gì được cho đến từ đây.

7. Như mưa rơi trên những vùng đất cao chảy xuống những vùng đất thấp; cũng vậy,

những gì được cho đi từ đây sẽ đem đến lợi ích cho những Nga quý.

8. Cũng như những sông rạch được làm đây sẽ làm đây đại dương; cũng vậy, những gì được cho đi từ đây sẽ đem lại lợi ích cho những Nga quý.

9. "Người ấy đã cho đến tôi, người ấy đã làm cho tôi, người ấy là quyền thuộc của tôi, là bạn bè và người thân quen của tôi"; (như vậy) khi nhớ đến những gì mà họ thường làm, người nên cho những phước thí đến những Nga quý.

10. Dầu khóc lóc đến mấy, sầu muộn hay ta thán cách nào cũng không đem lại lợi ích cho Nga quý đâu, đâu những quyền thuộc của họ có khẳng khẳng theo họ.

11. Nhưng phước thí này mà sau khi đã được làm và được gieo trồng vững chắc trong chư Tăng, thì bằng hiệu quả tức thời, sẽ đem lại lợi ích lâu dài cho chúng.

12. Bây giờ điều này, là phận sự đối với những quyền thuộc của người, đã được chỉ ra rồi và sự tôn kính cao tột đã được thể hiện đến những Nga quý; sức lực đã được cung cấp đến các vị Tỳ khưu và việc phước mà người đã làm không phải là nhỏ.

Chú giải:

"VÀ NHỮNG NGƯỜI CHO KHÔNG PHẢI KHÔNG CÓ QUẢ BÁU (*Dāyakā ca anipphalā*). Bởi vì việc làm ấy (bao gồm sự bố thí) cho kết quả của nó ở chỗ này chỗ kia, vì việc phước ấy đã nằm trong tâm của người cho rồi. Ở đây, người ta có thể hỏi rằng: "Làm sao mà chỉ những kẻ sanh trong Ngạ quỷ mới nhận được sự thù thắng này do nhờ những quyền thuộc của chúng, hay những Ngạ quỷ khác cũng lãnh được nó? Không có điều gì cần thiết được nói ra bởi chúng ta ở đây cả, vì điều này đã được giải thích bởi Đức Thế Tôn như vậy:

"Thưa thầy *Gotama*, những vị Bà-la-môn chúng tôi bố thí vật thực và làm những việc làm cúng tế khác khi nói rằng, "cầu mong những vật thí này đem lại những lợi ích cho Ngạ quỷ, là những quyền thuộc của chúng tôi, là những bà con ruột thịt của chúng tôi! Xin cho những quyền thuộc Ngạ quỷ của chúng tôi và những bà con ruột thịt của chúng tôi hưởng vật thí này!" Thưa Sa-môn *Gotama*, có phải những vật thí ấy đem lại lợi ích cho những Ngạ quỷ ấy, là những quyền thuộc và là những người thân thích của chúng tôi chăng? Những quyền thuộc Ngạ quỷ và những người bà con thân thích của chúng tôi có thật sự hưởng được những vật thí ấy không?"

"Này Bà-la-môn, nếu chúng ở đúng chỗ thì chúng sẽ được lợi ích; nếu chúng ở chỗ không thích hợp thì

không được lợi ích". "Nhưng chỗ nào là chỗ thích hợp, thưa Thầy *Gotama*, và chỗ nào là chỗ không thích hợp?"

"Này Bà-la-môn, ở đây có một người nọ sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói đâm thọc, nói lời thô lỗ, nói lời phù phiếm, tham lam, hiểm ác trong tâm và có tà kiến". Vào lúc thân hoại mạng chung, kẻ ấy sanh trong địa ngục. Vị ấy chống chọi ở đó, vị ấy tồn tại ở đó bằng bất cứ cái gì gọi là vật thực của những chúng sanh ở trong địa ngục. Này ông Bà-la-môn, đây là chỗ không thích hợp. Những vật thí ấy không có lợi ích cho chúng sanh nào ở trong đó.

"Ở đây, này ông Bà-la-môn, có người sát sanh... Có tà kiến. Vào lúc thân hoại mạng chung, người ấy sanh trong bào thai của loài thú. Chúng sanh ấy tự nuôi sống ở đó, lưu lại ở đó bằng bất cứ cái gì gọi là vật thực dành cho súc sanh. Này ông Bà-la-môn, đây là chỗ không thích hợp; những vật thí ấy không có lợi ích cho những kẻ ở trong cõi ấy.

"Này ông Bà-la-môn, ở đây có người tránh xa sát sanh, tránh xa trộm cắp, tránh xa tà hạnh, tránh xa sự nói dối, tránh xa sự nói đâm thọc, tránh xa sự nói cộc cằn, tránh xa sự nói phù phiếm, không tham lam, không ác tâm và không có tà kiến. Sau khi thân hoại mạng chung người ấy sanh trong cõi người. Người ấy sinh sống và duy trì mạng sống bằng vật thực của loài người, Này ông Bà-la-môn, đây là chỗ không thích

hợp; những vật thí không có lợi ích cho những người nào sống ở đó cả.

"Này ông Bà-la-môn, ở đây có người từ bỏ sát sanh... Có chánh kiến. Vào lúc thân hoại mạng chung, người ấy sanh trong hội chúng của những vị chư Thiên. Người ấy tự nuôi sống ở đó, người ấy duy trì mạng sống ở đó, bằng bất cứ cái gì gọi là vật thực của chư Thiên. Này ông Bà-la-môn, đây là chỗ không thích hợp; những vật thí ấy không đem lợi ích cho chúng sanh nào ở trong đó.

"Ở đây, Này ông Bà-la-môn, có người sát sanh... Có tà kiến. Vào lúc thân hoại mạng chung người ấy sanh trong cõi Ngạ quỷ. Chúng sanh ấy tự nuôi sống ở đó, sanh tồn ở đó, bằng bất cứ cái gì gọi là vật thực của những chúng sanh trong cõi Ngạ quỷ. Hay kẻ ấy nuôi sống ở đó, kẻ ấy sanh tồn ở đó, bằng bất cứ cái gì mà những bạn bè, những người thân quen hay những quyến thuộc và những người thân thích hồi hướng đến từ đây. Này ông Bà-la-môn, đây là chỗ thích hợp, những vật thí đem lại lợi ích cho chúng sanh nào sống ở đó".

"Nhưng, thưa Sa-môn *Gotama*, nếu kẻ quá vãng ấy là người quyến thuộc và là người thân thích của chúng con mà chưa sanh trong cõi ấy, thì ai thọ lãnh những vật thực ấy?"

"Này ông Bà-la-môn, những Ngạ quỷ khác là những quyến thuộc và là những kẻ thân thích của người mà đã sanh trong cõi ấy - Những kẻ này thọ hưởng những vật thí."

"Nhưng, thưa Sa-môn *Gotama*, nếu những Ngạ quỷ ấy là người quyến thuộc và là người thân thích của chúng con chưa sanh trong cõi ấy và những Ngạ quỷ khác là những quyến thuộc và là những kẻ thân thích của chúng con cũng chưa sanh trong cõi ấy-thì ai hưởng những vật thí ấy?"

"Nhưng điều này không thể xảy ra, này ông Bà-la-môn, điều này không thể có, rằng chỗ ấy trong một thời gian rất lâu lại trống rỗng, không có những Ngạ quỷ là những quyến thuộc và là những kẻ thân thích của người; và dù sao chăng nữa, này ông Bà-la-môn, những người mà có bố thí không phải không có kết quả".

Vào lúc kết thúc các thời pháp thoại, tuệ quán sanh lên trong tám mươi bốn ngàn chúng sanh nhờ bài mô tả về những hoàn cảnh trong cõi Ngạ quỷ. Vào những ngày tiếp theo, Ngài cũng dạy câu chuyện ngoài bức tường này để giáo hóa chư Thiên và nhân loại trong bảy ngày, và chính tuệ quán này cũng sanh lên.



1.6 THỰC NGŨ NHI QUỶ SỰ

"Người trần truồng và có tướng mạo gớm guốc".

Pháp thoại này được Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở *Sāvatthi*, liên quan đến một *Petī* (nữ Ngạ quỷ), là kẻ ăn thịt năm đứa con của nàng.

Tương truyền rằng: ở trong một ngôi làng nọ không cách xa thành *Sāvatthi*, có một người vợ của một người đàn ông giàu có. Những quyến thuộc của người chồng nói rằng; "Bà vợ chánh của anh vô tử, chúng ta phải kiếm cho anh một nàng dâu khác." Nhưng anh ta không chịu vì tình thương của anh ta đối với vợ. Bấy giờ khi người vợ của anh ta nghe tin ấy, nàng nói với chồng rằng, "Thưa chồng, em là người không có con; Nên kiếm về một người vợ khác đi - đừng làm tuyệt dòng", và bị hối thúc bởi nàng, người chồng lấy một người vợ khác mà đến đúng thời kỳ đã có thai. Người vợ không con suy nghĩ rằng, "Khi nó đã có đứa con trai thì nó trở thành bà chủ trong ngôi nhà này", và khởi lên lòng ganh tị, bèn tìm cách để làm cho nàng kia bị hư thai, nàng cho người đàn bà kia đồ ăn và thức uống khiến cho nàng bị hư thai. Khi người vợ thứ hai bị sẩy thai, nàng báo tin cho mẹ của nàng biết và mẹ nàng tập hợp những quyến thuộc của bà ta. Và cho họ biết vấn đề. Họ tố cáo người vợ không có con phải chịu trách nhiệm về sự sẩy thai của người vợ thứ, nhưng nàng phủ nhận

điều ấy, nói rằng, " Tôi không chịu trách nhiệm". Họ đáp rằng, "Nếu cô không chịu trách nhiệm trong việc sảy thai thì hãy thề đi!" Nàng thề dối rằng. "Nếu tôi có trách nhiệm trong việc xảy thai tôi sẽ sanh ra mỗi buổi sáng và chiều năm đứa con trai và ăn thịt chúng, tuy nhiên vẫn không thấy thoả mãn; hơn nữa, xin cho tôi luôn luôn có mùi hôi thối và bị những đàn ruồi bu quanh". Chẳng bao lâu, nàng chết và sanh làm *Petī* có hình tướng ghê tởm không cách xa ngôi làng ấy. Vào thời ấy có tám vị Trưởng lão, đã trải qua mùa mưa trong vùng ấy và trên đường đi đến *Sāvatthi* để yết kiến bậc Đạo sư. các Ngài đi đến nghỉ dưới một bóng cây ở một chỗ có nước trong rừng không cách xa ngôi làng ấy. Nữ quý khi ấy hiện ra cho các Trưởng lão trông thấy và Trưởng lão lớn nhất nhóm hỏi Nữ quý ấy bằng câu kệ này:

**"Người trần truồng và có tướng mạo gớm
guốc; người toả ra mùi xú uế, người bị bao
quanh bởi những đàn ruồi. Vậy người là ai mà
đứng ở đây?"**

Khi được hỏi bởi Trưởng lão, nữ quý nói lên câu kệ này để giải thích nàng là ai, để làm cho chúng sanh khởi lên lòng kinh cảm:

**2. Thừa Ngài, con là một *Petī*, đã đi đến
kiếp sống đau khô trong cõi *Yama* ; sau khi đã
làm ác nghiệp, con đã ra đi từ đây đến cõi *Nga
quỳ*.**

3. Vào lúc sáng, con sanh ra năm đứa con, và đến chiều lại con sanh ra năm đứa con khác; đâu con ăn thịt hết tất cả chúng, Ngay cả nhiều như vậy cũng không đủ đối với con.

4. Tim của con sôi sục và bị thiêu đốt bởi cơn đói, và con không thể kiếm ra được nước để uống! Hãy xem cảnh ngộ giáng xuống cho con!

Khi nghe qua điều này Trưởng lão bèn hỏi nàng về nghiệp quá khứ mà nàng đã làm:

5. "Hãy cho ta biết ác nghiệp nào được làm bởi thân, khẩu và ý của ngươi? Do kết quả của nghiệp nào khiến người ăn thịt những đứa con của ngươi?"

Rồi quý nữ ấy kể lại cho Trưởng lão nghe về nghiệp của nàng đã làm:

6. Người vợ chung chồng của con đã có thai và con đã âm mưu làm việc ác để hại nàng. Bị ô nhiễm trong tâm, con đã làm cho nàng sảy thai.

7. Cái bào thai được hai tháng của nàng đã tuôn ra như máu. Rồi mẹ của nàng tức giận và tập hợp những quyến thuộc của bà ta lại; bà ta bắt con phải thề và khiến họ nguyện rửa con.

8. Con đã nói một lời dối trá kinh khủng khi nói lên lời thề ấy rằng: "Nếu điều ấy do tôi làm thì xin cho tôi phải ăn thịt những đứa con trai của tôi".

9. Chính do kết quả của ác nghiệp ấy và do con đã nói dối, nên con đã ăn thịt những đứa con trai của con và bị lấm nhơ bởi máu và vật nhơ.

Khi Nga quý nữ đã nói rõ những nghiệp của nàng, nàng bèn nói một lần nữa rằng: "Bạch Đại Đức, con đã từng là vợ của người đàn ông có của cải đó trong chính ngôi làng này, nhưng con đã sanh lòng ganh tỵ, đã làm điều ác và đã sanh trong cõi Nga quý. Bạch Đại Đức, xin ngài hoan hỷ đi về nhà của người đàn ông có của cải ấy. Người ấy sẽ dâng cúng đến Ngài những vật thí. Rồi bảo người ấy hồi hướng phước thí cho con. Nhờ cách này, con sẽ được thoát khỏi đây, khỏi cõi Nga quý này". Khi những vị Trường lão nghe qua điều này, họ đi vì thương hại cho nàng và có lòng bi mẫn, và đi vào nhà của người đàn ông có của cải ấy để khát thực. Khi người đàn ông có của cải ấy trông thấy các vị Trường lão đầy tịnh tín, ông ta đi ra để đón tiếp các Ngài, cầm bát của các Ngài, mời các Ngài ngồi và dâng đến các Ngài vật thực thượng vị. Những vị Trường lão thuật lại biến cố đã xảy ra cho người đàn ông biết và bảo ông ta hồi hướng phước thí ấy đến Nga quý nữ. Ngay khi ấy Nga quý nữ hết đau khổ. Khi được sự thù thắng cao tột,

nàng hiện ra trong đêm ấy cho người đàn ông có tài sản trông thấy. Những Trưởng lão sau khi đã đi đến *Sāvatthi*, nêu ra vấn đề ấy với đức Thế tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết giảng chánh pháp cho hội chúng đã tụ họp ở đó. Thời pháp ấy đem lợi ích cho những người ấy.



I.7. THỰC THẤT NHI QUỲ SỰ

"Người trần truồng và có hình tướng ghê tởm".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ tại *Sāvatthi*, liên quan đến một Ngạ quỷ nữ ăn thịt bảy đứa con trai của nàng.

Tương truyền rằng, trong một ngôi làng nọ không cách xa thành *Sāvatthi*, có một tín nữ có hai đứa con trai đều trẻ trung, xinh đẹp, có đạo đức có hạnh kiểm tốt. Người mẹ của hai đứa con coi thường người chồng vì ý về những đứa con trai của nàng, khi nghĩ rằng. "Ta được sở hữu những đứa con trai". và ông ta, sau khi bị bà ta coi thường nhiều, bèn dẫn về một người vợ khác mà không bao lâu sau cũng có thai. Người vợ trước sanh lòng ganh tỵ và thuyết phục một vị y sĩ nọ, bằng cách trả một món tiền hối lộ, để gây ra sự sẩy thai cho cái phôi được ba tháng tuổi nơi người vợ kế. Bấy giờ, khi được hỏi bởi người chồng của nàng và những quyến thuộc rằng liệu nàng

có chịu trách nhiệm về cái thai của người đàn bà kia không, nàng bèn nói dối và phủ nhận việc đó rằng: "Tôi không chịu trách nhiệm". Họ tin nàng và nói rằng, "Thế thì hãy thề đi!" Nàng thốt lên lời thề: "Nếu tôi có làm như vậy xin, cho tôi sanh mỗi buổi sáng và chiều bảy đứa con trai, và tôi sẽ ăn thịt những đứa con ấy; Xin cho tôi luôn luôn có mùi thối tha và bị vây quanh bởi những con ruồi!" Đến đúng thời kỳ, nàng chết và sanh trong cội Ngạ quỷ do quả của nàng về việc làm sẩy thai và do sự nói dối của nàng. Nữ quỷ đi lang thang không cách xa chính ngôi làng ấy, ăn thịt những đứa con trai của nàng theo cách như đã nói trước. Bấy giờ trong cùng thời gian ấy, những vị Trưởng lão mà đã an cư trong mùa mưa ở trong cùng ngôi làng ấy và đang trên đường đi đến *Sāvatthi* để yết kiến Bạc Đạo sư, đến nghỉ đêm tại một chỗ không cách xa chính ngôi làng ấy. Ngạ quỷ nữ hiện hình trước các vị Trưởng lão và vị Trưởng lão lớn nhất hỏi nàng bằng câu kệ này:

**1. "Người trần truồng và có hình tướng
gớm ghê; người tỏa ra mùi xú uế. Người bị bu
quanh bởi những con ruồi, Bấy giờ người là
ai, người là ai mà đang đứng ở đây?"**

Khi được hỏi bởi Trưởng lão, nàng trả lời vị ấy bằng ba câu kệ:

2. Bạch Ngài, con là một Ngạ quỷ nữ, đã đi đến khổ cảnh trong cõi Yama. Con đã ra đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ.

3. Vào lúc sáng sớm con sanh ra bảy đứa con trai và vào lúc chiều lại con sanh thêm bảy đứa khác nữa. Dầu con đã ăn thịt tất cả chúng, ngay cả những đứa này cũng không đủ cho con.

4. Tim của con sôi sục, bị thiêu đốt bởi cơn đói và con không thể có được sự nguôi ngoai; con bị hành hạ tựa như bị đốt cháy bởi lửa.

Khi nghe qua điều này, Trưởng lão thốt lên câu kệ này để hỏi nàng về nghiệp mà nàng đã làm:

5. "Vây ác nghiệp nào được làm bởi người bằng thân, khẩu và ý? Do kết quả của nghiệp nào khiến người ăn thịt những đứa con của người?"

Rồi nữ Ngạ quỷ ấy nói lên những câu kệ này để kê lại cách mà nàng đã tái sanh trong cõi Ngạ quỷ và lý do khiến nàng ăn thịt những đứa con:

6. "Con có hai đứa con trai mà cả hai đều đến tuổi thành niên; vì ý vào quyền uy của những đứa con trai, con đã coi thường chồng của con.

7. Nhân đó chồng của con tức giận và lấy một người khác làm vợ hầu; khi nàng có thai, con đã âm mưu gây ra một ác nghiệp để hại nàng.

8. Bị ô nhiễm trong tâm, con khiến cho nàng sảy thai và cái phôi ba tháng của nàng rơi xuống như máu tanh.

9. Rồi mẹ của nàng tức giận trước cảnh này và hội họp những quyến thuộc của bà ta lại; bà ta bắt con phải thề và khiến họ chửi mắng con.

10. Con đã nói một lời dối trá kinh khủng khi con nói lời thề ấy rằng, nếu điều này được làm bởi con thì xin cho con ăn thịt những đứa con trai của con.

11. Chính do cả kết quả của việc làm ấy và do bởi sự kiện rằng con đã nói dối khiến con ăn thịt những đứa con trai của con và con bị lấm nhơ bởi máu và vật nhơ.

Tất cả phần còn lại cũng giống như phần trước, chỉ có điều khác biệt là có Tám Trưởng lão trong khi ở đây thì có nhiều vị Trưởng lão; và câu chuyện trước thì có năm đứa con trai trong khi ở đây thì có đến bảy đứa.



I.8. NGŨ QUỶ SỰ (*GOṆA PETAVATTHUVAṆṆANĀ*)

"Tại sao người như một người điên".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở *Jetavana*, liên quan đến một vị phú hộ có cha chết.

Tương truyền rằng, tại *Sāvatti* người cha của một người đàn ông giàu có nọ đã chết. Tâm của ông ta bị sầu khổ tiếc thương cho cái chết của cha mình và ông ta thường đi lang thang như một người điên với tâm than thở khi hỏi bất cứ ai mà ông ta trông thấy, "ông đã thấy cha của tôi phải không?" Nhưng không ai có thể xua tan nỗi sầu khổ của ông ta cả. Tuy nhiên khả năng chứng đắc quả thánh Tu-Đà-Hườn chiếu sáng trong tâm của ông ta như ngọn đèn trong một cái lọ. Bậc Đạo sư, khi đang dò xét thế gian vào lúc hừng đông, trông thấy khả năng chứng ngộ quả Thánh Tu-đà-hườn của ông ta và nghĩ rằng, "Khi ta đã kể ra những nghiệp quá khứ của vị ấy và làm lắng dịu cơn sầu khổ của vị ấy thì sẽ thích hợp để cho vị ấy quả thánh Tu-đà-hườn". Vào ngày hôm sau, trong khi khát thực trở về sau khi độ thực, Ngài dẫn theo vị thị giả của Ngài và đến cửa nhà của ông ta. Khi ông ta nghe tin rằng ngài đã đến, bèn đi ra tiếp đón Ngài và thỉnh Ngài đi vào nhà. Khi Bậc Đạo sư đã ngồi trên chỗ ngồi được soạn sẵn, chính ông ta đành lễ Bậc Đạo sư. Ngồi xuống một bên và hỏi rằng,

"Bạch Đức Thế Tôn, Ngài có biết chỗ mà cha của con đã ra đi không?" Rồi Bạc Đạo sư đáp lại rằng, "Này thiện nam, người hỏi cha của người trong kiếp sống này hay trong kiếp sống quá khứ?" Khi ông ta nghe những lời này, ông ta bèn suy nghĩ, "Ta đã có những người cha, nhờ vậy nỗi sầu khổ của ông ta được lắng dịu và ông ta được một ít bình thản. Rồi Bạc Đạo sư cho ông ta một thời pháp để diệt trừ nỗi sầu khổ của ông ta, và khi Ngài biết rằng nỗi sầu khổ của ông ta đã xa lìa và tâm của ông ta đã sẵn sàng, bằng sự thuyết giảng Chánh Pháp ấy mà chính chư Phật đã giác ngộ (Khổ, Tập, Diệt, và Đạo), Ngài an trú ông ta trong quả thánh Tu-đà-hườn và rồi đi về tịnh xá của Ngài. Các vị Tỳ khưu bắt đầu bàn luận với nhau trong giảng đường chánh pháp rằng, "Hãy xem, thưa các tôn giả, năng lực vĩ đại của Đức Phật mà trong đó vị thiện nam đã bị sầu khổ lớn, được dẫn dắt bởi Đức Thế Tôn vào quả Thánh Tu-đà-hườn chỉ trong giây lát". Bạc Đạo sư đi đến đó và ngồi trên chỗ ngồi đã được soạn sẵn dành cho Ngài và hỏi rằng, "Này các Tỳ khưu, vì mục đích của cuộc bàn luận nào khiến các người đang ngồi ở đây?" Các vị Tỳ khưu bạch lại đề tài của cuộc bàn luận của họ với Đức Thế Tôn. Khi Bạc Đạo sư nói rằng, "Này các Tỳ khưu, không phải chỉ trong trường hợp này thôi đâu mà Như Lai đoạn trừ nỗi sầu khổ của ông ta; Tương tự như thế, Như Lai cũng đã đoạn trừ nó trong một kiếp quá khứ rồi".

Các vị Tỳ khưu bèn thỉnh Đức Thế Tôn kể lại biến cố xa xưa ấy.

Cách đây đã lâu, tại Ba-la-nại, người cha của một gia chủ nợ đã chết. Ông ta bị sâu khổ và ta thán cho cái chết của người cha; và với mặt đầy nước mắt, ông ta kêu than và dấm ngực khi ông ta đi vòng quanh cái mộ của người cha theo chiều bên phải. Đứa con trai của ông ta, là *Sujāta*, là một chàng trai thông minh, uyên bác và đầy trí tuệ, trong khi tìm cách để diệt trừ nỗi sầu muộn của cha mình, vào một ngày nợ cậu ta trông thấy một con bò chết ở bên ngoài cửa thành phố. Cậu ta đem đến một ít cỏ và nước rồi đặt chúng ở trước con bò chết ấy. Khi cho nó một miếng, chàng trai đứng ở đó ra lệnh cho nó tựa như nó còn đang sống vậy, khi nói rằng, "hãy ăn đi, hãy ăn đi, hãy uống đi, hãy uống đi"; Những người qua đường trông thấy cậu ta và nói rằng, "Này anh bạn Sujaata, có phải anh đã hoàn toàn điên loạn rồi chẳng? Cớ sao anh cho cỏ và nước đến con bò đã chết rồi?" Nhưng cậu ta chẳng nói lời đáp lại. Mọi người đi đến người cha của cậu ta và nói rằng, "Con trai của ông đã điên loạn và đã cho cỏ và nước đến một con bò đã chết." Khi ông ta nghe qua điều này thì nỗi sầu khổ của người đàn ông có tài sản ấy đối với người cha được cách ly. Xúc động với ý nghĩ rằng, "Người ta nói rằng, con trai của ta đã bị điên", ông ta phóng nhanh đến đó và khiển trách cậu ta: "Này *Sujāta*, chẳng hay con

đã mất hết sáng suốt thông minh và trí tuệ rồi chẳng?
Tại sao con cho cỏ và nước đến một con bò đã bị
chết?" Và thốt lên hai câu kệ này:

**1. "Tại Sao con, như một người điên, lại
cắt cỏ và nói lâm bâm, hãy ăn, hãy ăn, với một
con bò mà mạng sống của nó đã xa lìa?**

**2. Vì không phải do đồ ăn và thức uống
khiến con bò chết sống lại được; con là một
thằng ngu, một đứa bé đần độn, và là một
thằng khùng như bất cứ thằng khùng nào
khác."**

*Giống như một thằng điên,
Tại sao con dứt cỏ?
Tại sao nói lâm bâm:
"Ăn đi, hãy ăn đi"
Đến một con bò già
Mà mạng sống không còn.
Bởi vì chẳng phải do
Đồ ăn hay thức uống
Khiến con bò chết này
Có thể sống lại được;
Ngươi là một thằng ngốc,
Là đứa bé dại khờ,
Và là một thằng khùng
Như bất cứ ai khác;*

Khi nghe qua điều này, *Sujāta* bèn nói lên hai câu kệ này để nói rõ ý định của mình đến người cha;

3. Những cái chân này, cái đầu này, cái thân này với cái đuôi và hai mắt của nó vẫn còn như thế. Con bò này có thể dạy được.

4. Nhưng hai chân, hai tay, thân thể và cái đầu của ông nội thì không được trông thấy, không phải đúng hơn cha là người ngốc khi khóc lóc với nắm đất của người sao?

Chú giải:

4. Rồi chàng trai giáo giới cho cha mình rằng, "Những tay, chân, đầu và thân của ông nội, của ông cố, không còn được trông thấy. Không phải đúng hơn rằng riêng cha, thừa cha, mới là người khờ dại, là người không có lý trí hơn cả một trăm một ngàn lần, khi cha khóc nơi cái mộ được làm bằng đất sau khi phủ lấy những đốt xương của người ở trong đó? Các pháp hữu vi có tánh chất dễ hoại diệt và hoại diệt; Cha biết điều này, tại sao cha phải ta thán?" Khi nghe qua điều này, cha của Bồ tát suy nghĩ rằng, "con của ta có trí tuệ; nó đã làm hành động này để khuyên dạy ta". Và nói rằng. "Này con thân *Sujāta*, thật rất rõ ràng tất cả chúng sanh đều phải chịu chết đều nhau cả. Từ nay trở đi ta sẽ không ta thán nữa. Như vậy lời khuyên ấy nên được áp dụng cho những người có thể

diệt trừ ưu bi của họ", và vị ấy nói lên bốn câu kệ để khen ngợi đứa con trai của ông ta:

5. "Quả thực ta rục cháy, như lửa được châm bằng thực tô; nhưng bây giờ tất cả sâu muộn của ta đã được dập tắt tựa như ta được tưới nước.

6. Thật vậy, cây tên là ưu bi, mà đã xuyên thủng tim ta, đã được nhổ ra. Người đã diệt trừ ưu bi ấy, là ưu bi đối với cha của ta, đã giáng xuống ta.

7. Nhờ cây tên được rút ra, ta được an tịnh và mát mẻ; từ khi nghe người nói, hỡi chàng trai trẻ, ta không còn ưu bi hay khóc than nữa."

8. Cũng như *Sujāta* đã làm cho cha của vị ấy quên đi ưu bi ấy. Bạc Trí tuệ, là người có hành động bi mẫn, cũng hành động như thế.

Khi đã nghe qua những lời của chàng trai, người cha hết sâu muộn. Ông ta gọi đầu, ăn uống trở lại và điều khiển công việc của ông ta. Vào cuối cuộc đời, ông ta chết sanh vào thiên giới.

Khi Bạc Đạo sư đã kể lại Pháp thoại này, Ngài thuyết giảng Tứ Đế cho những Tỳ khưu ấy. Vào lúc kết thúc của thời Pháp, nhiều người được an trú trong quả thánh Tu-đà-hườn.

Lúc bấy giờ *Sujāta* chính là Đấng hộ trì thế gian của chúng ta.



I.9. ĐẠI CHÚC VẬT SỰ QUỲ SỰ (*MAHĀPESAKĀRA PETĀVATTHUVAṆṆANĀ*)

"Phần và nước tiêu, máu và mủ".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi đang ngụ ở *Sāvatthi*, liên quan đến một nữ Ngạ quý mà đã từng là một nữ thợ dệt.

Tương truyền rằng có đến mười hai vị Tỳ khưu đã nhận đề mục thiền định trước mặt Bậc Đạo sư, và trong khi tìm kiếm chỗ ngụ khi mùa mưa sắp đến, trông thấy một chỗ khả ái, có bóng mát và có nước ở trong khu rừng, với một ngôi làng để cung cấp vật thực mà chẳng xa cũng chẳng gần. Họ nghỉ đêm ở trong đó, vào ngày hôm sau đi vào làng để khát thực. Mười một người thợ dệt trú ngụ ở đó. Khi họ trông thấy những vị Tỳ khưu, họ khởi tâm hoan hỷ và dẫn các Ngài vào nhà riêng của họ. Khi họ đã hầu hạ các Ngài bằng đồ ăn và thức uống, họ hỏi rằng, "bạch các ngài, các ngài đang đi đâu thế?" "chúng tôi đang đi đến bất cứ chỗ nào mà tỏ ra thuận tiện đối với chúng tôi", Họ đáp lại. "Nếu là như thế, thưa chư Đại Đức, thời các ngài nên ở lại ngay tại chỗ này", họ nói và

thỉnh các Ngài an cư trong mùa mưa cùng với họ, và các vị Tỳ khưu đã nhận lời. Những thiện nam cho dựng lên các thảo am ở trong rừng và dâng chúng đến các vị Tỳ khưu mà an cư trong mùa mưa tại đó. Tại đó người thợ dệt bậc thầy, bằng sự chăm sóc chu đáo, đã hầu hai vị Tỳ khưu bằng bốn món vật dụng; và những người khác mỗi người hầu hạ một vị Tỳ khưu. Người vợ của vị thầy thợ dệt ấy chẳng có đức tin và cũng chẳng có lòng tịnh tín, nhưng có tánh ti tiện và có tà kiến, và không hầu hạ các vị Tỳ khưu bằng sự chăm sóc chu đáo. Khi nhận ra điều này, người thợ dệt ấy đem về đứa em gái của ông ta và giao phó cho nàng làm nữ chủ ngôi nhà của ông ta. Nàng có đức tin và lòng sùng đạo, chăm sóc các vị Tỳ khưu với sự chăm sóc chu đáo. Tất cả những người thợ dệt ấy, mỗi người dâng một chiếc y đến một vị Tỳ khưu mà đã an cư kiết hạ, nhân đó người vợ đê tiện của người thầy thợ dệt, có tâm bất thiện, đã nguyện rửa chồng của bà ta rằng, "Bất cứ đồ ăn và thức uống nào mà ông đã cho làm vật thí đến những vị Sa-môn, là những đứa con trai của vị sakya, cầu mong rằng trong kiếp sau nó sẽ biến thành phần và nước tiểu, máu và mủ dành cho ông; và những chiếc y ấy trở thành những cái đĩa sắt nóng đỏ". Rồi đến đúng thời, vị thầy thợ dệt ấy chết và sanh làm vị thọ thần trong khu rừng *Viñjha*, có đại oai thần lực. Nhưng khi người vợ keo kiệt của ông ta chết, bà ta sanh làm một Nga quý nữ không cách xa ngôi làng ấy. Bà ta trần

trường và có hình tướng ghê tởm; và bị hành hạ bởi đói và khát, bà ta đi đến vị chư Thiên địa cầu ấy và nói rằng, "Chồng ơi, tôi không được mặc áo quần và đi lang thang, bị dày vò bởi cơn đói và khát cùng cực; Xin hãy cho tôi một ít y phục, đồ ăn và thức uống". Ông ta cho nữ Ngạ quỷ đồ ăn và thức uống thượng vị của chư Thiên. Nhưng khi bà ta càng chạm vào chúng nhiều chừng nào thì chúng càng biến thành phấn và nước tiểu, máu và mủ nhiều chừng đó, và khi bà mặc vào y phục thì nó biến thành cái đĩa sắt nóng đỏ; bị đau đớn khốc liệt, bà ta quăng chúng và đi lang thang kêu khóc.

Vào lúc ấy có một vị Tỳ khưu nọ đã trải qua mùa mưa, đang trên đường đến đánh lễ Bậc Đạo sư và đã đi vào khu rừng *Vijjha* cùng với một đoàn thương nhân đông đảo. Đoàn thương nhân đi tiếp trong chuyến đi xa của họ vào lúc ban đêm, và ban ngày trông thấy một chỗ có nước, có bóng mát dày đặc; Họ tháo ách cho những con bò, rồi nghỉ một lát. Tuy nhiên, vị Tỳ khưu muốn yên ổn, bèn đi tiếp một quãng đường ngắn. Vị ấy đặt chiếc y vai trái ở dưới gốc cây, là một lùm cây không thể đi xuyên qua được và có bóng mát dày đặc và, bị kiệt lực vì đi đường xa, bèn đặt mình xuống và ngủ thiếp đi. Đoàn thương nhân, khi đã nghỉ xong, lại tiếp tục đi, nhưng vị Tỳ khưu thì không hay biết. Vị ấy thức dậy vào lúc chiều và, không thể trông thấy đoàn thương nhân, bèn bỏ

đi theo hướng bị lạc và đến đúng lúc đi ngang qua chỗ của vị thọ thần ấy. Khi vị Thọ thần trông thấy vị Tỳ khuru, vị ấy bèn đi đến trong hình tướng của loài người và chào hỏi thân mật, mời vị Tỳ khuru vào trong cung điện của vị ấy, cho vị Tỳ khuru một ít dầu để thoa chân và những thứ khác, rồi ngồi xuống để hầu hạ. Vào lúc này Ngạ quỷ đến, nói rằng, "Thưa chồng, hãy cho tôi đồ ăn và thức uống và y phục." Vị ấy cho những thứ này đến nàng, nhưng khi nàng chạm vào chúng chừng nào thì chúng lại trở thành phấn và nước tiểu, máu và mủ, và những đĩa sắt nóng đỏ. Khi trông thấy cảnh này, đây xúc động, vị Tỳ khuru bèn hỏi vị chư Thiên ấy bằng hai câu kệ này:

1. Nàng ấy ăn phân và nước tiểu, máu và mủ. Đây là kết quả của nghiệp gì, nghiệp gì mà người đàn bà đã làm khiến cho nàng luôn luôn ăn máu và mủ?

2. Những y phục mới, đẹp, mềm, sạch và như lông tơ, khi được cho đến nàng lại trở thành như những tấm kim loại; người đàn bà này đã làm nghiệp gì?

1. Nàng ta ăn toàn phân,
Nước tiểu, mủ và máu-
Đây là quả nghiệp nào?
Nghiệp gì nàng đã làm
Khiến nàng luôn luôn ăn
Những khối máu và mủ;

2. Những y phục mới mẻ,
Xinh đẹp và mềm mại,
Sạch bóng và như tơ
Nhưng khi cho đến nàng
Thì như những tấm sắt-
Người đàn bà này đã
Làm những ác nghiệp nào?

Khi được hỏi như vậy bởi vị Tỳ khưu, vị thọ thần bèn nói hai câu kệ để giải thích nghiệp mà nàng đã làm trong quá khứ:

3. Nàng là vợ của tôi, thừa Ngài, không có lòng nhân từ, hà tiện và keo kiệt; khi tôi cho đến các vị Sa-môn và các Bà-la-môn, thì nàng lẳng mạ tôi và chửi mắng tôi, nói là,

4. "Phần và nước tiểu, máu và mủ - cầu cho ông luôn luôn ăn cái gì là bất tịnh! cầu cho điều này hãy là số phần định sẵn cho ông trong kiếp sau và cầu cho những y phục của ông trở thành những tấm sắt!" Sau khi đã có ác hạnh như thế, nàng đã đến đây để phải ăn những thứ nhơ uế trong một thời gian dài.

3. Nàng là vợ của tôi,
Bất nhân và keo kiệt,
Khi tôi cúng dường đến
Những Sa-môn, bàn môn,

Bà ta lẳng mạ tôi,
Bà ta chửi mắng tôi:

4. Phần nhớ và nước tiểu
Cùng với máu và mù-
Câu cho ông luôn luôn
Ăn cái gì nhớ uế,
Câu cho điều này hãy
Là số phận của ông
Ở trong kiếp sống sau;
Và áo quần của ông,
Hãy thành những tấm sắt!"
Khi có ác hạnh ấy,
Bà ta đã đến đây
Để phải ăn đồ nhớ
Trong một thời gian dài.

Khi đã kể lại như vậy về nghiệp mà nàng đã làm trong quá khứ, sau đó vị chư Thiên lại nói với vị Tỳ khưu rằng, "Bạch Đại Đức, có cách nào để nàng thoát khỏi cảnh Ngạ quỷ này không?" Khi vị Tỳ khưu nói rằng có, thì vị ấy nói rằng, "bạch Đại Đức, xin hãy nói cho con biết điều ấy." "Nếu những vật thí được cho đến một vị Tỳ khưu hay một người trong chư Thánh tăng của Đức Thế Tôn và rồi hồi hướng đến nàng và Ngạ quỷ bày tỏ sự tùy hỷ của nàng, thời như vậy sẽ có sự giải thoát dành cho nàng khỏi cảnh khổ cùng ở đây". Khi đã nghe qua điều này, vị chư Thiên bèn cùng đường đến vị Tỳ khưu đồ ăn và thức uống

thượng vị, và hồi hướng phước thí ấy đến nữ Ngạ quý. Và ngay tức thì nữ Ngạ quý ấy trở nên tươi sáng trở lại và làm thoả mãn các căn của nàng và được thoả mãn bởi vật thực chư Thiên. Rồi vị chư Thiên ấy lại cúng dường vào tay của vị Tỳ khưu ấy một cặp y của chư Thiên đặc biệt dành cho Đức Thế Tôn và hồi hướng phước thí ấy đến nữ Ngạ quý. Ngay tức thì nàng được mặc y phục của chư Thiên và được trang sức bằng những vật trang sức của chư Thiên và, có đầy đủ tất cả những gì mà nàng muốn, nàng giống như một tiên nữ, còn vị Tỳ khưu ấy thì đi đến *Sāvathi* trong chính ngày hôm ấy bằng năng lực thần thông của vị chư Thiên ấy. Vị ấy đi vào *Jetavana*, đi đến trước mặt Đức Thế Tôn, đánh lễ Ngài và rồi cúng dường đến Ngài cặp y. Rồi vị ấy nêu lên vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết giảng chánh pháp đến hội chúng đã tụ họp ở đó. Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho những người ấy.



I.10. NGỐC ĐẦU QUÝ SỰ (*KHALLĀTIYA PETAVATTHUVAṆṆANĀ*)

"Người là ai mà ở bên trong cung điện của người?"

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngu ở *Sāvatthi*, liên quan đến một Ngạ quỷ nọ có đầu hói.

Tương truyền rằng, cách đây đã lâu, tại Ba-la-nại có một cô gái điểm nọ trông rất xinh đẹp và diễm lệ, duyên dáng và có nước da hấp dẫn tuyệt vời, và có những bím tóc quăn rũ lạ kỳ. Tóc đen dài của nàng mềm mại, mịn mượt và xoắn cong ở đuôi. Nó được buộc thành hai chùm, và khi được thả lỏng, những bím tóc thông xuống đến thắt lưng của nàng. Khi trông thấy mái tóc xinh đẹp của nàng, hầu như tất cả những chàng trai đều say đắm yêu thương nàng. Vì không thể chịu đựng mái tóc xinh đẹp của nàng, một số phụ nữ, đầy lòng ganh tỵ, bàn tán với nhau và rồi mua chuộc nàng tóe gái của nàng để cho nàng một liều thuốc độc, khiến cho tóc của nàng rơi rụng. Tương truyền rằng người hầu của nàng đã trộn chung thuốc rụng tóc với bột tắm và đưa nó cho nàng vào lúc nàng đang tắm gội ở sông Hằng. Nàng tắm ướn tóc của nàng đến chân tóc và nhúng nó vào trong nước. Ngay khi nàng nhúng nó xuống nước thì tóc của nàng rụng ra ở chân tóc và cái đầu của nàng giống như một trái bầu đẳng. Rồi hoàn toàn bị hết tóc và xấu xí như con chim bồ câu có cái đầu bị nhổ sạch lông, do xấu hổ, không thể đi vào thành phố, nàng trùm một tấm khăn quanh đầu của nàng và làm chỗ ngụ của nàng tại một chỗ nọ ở thành phố. Sau một thời gian

khoảng vài ngày, nàng hết thấy xấu hổ và nàng ép một số mè và kiếm sống bằng nghề buôn dầu và rượu. Một hôm, khi hai hoặc ba người say rượu đã ngủ mê, nàng đánh cắp y phục của họ mà đang treo thông. Rồi một ngày nọ, nàng trông thấy một vị Trưởng lão đã đoạn trừ các lậu hoặc đang đi khát thực; với lòng tịnh tín trong tâm, nàng dẫn Ngài về nhà của nàng, mời Ngài ngồi trên chỗ ngồi đã được soạn sẵn và rồi dâng đến Ngài cái bánh dầu được làm bằng mè xay và được nhúng trong dầu. Trưởng lão, vì lòng bi mẫn đối với nàng, bèn thọ lãnh và ăn cái bánh ấy trong khi nàng đứng với lòng sùng đạo tín thành, đang cầm cái dù che cho Trưởng lão. Trưởng lão bày tỏ sự tùy hỷ của Ngài khiến cho tâm của nàng hoan hỷ và Ngài ra đi. Ngay khi Trưởng lão tỏ sự tùy hỷ của Ngài thì người con gái kia phát nguyện rằng, "Cầu xin cho tóc của con được dài, mềm mại, mượt mà, mịn và xoắn ở đuôi tóc". Đến đúng thời kỳ, nàng chết, và do kết quả của những việc phước và tội của nàng, nàng sanh một mình trong cung điện bằng vàng ở giữa Đại dương. Tóc của nàng trải ra y như nàng đã ước nguyện, nhưng nàng bị trần truồng vì đã ăn cắp những áo quần của người đàn ông. Nàng đã sanh nhiều lần trong cung điện bằng vàng ấy, và trần truồng, nàng trải qua một trung gian Phật thời tại đó. Rồi khi Đức Thế Tôn của chúng ta đã sanh lên trong thế gian và lăn bánh xe diệu pháp, và đến đúng thời kỳ đang trú ngụ tại *Sāvatti*, có đến nhiều trăm

thương nhân, là những dân cư của thành *Sāvatthi*, khởi sự lên đường xuyên qua đại dương hướng đến *Suvaṇṇabhūmi*. Chiếc thuyền mà họ đã bước vào bị trôi tròng trành do bởi sức của những cơn gió mạnh, trôi dạt bồng bềnh đến tại chỗ ấy; Nhân đó, Thiên cung nữ quý hiện ra hình tướng của nàng và thiên cung của nàng cũng hiện ra trước mặt họ. Khi trông thấy nàng, vị thương nhân Trưởng đoàn đọc lên câu kệ này để dò hỏi:

1. "Nàng là ai mà cứ ở trong cung điện của nàng, không đi ra ngoài? Hãy ra ngoài, hỡi nàng, hãy cho chúng ta thấy rõ hơn khi nàng đang đứng ở bên ngoài".

*Ô kìa nàng là ai
Mà ở mãi trong cung điện,
Không bước ra bên ngoài?
Hãy ra ngoài, hỡi nàng,
Để chúng ta thấy nàng
Khi đang đứng bên ngoài*

Rồi nàng đọc lên câu kệ này để giải thích sự bất lực của nàng là không thể ra ngoài được:

2. "Bị trần truồng, tôi cũng khỗ tâm và lúng túng, không thể ra ngoài được;

Tôi chỉ được che phủ bằng tóc của tôi mà thôi - Là kết quả của một ít phước mà tôi đã làm".

*Thân thể bị loã lồ,
Tôi cũng khổ lúng túng,
Không thể ra ngoài được;
Tôi chỉ được che phủ
Bằng tóc của tôi thôi
Là do chút ít phước
Mà tôi đã gieo tạo.*

Rồi vị thương nhân, khi muốn cho nàng chiếc áo của ông ta, bèn nói lên câu kệ này:

3. "Đây này, tôi sẽ cho nàng chiếc áo khoác của tôi - Hãy mặc vào chiếc áo này. Khi nàng đã mặc vào chiếc áo này rồi, thời hãy đi ra, hỏi người đẹp của ta. Hãy đi ra, này cưng, hãy cho chúng ta trông thấy nàng khi đang đứng ở bên ngoài";

*Ta sẽ cho đến nàng
Chiếc áo khoác của ta.
Khi nàng đã mặc vào
Chiếc áo khoác này rồi,
Thời hãy bước ra ngoài,
Hỏi người đẹp của ta,
Hãy ra này em yêu
Khi đang đứng bên ngoài
Hãy cho ta thấy nàng.*

Khi nói vậy, vị ấy trao cho nàng chiếc áo khoác của mình. Nàng bèn nói lên hai câu kệ để cho thấy

rằng: cái mà được cho theo cách ấy không đem lại lợi ích cho nàng, và cách mà những vật được cho sẽ đem lại lợi ích cho nàng:

4. "Cái gì được cho ra từ tay của người vào trong tay của tôi thì không đem lại lợi ích cho tôi. Nhưng người thiện nam ở đây có lòng tịnh tín và là một vị Thánh văn đệ tử của Đức Phật Toàn Giác

5. Khi đã mặc vào cho vị ấy, hãy hồi hướng phước thí ấy đến cho tôi, thời tôi sẽ được hạnh phúc và có đầy đủ tất cả điều gì mà tôi ưa thích".

*4. Cái gì được cho ra
Từ trong tay của Người,
Vào trong tay của tôi,
Thì chẳng lợi ích gì
Đến cho tôi chút nào,
Nhưng vị thiện nam này
Ở đây có đức tin
Là thánh văn đệ tử
Của Đức Phật Toàn Giác;*

*5. Khi đã mặc y phục
Vào người của vị ấy,
Hãy cho phước đến tôi,
Thời tôi sẽ hạnh phúc.*

Và có đủ tất cả
Điều gì tôi mong muốn.

Khi nghe qua điều này, những vị thương nhân
tắm và thoa dầu cho vị thiện nam và rồi mặc vào cho
vị ấy một cặp y phục. Những người kiết tập Tam tạng
nói những câu kệ này để làm sáng tỏ điều này:

**6. Những vị thương nhân ấy tắm và thoa
dầu cho vị ấy và mặc vào cho vị ấy những y
phục, và rồi hồi hướng phước thí đến cho
nàng.**

**7. Ngay khi họ hồi hướng phước thí này thì
kết quả hiện ra: vật thực, y phục và thức
uống, là quả của phước thí này.**

**8. Nhân đó, nàng trở nên thanh tịnh, được
mặc vào y phục sạch sẽ và tươi sáng, mặc
những y phục mịn hơn những y phục bằng vải
Kāsi, rồi rời khỏi cung điện của nàng, mỉm
cười (để cho thấy rằng) "đây là kết quả phước
thí của người".**

*6. Những thương nhân ấy tắm,
Thoa dầu cho vị ấy
Và khoác những y phục
Vào người của vị ấy,
Rồi cho phước đến Nàng.*

7. Ngay khi họ hồi hướng,
Thì kết quả hiện ra:
Là vật thực, y phục
Và thức uống, là quả
Của sự bố thí này.

8. Nhờ đó nàng thanh tịnh,
Được mặc những y phục
Tươi sáng và sạch sẽ,
Lại mang những tấm vải
Mịn hơn của Kaasi;
Và rời khỏi cung điện,
Mỉm cười để cho biết
"Đây là quả phước thí
Của người cho đến tôi".

Khi chính các vị thương nhân đã trông thấy như vậy quả của việc phước của họ, thì tâm của họ đầy ngạc nhiên và họ có đầy lòng kính trọng đối với vị thiện nam, tôn kính vị ấy bằng sự chấp tay tác lễ. Vị ấy lại còn làm cho họ tín thành nhiều hơn bằng một thời pháp thoại và an trú họ trong tam quy và ngũ giới. Họ hỏi nàng *Vimānapetī* về nghiệp mà nàng đã làm, bằng câu kệ này:

9. "Cung điện nguy nga, rực rỡ của nàng đang chiếu sáng; Này tiên nữ, chúng ta yêu cầu nàng hãy cho chúng ta biết rằng đây là quả của nghiệp gì".

9. Cung điện đây hoa mỹ
Và nguy nga của nàng
Đang chiếu sáng rực rỡ;
Này hỡi nàng tiên nữ,
Hãy cho chúng ta biết,
Đây là quả nghiệp nào.

Khi được hỏi như vậy bởi họ, nàng bèn nói lên những câu kệ này để báo cho họ biết rằng cung điện ấy là kết quả của nghiệp thiện nhỏ mà nàng đã làm; tuy nhiên, trong tương lai sẽ có quả nghiệp bất thiện như nghiệp được thấy trong địa Ngục.

10. Đến một vị Sa-môn du phương, chánh trực, tôi, với tâm tịnh tín, đã cúng dường cái bánh dầu.

11. Do kết quả của nghiệp thiện ấy, tôi đã vui hưởng khoái lạc trong một thời gian dài trong cung điện này, còn bây giờ chỉ có chút ít.

12. Sau bốn tháng, cái chết sẽ đến và tôi sẽ rơi xuống địa ngục vô cùng kinh khủng và đau đớn.

13. Có bốn góc với bốn cổng, nó được chia thành những phần bằng nhau, được bao quanh bởi bức tường sắt và có mái bằng sắt ở bên trên.

14. Cái nền nóng sáng của nó được làm bằng sắt cháy đỏ, nó trải rộng khắp quanh một trăm do tuần, đứng mãi mãi.

15. Tôi sẽ trải qua những cảm thọ đau đớn ở đó trong một thời gian dài, do quả của ác nghiệp của tôi, vì lý do này tôi vô cùng sầu khổ.

Khi nàng đã cho biết như vậy về quả nghiệp của nàng và kiếp sống tương lai của nàng trong đại ngục, thì tâm của người Thiện nam ấy bị xúc động bởi lòng bi mẫn và, khi nghĩ rằng vị ấy có thể làm phương tiện để nâng đỡ nàng, bèn nói rằng, "bằng chỉ một vật thí đến tôi, hỡi tiên nữ, nàng đã có đủ tất cả những gì nàng muốn và tiếp xúc với sự thù thắng cao cả này. Nếu bây giờ nàng cho ra vật thí đến những Thiện nam này và tưởng niệm những ân đức của Bậc Đạo sư, thời nàng sẽ khỏi phải tái sanh trong địa ngục". Nàng *Petī* vô cùng sung sướng và nói rằng, 'tốt lắm', và làm thoả mãn họ bằng đồ ăn và thức uống của chư Thiên, cho họ những y phục và châu báu đủ loại của chư Thiên. Rồi nàng trao vào tay của họ một cặp y phục của chư Thiên, đặc biệt dành cho Đức Thế Tôn và gởi lời chào hỏi này:

"Khi các người đã đi đến *Sāvatti*, hãy đánh lễ Đức Thế Tôn với lời nhắn gởi này của tôi: "Bạch Đức Thế Tôn, một vị *Vimānapetī* nọ xin đánh lễ Đức Thế Tôn với đầu của nàng dưới chân của Ngài". Nàng đưa

chiếc thuyền của họ đến cảng mà họ muốn đến trong cùng ngày ấy, bằng năng lực thần thông và oai lực của nàng. Bấy giờ, những thương nhân ấy đi đến *Sāvatti* từ cảng ấy đến đúng lúc và đi vào *Jetavana*. Họ dâng đến Bậc Đạo sư một cặp y phục, và khi họ đã khuyến lời chào hỏi của nàng, họ nêu lên toàn thể vấn đề ấy ngay từ đầu. Bậc Đạo sư lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết và thuyết pháp đầy đủ chi tiết cho hội chúng đã hội họp đầy đủ ở đó. Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho hội chúng ở đó. Vào ngày hôm sau, những Thiện nam ấy tổ chức một cuộc Bố thí vật thực lớn đến Chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu và hồi hướng phước thí đến cho nàng. Khi nàng rời khỏi côi Ngạ quỷ, nàng sanh vào trong một cung điện bằng vàng trong côi trời ba mươi ba, rực rỡ với nhiều loại châu báu, và có một đoàn tùy tùng gồm một ngàn tiên nữ.



I.11 TƯỢNG QUỶ SỰ (*NĀGA PETAVATTHUVANNA*)

"Người đi ở trước trên một con voi trắng."

Pháp thoại này được bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngự ở *Jetavana*, liên quan đến hai Ngạ quỷ mà đã từng là những vị Bà-la-môn.

Tương truyền rằng, vị Đại Đức bảy tuổi *Samkicca* đã chứng đắc đạo quả A-la-hán trong khi vẫn còn ở

trong nhà cạo tóc và đang sống như một vị Sa di với ba mươi vị Tỳ khưu trong một khu rừng. Sau khi vị ấy đã bảo vệ các vị Tỳ khưu ấy thoát khỏi cái chết gần kề từ tay của năm trăm tên cướp và đã thuần phục những tên cướp, truyền phép xuất gia cho chúng, vị ấy đi đến trước mặt Bạc Đạo sư.

Bạc Đạo sư thuyết pháp đến các Tỳ khưu và vào lúc kết thúc thời pháp ấy, họ chứng đắc đạo quả A-la-hán. Rồi khi Đại Đức *Saṃkicca* đã đủ tuổi và đã thọ cụ túc, vị ấy đi đến Ba-la-nại với năm trăm vị Tỳ khưu và trú ngụ ở *Isipatana*. Dân chúng đi đến trước mặt Trưởng lão để nghe pháp, và tự sắp thành những nhóm dọc theo những con đường, bố thí những vật thực đến những người mới đến. Một vị thiện nam nọ ở đó ra sức thuyết phục mọi người cung cấp thường xuyên vật thực, và họ cung cấp vật thực thường xuyên này theo khả năng của họ.

Bấy giờ tại Ba-la-nại có một vị Bà-la-môn có tà kiến, có hai đứa con trai và một đứa con gái. Đứa con trai lớn trong ba đứa này là một người bạn của vị thiện nam ấy. Vị ấy dẫn anh ta đến trước mặt Đại Đức *Saṃkicca*, và Đại Đức *Saṃkicca* thuyết pháp cho anh ta, nhờ đó tâm của anh ta trở nên mềm mại; Rồi vị thiện nam nói với anh ta rằng, "bạn nên bố thí vật thực thường xuyên đến một vị Tỳ khưu". "Tục lệ dành cho những vị Bà-la-môn là không cho vật thực thường xuyên đến những vị Sa-môn nào trong những

con trai của dòng thích ca, bởi vậy tôi sẽ không cho đâu". "Ngay cả tôi ông cũng không cho vật thực sao? Vị ấy hỏi. "Làm sao tôi không thể cho nó được", anh ta đáp lại. "Trong trường hợp ấy, hãy cho đến một vị Tỳ khưu cái gì mà anh định cho đến tôi". "Tốt lắm", Anh ta đồng ý và vào ngày hôm sau, trong khi trời vẫn còn rất sớm, anh ta đi đến tịnh xá, kiếm về một vị Tỳ khưu và cúng dường vật thực đến vị ấy. Trải qua một thời gian như thế, người em trai và em gái trông thấy những hạnh kiểm của Tỳ khưu và nghe pháp và, khi tìm thấy đức tin trong giáo pháp, lấy làm thỏa mãn trong những việc phước. Như vậy ba người này, khi cúng dường vật thực theo khả năng của họ, tôn kính, sùng mộ, và tôn trọng các vị Tỳ khưu, và tôn trọng các vị Bà-la-môn trẻ. Tuy nhiên, cha mẹ của họ chẳng có niềm tin, cũng chẳng có tâm đạo, không có lòng tôn kính đến các vị Sa-môn và Bà-la-môn, và không quan tâm đến sự thực hành những việc phước. Những quyến thuộc yêu cầu rằng, đứa con gái trẻ của họ nên gả cho người bà con bên mẹ của nàng. Nhưng người ấy nghe pháp trước mặt Đại Đức *Samkicca*, và đây xúc động, thường xuyên mang bát đến nhà của mẹ để ăn cơm. Mẹ của vị ấy ra sức dụ dỗ vị ấy lấy người em gái bà con bên mẹ. Do bởi điều này, vị ấy trở nên bất mãn và đi đến ông thầy của vị ấy và nói rằng, "Bạch Ngài, con muốn hoàn tục, xin hãy chấp thuận cho con". Thầy hoà thượng của vị ấy, khi thấy rằng vị ấy có khả năng để trở thành một vị saavaka,

bèn nói rằng, "Hãy đợi chỉ trong một tháng thôi, này ông Sa di". "Lành thay", vị ấy đồng ý và, khi một tháng đã trôi qua, vị ấy lại nói với thầy hoà Thượng theo cùng cách ấy. Thầy hoà thượng lại nói rằng: "Hãy đợi thêm nửa tháng nữa" khi nửa tháng đã trôi qua và ông thầy Hoà thượng lại được nói như vậy, và vị ấy nói rằng, "hãy chờ một tuần". "Lành thay", người kia đồng ý. Trong một tuần ấy nhà của người cô của vị Sa di bị sập vì cái mái hư của nó và những bức vách cũ kỹ yếu ớt của nó bị gió và mưa thổi vào, và Vị Bà-la-môn cùng vợ của ông ta, hai đứa con trai và con gái của họ bị chết khi bị nhà sập đè xuống. Trong những người này, vị Bà-la-môn và vợ của ông ta sanh trong cõi Ngạ quỷ, trong khi hai đứa con trai và con gái của họ sanh trong cõi chư Thiên địa cầu. Trong những vị chư Thiên này, đứa con trai lớn sanh ra cõi trên một con voi, đứa em trai thì sanh ra trong một chiếc xe được kéo bởi một con lừa và đứa em gái thì ở trong một cái kiệu bằng vàng. Vị Bà-la-môn và vợ ông ta, mỗi người cầm những cái búa tạ bằng sắt khổng lồ và đánh vào nhau, và những vết sưng phồng, mỗi vết bằng cái lu nước khổng lồ lại sanh lên ở những chỗ mà họ bị đánh, lâm vào cơn khủng hoảng trong một tình trạng nghi nghi hoặc hoặc và rồi thành linh hiện ra. Họ lại làm vỡ những vết bầm của nhau, giận dữ và nguyên rủa lẫn nhau bằng những lời thô lỗ, uống máu và mủ, tuy nhiên vẫn không thấy thỏa mãn.

Rồi vị Sa di vẫn bị chế ngự bởi lòng bất mãn, đi đến thầy hoà Thượng của vị ấy và nói rằng, "Bạch Ngài, con đã đợi sự đồng ý trong nhiều ngày; Nay con muốn về nhà, xin ngài hãy đồng ý cho con". Rồi thầy Hoà Thượng của vị ấy nói rằng, "Hãy đến đây vào lúc mặt trời lặn, khi đến ngày thứ mười bốn của tháng hạ huyền", và đi đến đứng một lát ở đằng sau của tịnh xá *Isipatana*. Lúc bấy giờ hai vị chư Thiên ấy đang đi, cùng với đứa em gái của họ, dọc theo cùng con đường ấy, để tham dự vào cuộc họp của dạ xoa. Mẹ và cha của họ đã theo họ với những cây gậy trong tay và với những lời nói thô lỗ. Họ có tướng mạo tối đen, bị đè nặng bởi những mớ tóc rối bù góm guốc và tung bay, và giống như những thân cây thốt nốt bị đốt cháy do bị tia chớp giáng xuống. Họ bị chảy máu, mù nhỏ giọt và thân của họ nhăn nheo, trông họ như một cảnh tượng góm guốc và ghê rợn. Rồi Đại Đức Sa.mkicca thị hiện thần thông để vị Sa di có thể trông thấy tất cả họ đang đi và, khi vị ấy đã làm như thế bèn nói rằng, "Này ông Sa di, người có trông thấy họ đang đi không?" "Thưa vâng, bạch Ngài, con trông thấy họ". "Thôi được, hãy hỏi họ về những nghiệp mà họ đã làm". Vị ấy lần lượt hỏi những người đang đi như thế, bắt đầu từ người đang cỡi trên con voi. "Ngài nên hỏi những Ngạ quỷ đang đi theo ở đằng sau", họ nói. Và vị Sa di nói với những Ngạ quỷ bằng những câu kệ này:

1. Người đi trước trên một con voi trắng, tuy nhiên người đi giữa thì ở trong một chiếc xe được kéo bởi một con lừa, ở đằng sau là một thiếu nữ được khiêng đi trong một chiếc kiệu bằng vàng, hoàn toàn chiếu sáng cả trong mười phương.

2. Nhưng các người, với cái búa tạ trong tay, với những khuôn mặt đầy nước mắt và thân bị nứt nẻ và xây sát, ác nghiệp nào các người đã làm trong khi các người còn ở trong cõi người, mà do đó các người phải uống máu lẫn nhau?

Chú giải:

1. Ở đây, chữ Ở TRƯỚC (*Purato*): ở trước tất cả. TRẮNG (*Setena*): Có màu sắc nhạt. NGƯỜI ĐI TỚI (*Paleti*): Người đi. TUY NHIÊN Ở GIỮA (*Majjhe pana*): ở giữa là người cỡi trên con voi và người trong chiếc kiệu. TRONG CHIẾC XE ĐƯỢC KÉO BỞI CON LỪA (*assatarīrathena*): Người đi bằng chiếc xe được thẳng ách bằng những con lừa cái. - Đây là cách nên được hiểu. ĐƯỢC DẪN ĐI (*Nīyati*): được chở đi. HOÀN TOÀN RỰC SÁNG TRONG MƯỜI PHƯƠNG (*obhāsayantī dasa sabbato disā*): Chiếu sáng ra trong khắp cả mười phương với hào quang từ thân của nàng, từ y phục và những nữ trang của nàng v.v... VỚI THÂN THỂ BỊ NÚT NẼ VÀ XÂY SÁT (*Bhinna-*

pabbinnagattā): với những tấm thân bị nứt nẻ và xây xát khắp cả bởi những nhát búa đánh vào.

Khi được hỏi như vậy bởi vị Sa di, những Ngạ quỷ đáp lại bằng bốn câu kệ, để kể lại toàn thể câu chuyện:

3. "Người mà đi trước trên một con voi, trên con bạch trượng có bốn chân, người ấy là đứa con trai của chúng tôi. Sau khi đã bố thí vật thực, bây giờ vị ấy được hạnh phúc và vui sướng.

4. Người mà đi ở giữa trong một chiếc xe được kéo bởi lừa có thắt bốn ách, đang phi nước đại, vị ấy là đứa con trai thứ hai của chúng tôi. Là người không bòn xén và là bậc thầy trong việc thực hành bố thí, bây giờ vị ấy chiếu sáng rực rỡ.

5. Cô gái ở đằng sau được khiêng đi trong một chiếc kiệu, cô thiếu nữ với đôi mắt dịu dàng của con nai, nàng là con gái của chúng tôi và là đứa sanh chót. Nhờ đã làm thoả mãn bởi nửa phần ăn của nàng, bây giờ nàng hạnh phúc và vui sướng.

6. Như vậy trong quá khứ, họ đã cúng dường vật thực, với lòng tịnh tín trong tâm của họ, đến các vị Sa-môn và Bà la môn. Tuy nhiên, chúng tôi thì ích kỷ và hay lăng mạ các

vị Sa-môn và Bà-la-môn. Họ đã bố thí và bây giờ làm hài lòng chính họ, trong khi chúng con thì bị héo úa như cây sậy bị đốn ngã.

Chú giải:

3. Ở đây, NGƯỜI MÀ ĐI Ở ĐẰNG TRƯỚC (*Purato' vu yo gacchati*): người đi ở đằng trước của những người đang lũ lượt đi. TRÊN MỘT CON VOI (*Kuṇarena*): trên một con voi (*Hatthinā*), mà đã có nói trên tên là (*Kuñjara*) bởi vì nó mang đến địa hình, quả đất, sẽ tiêu diệt (*Cīrayati*), hay thay vào đó vì nó ở trong những thung lũng (*Kuñjesu*) nên nó vui sướng, (*Ramati*) nên nó đi rảo quanh. TRÊN MỘT CON VOI (*Nāgena*): con voi ấy, con (*Nāga*) mà không có chỗ nào có thể đến gần nó được và đối với nó không có điều gì mà nó không thể chinh phục được. BỐN CHÂN (*Catukkamena*): Có bốn chân cả thảy. NGƯỜI CÓ TRƯỚC (*Getthako*): Người sanh trước.

4. CÓ BỐN CÁI ÁCH (*Catubbhī*): được thắng ách bởi bốn con lừa cái. PHI NƯỚC ĐẠI (*Suvaggitena*): di chuyển đẹp mắt, di chuyển nhanh chóng.

5. VỚI ĐÔI MẮT DỊU DÀNG CỦA MỘT CON NAI (*Migamandalocanā*): mắt nhìn ra một cách dịu dàng như đôi mắt của con nai cái, BẰNG NỬA PHẦN ĂN CỦA NÀNG: *Bhāgaḍḍhabhāgena* = *bhāgassa aḍḍhabhāgena* (cách nối kết): lý do là nàng đã cho đi

nửa phần ăn đã nhận lãnh cho chính nàng. HẠNH PHÚC: (*Sukhī = Sukhīnī*): điều này được nêu ra ở đây có sự méo mó về giới tính.

6. HAY CHỬI MẶNG (*paribhāsakā*) hay lăng mạ. BÂY GIỜ CHÚNG TỰ LÀM HÀI LÒNG (*paricārayanti*) Chúng làm thoả mãn các căn của chúng theo ý thích, bất cứ chỗ nào chúng muốn, bằng những dục lạc của chư Thiên, hay chúng vui chơi (*Paricariyam karenti*) với những tùy tùng của chúng do bởi quả thù thắng về những thiện nghiệp của chúng. TRONG KHI CHÚNG TÔI THÌ BỊ HÉO ỨA NHƯ CÂY SẬY BỊ ĐỐN HẠ (*Mayaṅca sussaṃa naḷo va chinno*): nhưng chúng tôi thì tàn tạ như cây sậy đã bị đốn hạ và bị đặt xuống trong ánh nắng của mặt trời, chúng tôi bị thiêu đốt và bị khô héo bởi cơn đói và khát, do bởi những cú đánh như từ (mà chúng tôi nhận lãnh của nhau).

Khi họ đã làm sáng tỏ những ác nghiệp của họ như vậy, sau đó họ nói cho vị ấy biết rằng họ là dì và dưỡng của vị Sa di ấy. Khi nghe qua điều này, đây xúc động, vị sa di bèn thốt lên câu kệ này để hỏi cách làm sao vật thực có thể được làm để có thể dùng được đối với những người làm ác:

7. Vật thực của các người là gì? Giường ngủ của người như thế nào? Các người tự nuôi sống bằng cách nào, các người là người có tánh rất ác, đâu sống giữa nhiều của cải, lại

bỏ qua cơ hội hạnh phúc của các người, và ngày hôm nay phải đi đến chỗ đau đớn?

Chú giải:

7. Ở đây, **VẬT THỰC CỦA CÁC NGƯỜI LÀ GÌ?** (*Kim tumhākaṃ bhojanaṃ*): vật thực của các người thuộc loại nào? **GIƯỜNG NGỦ CỦA CÁC NGƯỜI NHƯ THẾ NÀO?** (*Kim sāyānaṃ*): giường ngủ của các người thuộc loại nào? một số người đọc là: sự ngủ nghỉ của các người như thế nào? (*Kim sāyānaṃ*): loại giấc ngủ nào của các người, nghĩa là các người ngủ bằng loại giường nào? **CÁC NGƯỜI TỰ NUÔI SỐNG BẰNG CÁCH NÀO?** (*Kathaṃ su yāpetha*): các người tự nuôi sống bằng cách nào? **CÁC NGƯỜI LÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ TÁNH RẤT ÁC** (*Supāpadhammino*): Các người là những người có tánh ác vô cùng. **DẦU SỐNG GIỮA NHIỀU CỦA CÁI** (*Pahūtabhogesu*): Dầu sống trong nhiều của cái. Dầu ở trong vô số của cái.

Khi được hỏi như vậy bởi vị Sa di, những Ngạ quỷ ấy nói lên những câu kệ này để trả lời những vấn đề mà vị ấy hỏi về:

8. "Khi chúng tôi đã đánh nhau rồi, thì chúng tôi sẽ uống máu và mủ; chúng tôi uống nhiều nhưng chúng tôi không được no đủ, chúng tôi không được hài lòng.

9. Thực ra, những kẻ phàm phu không có lòng bố thí cũng ta thán sau khi chết- chúng trở thành những tội đồ của Yama (Diêm Vương); những người mà đã biết và đã dành được của cải rồi, nhưng lại không sử dụng nó, thậm chí cũng không làm những việc phước.

10. Về sau những người này chịu đói và khát; những Ngạ quỷ ấy cháy nóng, bị thiêu đốt trong một thời gian dài. Sau khi đã tạo những nghiệp dẫn đến quả đau khổ, quả cay đắng, chúng chịu đau khổ".

11. Quả thật vậy, những của cải và những ngũ cốc tồn tại thật ngắn ngủi và đời sống của người ta ở đây cũng trôi qua nhanh; khi biết những pháp có tánh chất thay đổi là vô thường, Bậc Trí Tuệ nên tạo ra một chỗ nương tựa.

12. Những người mà hiểu được điều này là những người thông hiểu giáo pháp; khi đã nghe những lời vàng ngọc của các vị A-la-hán, họ không coi thường việc bố thí vật thực.

Chú giải:

8. Ở đây, CHÚNG TÔI KHÔNG ĐƯỢC NUÔI DƯỠNG (*Na dhātā homa*): Chúng tôi không được nuôi dưỡng, không được thoả mãn, không vừa lòng. KHÔNG ĐƯỢC THÍCH THÚ: *Naruccādimhase* = Na

ruccāma (hình thức văn phạm chuyển đổi); Chúng tôi không có được sự an lạc, nghĩa là chúng tôi không uống nó cho thoả thích.

9. BỜ VẬY, THỰC RA (*icc'eva*) bằng chính cách này. NHỮNG KẺ PHẢI CHẾT CŨNG TA THÁN (*Maccā paridevayanti*): Những người khác cũng vậy, là những người, như chúng tôi, cũng đã làm những điều bất chánh, cũng ta thán và kêu gào. KHÔNG CÓ LÒNG BỐ THÍ (*Adāyakā*): ích kỷ, không có đức quảng đại. CHÚNG TRỞ THÀNH NHỮNG THẦN DÂN CỦA *Yama* (*Yamassa tṭhāyino*): Bản tánh của chúng là phải ở trong cõi Ngạ quỷ, chỗ ngụ của *Yama* (Diêm Vương), được mệnh danh là cõi của *Yama*. NHỮNG NGƯỜI MÀ ĐÃ BIẾT VÀ ĐÃ CÓ ĐƯỢC CỦA CẢI (*Ye te viditvā adhigaṃma bhoge*): Những người đã biết và đã có của cải để đem lại hạnh phúc phi thường, cả bây giờ lẫn mai sau. NHỮNG LẠI KHÔNG DỪNG ĐẾN NÓ, THẬM CHÍ CŨNG KHÔNG LÀM NHỮNG VIỆC PHƯỚC (*Na bhuñjare nā'pi'karontipuññaṃ*): Nhưng là người, như chúng tôi, không tự mình dùng nó, thậm chí cũng không làm những việc phước về sự bố thí vật thực bằng cách cho đến những người khác.

10. VỀ SAU NHỮNG NGƯỜI NÀY CHỊU ĐÓI VÀ KHÁT (*Te khuppiṭṭasūpagatā parattha*): những chúng sanh này bị chế ngự bởi sự muốn ăn và bởi sự khát về sau, ở cõi Ngạ quỷ, trong kiếp sau. NHỮNG

NGẠ QUỶ ẤY NÓNG CHÁY, BỊ THIÊU ĐỐT TRONG MỘT THỜI GIAN DÀI (*Ciraṃ jhāyare dayhamānā*): Nghĩa là những Ngạ quỷ ấy, bị đốt cháy, chúng than khóc, bị thiêu đốt liên tục bởi ngọn lửa của lương tâm bất an, khi nghĩ rằng "than ôi! Chúng ta đã không làm những việc thiện, chúng ta chỉ làm những việc ác mà thôi" và bởi ngọn lửa đau khổ do bởi cơn đói của chúng gây ra. ĐEM LẠI ĐAU KHỔ (*anubhonti dukkhaṃ katukapphalāni*): Sau khi đã làm việc ác đem lại quả cay đắng, chúng chịu đau khổ, chúng chịu trạng thái đau khổ trong cõi khổ, trong một thời gian dài.

11. CÓ ĐỜI SỐNG NGẮN NGŨI (*ittaraṃ*): không tồn tại lâu, vô thường, chịu sự thay đổi; MẠNG SỐNG CỦA CON NGƯỜI TRÔI QUA NHANH Ở ĐÂY (*ittaraṃ idha jīvitam*): Mạng sống của chúng sanh ở đây, trong cõi người này, đang trôi nhanh, Có hạn kỳ, ngắn ngủi. Vì lý do này mà Đức Thế Tôn nói rằng. "Người mà sống lâu, chỉ sống một trăm năm hoặc lâu hơn một chút." KHI BIẾT CÁC PHÁP CÓ TÁNH CHẤT THAY ĐỔI LÀ VÔ THƯỜNG (*Ittaraṃ ittarō ñātvā*): Khi biết chắc bằng trí tuệ rằng, các pháp hữu vi như của cải và ngũ cốc v.v... Và mạng sống của con người là đang trôi nhanh, hữu hạn, ngắn ngủi, và không tồn tại lâu dài. NGƯỜI CÓ TRÍ TUỆ NÊN TẠO RA MỘT CHỖ NƯỞNG TỰA (*dīpaṃ kariyātha paṇ-dito*): Người có trí tuệ nên tạo ra một chỗ nướng tựa,

một chỗ chống đỡ, đó sẽ là nền tảng hạnh phúc và lợi ích trong đời sau.

12. NHỮNG NGƯỜI HIỂU BIẾT ĐIỀU NÀY (*ye te evaṃ pa jānanti*) những người mà thật sự giác ngộ tánh chất thay đổi của đời người và của cái, họ không nên dễ dãi trong việc bố thí luôn khi. KHI ĐÃ NGHE NHỮNG LỜI VÀNG CỦA CÁC BẬC A LA HÁN (*Sutvā arahataṃ vaco*): nghĩa là khi đã nghe những lời của các vị A-la-hán, của các bậc thánh nhân như chư Phật v.v... Phần còn lại quá rõ rồi.

Khi những Ngạ quỷ ấy đã giải thích những vấn đề mà chúng đã được hỏi bởi vị Sa di, chúng nói rằng. "Chúng tôi là dưỡng và dì của ngài". Khi vị ấy nghe qua điều này, vị Sa di đây xúc động, di?t trừ tâm thối thất của vị ấy và gục đầu dưới chân thầy hoà thượng mà nói rằng, "Bạch Ngài, bất cứ lòng thương tưởng nào nên được cho đến do bởi lòng bi mẫn, đã được Ngài cho đến con, thì chắc chắn con được bảo vệ không bị rơi vào trong nỗi bất hạnh lớn. Bây giờ, con không còn thích thú trong đời sống gia đình và sẽ thấy vui thích trong đời sống phạm hạnh". Đại đức *Samkicca* cho người đệ tử một đề mục thiền định thích hợp với tâm tánh của vị ấy. Nhờ chuyên tâm với đề mục thiền định ấy, không bao lâu vị Sa di chứng đắc Đạo quả A-la-hán. Đại đức *Samkicca* nêu lên vấn đề ấy với đức Thế Tôn. Bậc Đạo sư lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết giảng

chánh pháp một cách tỉ mỉ đến hội chúng hội họp ở đó. Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho những người hội họp ở đó.



I.12 XÀ QUỶ SỰ (URAGA PETAVATTHUVANNAÑĀ)

"Cũng như con rắn sau khi quăng bỏ cái vỏ cũ kỹ của nó"

Pháp thoại này được Bạc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở *Jetavana*, liên quan đến một thiện nam nọ.

Tương truyền rằng, tại *Savatthi* đứa con trai của một vị thiện nam nọ đã chết. Đầy ưu bi, ông ta ta thán về cái chết của đứa con trai; Ông ta chỉ ở trong nhà, chẳng đi ra ngoài cũng không thể làm công việc gì. Rồi khi vào lúc hừng sáng, Bạc Đạo sư đã xuất khỏi đại bi định và đang dò xét thế gian bằng Phật nhãn của Ngài, trông thấy vị thiện nam ấy. Ngài mặc y vào lúc sáng và khi mang y Tăng-già-lê và bát, đi đến đứng cửa nhà của ông ta. Khi vị thiện nam nghe tin Bạc Đạo sư đã đến, ông ta vội vàng đứng dậy và đi ra đón Ngài. Ông ta lấy bát từ tay của Ngài, thỉnh Ngài vào nhà và dâng đến Ngài chỗ ngồi đã được soạn sẵn. Đức Thế Tôn ngồi trên chỗ ngồi đã được

soạn sẵn và vị thiện nam ngồi đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Đức Thế Tôn nói rằng: "Này ông thiện nam, tại sao ông trông có vẻ như người bị ưu bi vậy". "Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn, đứa con trai yêu quý của con đã chết. Vì lý do này khiến con ưu bi", ông ta đáp lại. Rồi đức Thế Tôn thuyết giảng Xà Bốn sanh với mục đích diệt trừ nỗi ưu bi của ông ta.

Cách đây đã lâu, tại Ba-la-nại trong vương quốc *Kāsi*, có một gia đình của một Bà-la-môn họ tên là *Dhammapāla*, tất cả những người trong gia đình gồm có: Vị Bà-la-môn, vợ của ông ta, đứa con trai và con gái của ông ta, nàng dâu và cô tớ gái. Tất cả đều có thói quen niệm về cái chết. Bất cứ khi nào có người nào trong bọn họ đi ra ngoài, thì người ấy khuyên những người còn lại trong gia đình và rồi ra đi mà không có sự vướng bận gì.

Rồi một ngày nọ, vị Bà-la-môn với đứa con trai của ông ta đi ra đồng để cày trong khi đứa con trai của ông ta châm lửa vào mớ củi và cỏ khô. Khi thấy đồng lửa này, một con rắn đen rất độc, do sợ bị cháy, bèn rời khỏi bông cây và cắn vào đứa con trai của ông Bà-la-môn. Cậu ta té xỉu, do hiệu lực của nọc độc, ngã xuống ngay tại đó và chết ngay sau đó, tái sanh làm *Sakkha*, vua của chư Thiên.

Khi vị Bà-la-môn trông thấy đứa con trai đã chết của ông ta, vị ấy nói với người đàn ông mà vị ấy trông thấy đang đi qua gần chỗ mà vị ấy đang làm việc: "Này ông, xin ông làm ơn đi về nhà của tôi và báo cho vợ của tôi biết rằng, bà ta nên tắm rửa và mặc y phục cho sạch sẽ, rồi đến đây với vật thực dành cho một người, và mang theo tràng hoa, vật thơm v.v..." Người đàn ông kia đi đến đó và báo cho bà biết tin, và những người trong gia đình đã làm như ông ta nói. Vị Bà-la-môn tắm, độ thực và sức dầu vào người và được vây quanh bởi những người hầu, ông ta đặt xác của đứa con trai trên giàn hoả và châm lửa vào đó, rồi đứng ở đó tựa như ông ta chỉ đốt một đồng củi mà thôi, chẳng có ưu bi hay sầu khổ gì, chỉ bằng tâm chuyên chú vào ý nghĩ về vô thường.

Bấy giờ chính Bồ tát của chúng ta lúc bấy giờ là con trai của ông Bà-la-môn, đã sanh làm *Sakkha*. Khi vị ấy quán niệm về những việc phước mà vị ấy đã làm trong kiếp quá khứ của mình, vì cảm thấy thương hại cho người cha của mình và những quyến thuộc, bèn đi đến đó cải trang làm một vị Bà-la-môn.

Vì thấy quyến thuộc chẳng có người nào khóc than cho mình cả, vị ấy bèn nói rằng, "Này các người, các người đang nướng món thịt nai gì đấy. Xin làm ơn cho tôi một ít thịt nhé; Tôi đói bụng lắm..." "chẳng phải thịt nai nướng đâu, thưa ông Bà-la-môn, đó xác của một người đấy," ông ta đáp lại. "Có phải là kẻ thù

của các người không?" "Người ấy không phải là kẻ thù của tôi mà là ruột thịt máu mủ của chính tôi, là đứa con trai còn trẻ có giới đức của tôi". "Tại sao ông không khóc than khi đứa con trai còn trẻ có giới đức như vậy bị chết?" Khi nghe qua điều này, vị Bà-la-môn thốt lên hai câu kệ này để cho biết lý do khiến ông ta không khóc:

1. Như rắn bỏ đi lớp vỏ già nua của nó, là thân của nó, và rồi tiếp tục đi, vào lúc chết thì cái Peta, cái thân vô dụng của nó cũng vậy.

2. Cái mà đang cháy thì không hay biết những lời ta thán của những quyến thuộc. Do vậy tôi không khóc than cho nó; nó đã đi đến bất cứ chỗ nào gọi là định nghiệp của nó".

*1. Như rắn lột bỏ vỏ già,
Vỏ ấy cũng ví như là xác thân,
Và rồi tiếp tục du phương
Lúc chết cũng vậy, nắm xương ích gì!"*

*2. Cái mà đang cháy hoại đi,
Thì không hay biết lời gì thở than.
Do vậy tôi chẳng kêu oan,
Khóc cho cái nắm tro tàn con tôi.
Nó đã đi khỏi đây rồi.
Đến nơi đã định cho đời mai sau".*

Khi vị Bà-la-môn đã cho thấy tánh thuần thực của mình trong việc chú tâm hoàn toàn về ý niệm vô

thường như vậy, thì *Sakkha*, trong lột một vị Bà-la-môn, nói với người vợ của vị Bà-la-môn rằng, "Thưa bà, người chết là gì đối với bà?" "Nó là đứa con trai đã lớn của tôi, thưa ông, là người mà tôi đã cưu mang trong mười tháng, cho bú mớm và dạy cho nó bò." "Cho dù cha của người ấy không khóc, chẳng qua là bản tánh của người đàn ông, chắc chắn tấm lòng của người mẹ thì mềm mỏng; Thế thì tại sao bà không khóc?"

Khi bà ta nghe qua điều này, bà ta bèn thốt lên hai câu kệ để cho biết lý do của bà ta tại sao không khóc:

3. "Nó đến từ đó cũng không có sự mời mọc và đi khỏi đây cũng chẳng có sự cho phép. Nó đến như thế nào thì nó đi cũng như thế. Trong những hoàn cảnh như vậy, ta thán có lợi ích gì?"

4. Cái mà đang cháy thì không hay biết những lời ta thán của quyến thuộc, do vậy tôi không than khóc cho nó. Nó đã đi đến bất cứ chỗ nào đã định phần cho nó.

*3. "Đến đây chẳng được ai mời,
Ra đi chẳng được một lời thuận ưng.
Đến đi bất định bất phân,
Ích gì mà khóc mỗi lần ra đi?"*

4. Cái mà đang cháy đen xì
Làm sao biết được những gì thờ than.
Nên tôi chẳng khóc chẳng than;
Con tôi nó đã đi sang cõi nào.

Khi vị ấy nghe qua điều mà người vợ của vị Bà-la-môn đã phải nói như thế, vị ấy bèn hỏi đứa em gái của người chết, "Người ấy là gì đối với cô, này cô gái?" "Thưa Ngài, người ấy là anh của tôi", "Này cô, chắc chắn những người em gái đều thương yêu những người anh của họ; thế thì tại sao cô không khóc?" Nàng đọc lên những câu kệ này để cho biết lý do khiến nàng không khóc:

5. "Nếu tôi khóc thì tôi trở nên tiêu tụy.
Khóc như thế sẽ có kết quả gì cho tôi?. Tuy
nhiên, nó sẽ làm cho những quyến thuộc của
tôi và những người cầu phúc cho chúng tôi
thêm ưu bi mà thôi.

6. Cái mà đang cháy thì không hay biết
những lời ta thán của những quyến thuộc.

Do đó, tôi không khóc than cho vị ấy;
người ấy đã ra đi đến chỗ định phần cho
người ấy rồi".

5. Nếu tôi khóc lóc thờ than,
Thì tôi sẽ ốm gầy mòn xanh xao,
Làm vậy sẽ được gì nào?
Lại đem khổ lụy đến bao nhiêu người.

6. Cái mà đang cháy rả rời,
Chẳng hay biết được những lời kêu than.
Nên tôi chẳng khóc than van,
Anh tôi đã chuyển sanh sang cõi nào.

Khi nghe qua điều mà người em gái đã phải nói, vị ấy bèn hỏi người vợ của người chết rằng, "Người ấy là gì đối với cô?" "Thưa ông, người ấy là chồng của tôi". "Này cô, chắc chắn đàn bà đa số đều yêu thương người chồng của họ, và khi những người chồng ấy chết thì những thiếu phụ phải chịu quạnh hiu. Thế thì tại sao cô không khóc?" Nàng đọc lên hai câu kệ để cho biết ý lý do khiến nàng không khóc:

7. "Cũng như đứa bé khóc đòi mặt trăng,
người khóc lóc cho kẻ đã quá vãng cũng như thế.

8. Cái mà đang cháy thì không hay biết
những lời thờ than của những quyến thuộc.

Do đó, tôi không khóc cho vị ấy; Người ấy đã ra đi đến bất cứ chỗ nào đã định rồi.

7. Cũng như đứa bé khóc lẫn,
Đòi cho bằng được mặt trăng trên trời,
Người khóc cho kẻ chết rồi,
Cũng dường thế ấy chỉ hoài công thôi.

8. Cái mà đang cháy rả rời,
Làm sao hay biết những lời kêu than.

Nên tôi chẳng khóc than van.

Chồng tôi nay đã sanh sang cõi nào.

Khi nghe qua điều mà người vợ của người chết đã phải nói, vị ấy bèn hỏi người đầy tớ gái, "Này cô, người ấy là gì đối với cô?" "Thưa Ngài, Người ấy chủ của tôi" "Nếu vậy, có lẽ cô đã từng làm công việc của cô một cách miễn cưỡng sau khi vị ấy đánh đòn. Do đó, ta nghĩ rằng người mới không khóc khi người nghĩ rằng, do cái chết của người ấy mà người sẽ được thoát khỏi người ấy." "Đừng nói với tôi như thế, thưa Ngài, điều ấy không đúng đâu. Đứa con trai của chủ tôi đã hành đúng pháp và có sự nhẫn nại vô cùng, có lòng từ ái và thân thiết. Người ấy như đứa con đã lớn lên từ cái vú của tôi". "Thế thì tại sao cô không khóc?" Nàng cũng nói lên hai câu kệ để nói rõ lý do khiến nàng không khóc:

9. "Thưa ông Bà-la-môn, cũng như cái bình nước đã bị vỡ tan, không thể ráp lại với nhau được, cũng vậy người khóc cho kẻ đã quá vãng, kết quả cũng như thế thôi.

10. Cái mà đang cháy thì không thể hay biết những lời thờ than của những quyến thuộc.

Do vậy, tôi không khóc cho người; Người ấy đã đi đến bất cứ chỗ nào đã định phần."

9. Dạ thưa ông Bà-la-môn,
Cũng như bình vỡ không còn hồi nguyên,
Khóc cho người đã quy thiên,
Cũng như bình vỡ nổi lên được chi.

10. Cái mà đang cháy đen xì,
Làm sao biết được những gì thờ than,
Nên tôi chẳng khóc than van,
Chú tôi nay đã sanh sang cõi nào.

Khi Sakka nghe qua Pháp thoại này từ họ, vị ấy với lòng mộ đạo, nói rằng "Các người đã hoàn toàn tu tập pháp niệm về sự chết. Từ ngày hôm nay trở đi, sẽ không cần thiết để các người phải lao động với công việc cày cấy nữa".

Vị ấy bỏ vào đây nhà của họ bảy loại châu báu và khích lệ họ rằng, "Đừng dễ duôi trong việc bố thí. Hãy thọ trì ngũ giới và bát quan trai giới", và, sau khi lộ diện chân tướng của vị ấy cho họ trông thấy, vị ấy trở về lại chỗ ngụ riêng của mình.

Và vị Bà-la-môn ấy cùng những người khác làm những việc phước về Bố thí v.v... Sau khi sống hết thọ mạng của họ, được tái sanh trong cõi *Devaloka* (Cõi chư Thiên).

Khi Bạc Đạo sư đã kể lại bốn sanh này và đã rút ra cây tên sâu muộn từ người Thiện nam ấy, sau đó Ngài thuyết giảng Tứ đế. Vào lúc kết thúc thời pháp,

vị thiện nam được an trú trong quả thánh Tu-đà-hườn.

Xà quý sự đã kết thúc. Như vậy, sự trình bày ý nghĩa của phẩm đầu, Xà phẩm, được tô điểm bằng mười hai câu chuyện trong những câu chuyện Ngạ quý này của bộ kinh *Khuddaka Nikāya* (Tiểu Bộ) đã kết thúc.



CHƯƠNG II

UẤT BA LỢI PHẨM

(*UBBARĪVAGGA*)



II.1 LY LUÂN HỒI QUỶ SỰ

(*SAṂSĀRAMOCAKA* *PETAVATTHUVAṆṆANĀ*)

"Người trần truồng và có hình tướng thô xấu".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Trúc Lâm viên, liên quan đến một nữ Ngạ quỷ nọ trong ngôi làng tên là *Itṭhakāraṭi*, thuộc vương quốc *Magadha*.

Tương truyền rằng, trong vương quốc *Magadha* có hai ngôi làng, *Itṭhakāvatī* và *Dīgharājī*, ở đó có nhiều kẻ ngoại đạo *Samāsāramocaka* trú ngụ. Cách đây đã lâu, khoảng năm trăm năm về trước, một nữ nhân nọ sanh trong gia đình *Samāsāramocaka* ngay tại đó ở *Itṭhakāvatī*, và do bởi những tà kiến của nàng, nàng đã giết hại nhiều côn trùng và châu chấu và tái sanh trong cõi Ngạ quỷ; Ở đó, nàng chịu khổ đói và khổ khát trong năm trăm năm. Rồi khi Đức Thế Tôn của chúng ta đã sanh ra trong thế gian và đã lăn bánh xe diệu pháp, và đến đúng thời kỳ đến trú

ngụ tại trúc lâm viên, gần *Rājagaha*, nàng lại sanh trở lại trong cùng gia đình *Saṃsāramocaka* ấy trong cùng ngôi làng *Itthakāvati* ấy. Rồi một hôm nọ, khi nàng đã được bảy hoặc tám tuổi và đang mãi vui chơi với những cô gái trên con đường lớn, Đại Đức Trưởng lão *Sārīputta*, khi đang ngụ tại tịnh xá *Anuravati* gần ngôi làng ấy, đi qua chính con đường gần cổng làng ấy, được tháp tùng bởi mười hai vị Tỷ khưu. Ngay lúc ấy, nhiều cô gái của ngôi làng ấy, sau khi đã rời khỏi ngôi làng, đang chơi gần cổng làng, theo phong tục của cha mẹ chúng, chúng bèn nhanh chóng đi đến với tâm Đạo nhiệt thành, và đánh lễ Trưởng lão và những vị Tỷ khưu khác với năm điểm chạm đất. Tuy nhiên, cô gái trong gia đình của những người không có đức tin ấy, lại tỏ ra bất kính và thiếu những tánh tốt của những người có giới đức, lại tỏ ra vô học. Do nàng đã không tích lũy những thiện nghiệp trong một thời gian dài, vẫn đứng như người thất học. Trưởng lão thấy rõ tánh hạnh trong quá khứ của nàng, sự tái sanh hiện tại của nàng trong gia đình *Saṃsāramocaka*, và thấy rằng nàng đáng bị sanh trong địa ngục trong tương lai. Trưởng lão biết rằng: nếu nàng đánh lễ Ngài thời nàng sẽ không tái sanh trong địa ngục, dầu nàng có sanh trong cõi Ngạ quỷ nàng cũng được sự thù thắng do ngài, Trưởng lão nói với những cô ấy rằng, "các con thì đánh lễ những vị Tỷ khưu, nhưng cô gái này thì vẫn đứng như người không được giáo dục vậy". Rồi những cô gái ấy túm

lấy hai tay của cô gái, kéo nàng tới và bằng sự thúc ép, khiến nàng đánh lễ dưới chân của Trưởng lão. Đến đúng thời, nàng đến tuổi thanh xuân và được gả cho một chàng trai nọ thuộc một gia đình *Saṃsāramocaka* trong ngôi làng *Dīgharājī*. Khi nàng sắp sanh, thì nàng chết và sanh trong cõi Ngạ quỷ, trần truồng, và có hình tướng gớm guốc, trông thật ghê tởm; khi đi lang thang vào lúc đêm tối, nàng hiện ra trước mặt Trưởng lão *Sārīputta* và rồi đứng ở một bên. Khi trông thấy nàng, Trưởng lão bèn hỏi nàng bằng câu kệ này:

1. "Nàng trần truồng và có hình tướng gớm guốc, gây mòn với những đường gân lộ lộ. Nàng là một kẻ gây ốm, với những xương sườn lộ ra, bây giờ, nàng là ai mà đứng ở đây?"

Khi nghe qua điều này, nữ Ngạ quỷ ấy nói lên câu kệ này để cho biết về chính nàng:

2. Thưa Ngài, em là một nữ Ngạ quỷ, đã đi đến cõi Ngạ quỷ trong thế giới của *Yama*; khi đã làm ác nghiệp, em đã đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ.

Được hỏi thêm một lần nữa bởi Trưởng lão về nghiệp mà nàng đã làm:

3. "Bây giờ ác nghiệp nào mà ngươi đã làm bằng thân, khẩu và ý? Do kết quả của nghiệp

nào khiến người ra đi từ đây đến cõi của những Ngạ quỷ?"

Nàng nói lên ba câu kệ để cho thấy rằng vì đã sống với lòng bòn sẻn và thiếu đức bố thí, nàng đã phải sanh trong Ngạ quỷ và chịu nhiều thống khổ như vậy:

4. "Thưa Ngài, trước kia em không có cha mẹ, hay những quyến thuộc khác, thậm chí cũng không có những người mà có lòng thương xót em, đề khuyên rằng: Hãy bố thí với tâm đạo nhiệt thành đến các vị Sa-môn, Bà-la-môn".

5. Từ nay trở đi, trong năm trăm năm, em phải đi lang thang trên trường như thế này, bị đốt cháy bởi cơn đói và sự khát dục. Đây là quả về ác nghiệp của em.

6. Con xin đánh lễ Ngài, thưa bậc Ứng Cúng, bằng tâm đạo tín thành; xin hãy thương xót con, hỡi bậc Vĩ Đại Và Kiên Quyết. Xin hãy bố thí một cái gì đó và hồi hướng phước thí ấy đến cho con; xin hãy giải thoát cho con ra khỏi cảnh khổ này, thưa Ngài.

Ba câu kệ này được nói bởi những vị kiệt tập Tam tạng, để cho thấy tánh cách mà Trường lão thực hiện khi nữ Ngạ quỷ ấy đã nói như vậy:

7. "Tốt lắm", Trưởng lão *Sārīputta* đồng ý, người có lòng bi mẫn, và đã cho đến các vị Tỷ khưu một miếng vật thực, một miếng vải có kích thước một gang tay và một bát nước, và hồi hướng phước thí này đến cho nàng.

8. Ngay khi vị ấy hồi hướng phước thí này thì kết quả hiện ra: vật thực, y phục, thức uống, là kết quả của phước thí này.

9. Nhân đó, nàng được thanh tịnh, mặc y phục sạch sẽ và tươi sáng, là loại vải mịn hơn những thứ của xứ *Kāśi*; và được trang sức bằng nhiều loại y phục và vật trang sức, nàng đi đến Trưởng lão *Sārīputta*.

Rồi khi Đại Đức *Sārīputta* trông thấy nữ Ngạ quý ấy sau khi đã đến trước mặt Ngài, đứng với các căn đã được làm cho tươi sáng, có nước da hoàn toàn thuần tịnh và được trang sức bằng những y phục và những vật trang sức của chư Thiên, và làm sáng lên mọi thứ quanh nàng bằng hào quang của chính nàng, vị ấy nói ba câu kệ này khi muốn nàng giải thích kết quả của những nghiệp mà nàng đang thọ hưởng:

10. Ai mà đứng với sắc đẹp tuyệt trần, này tiên nữ, chiếu sáng khắp các hướng như được Vương Tinh.

11. Sắc đẹp của nàng như vậy là do cái gì? Do cái gì mà điều này được thành tựu bởi

nàng ở đây và có sanh lên bất cứ dục lạc nào mà nàng ưa thích?

12. Ta hỏi nàng, này *Devī* có đại oai lực, việc phước gì mà người đã làm khi người còn làm người? Do điều gì mà oai lực của người sáng chói như vậy và sắc đẹp của người chiếu sáng khắp mười phương?

Nữ Nga quý ấy, khi được hỏi bởi Trưởng lão, bèn nói lên những câu kệ còn lại để làm sáng tỏ lý do về cách mà sự thù thắng này của nàng đã được nhận lãnh:

13. Vị thánh đây lòng bi mẫn đối với thế gian trông thấy con đã đi vào kiếp sống đau khô - vàng vó, gầy ốm, đói khát, trần truồng, với da nhăn nheo.

14. Vị ấy đã cho đến các vị Tỳ khưu một miếng vật thực, một mảnh vải có kích thước một gang tay và một bát nước, và hồi hướng phước ấy cho con.

15. Hãy xem quả của miếng cơm ấy: Trong một ngàn năm con sẽ ăn vật thực được gia vào nhiều gia vị, vui hưởng với tất cả những gì đem lại sự thỏa mãn cho những ước muốn của con.

16. Hãy xem loại kết quả có được của một mảnh vải chỉ bằng gang tay: nhiều y phục như trong khắp cõi của vua *Nanda*.

17. Còn hơn thế nữa, thưa Ngài, là những y phục và những đồ trải bằng lụa và bằng vải len, vải lanh và vải sợi của con.

18. Chúng có nhiều và đắt quý. Chúng còn thông xuống từ bầu trời; và con chỉ mặc vào bất cứ cái gì mà con thấy thích.

19. Hãy xem loại kết quả có được từ một bát nước: những hồ sen được khéo bố trí ở ngoài và có bốn góc.

20. Với nước trong và những bờ hồ xinh đẹp, mát và thơm, được phủ lên bằng những hoa sen và hoa súng, nước đây những nhụy sen.

21. Và con vui thích, chơi giỡn và vui sướng, chẳng có gì để sợ từ bất cứ hướng nào. Bạch Ngài, con đến đây để đánh lễ Bậc hiền trí có lòng bi mẫn đối với thế gian.

Chú giải:

Nữ Ngạ quỷ nói, "Nhiều y phục như trong khắp cõi của vua *Nanda*, v.v..." Bây giờ về điều này, vua *Nanda* là ai?

Tương truyền rằng cách đây đã lâu, khi thọ mạng của loài người là mười ngàn năm, một người có của cải, là thường dân của xứ Ba-la-nại, trông thấy một vị Phật Độc Giác nọ khi ông ta đang đi bộ trong rừng. Đức Phật Độc Giác đang làm một chiếc y tại đó, nhưng đã gấp nó lại và bắt đầu đem cất, vì phần nổi bị thiếu. Khi người đàn ông có của cải trông thấy cảnh này, ông ta nói rằng, "Bạch Ngài, Ngài đang làm gì thế? Dầu Ngài chẳng nói gì do lòng tri túc của Ngài, ông ta vẫn biết rằng vật liệu làm y bị thiếu, bèn đặt chiếc áo choàng của ông ta dưới chân của Đức Phật Độc Giác. Đức Phật Độc Giác nhặt lấy nó và, khi thêm nó vào chỗ vá, làm thành chiếc y và mặc nó vào. Vào lúc thân hoại mạng chung, người đàn ông có của cải ấy chết và tái sinh trong cõi trời Ba mươi ba. Vị ấy thọ hưởng sự vinh quang của chư Thiên ở đó đến hết thọ mạng của mình, và khi mạng chung từ cõi ấy, sanh vào trong gia đình của một vị Tư tế quan trong một ngôi làng nọ cách Ba-la-nại một do tuần. Vào lúc vị ấy đến tuổi thành niên, thì lễ hội ăn mừng tháng mới được công bố trong ngôi làng đó. Chàng trai nói với mẹ của mình rằng, "thưa mẹ, hãy cho con một chiếc áo choàng để con có thể đi dự hội ăn mừng tháng mới". Bà ta lấy ra một chiếc áo mới và trao cho cậu. "Thưa mẹ, chiếc áo này thô quá". Chàng trai nói. Bà ta lấy ra một chiếc áo khác và trao nó cho cậu, nhưng cậu ta cũng từ chối chiếc áo này. Rồi người mẹ nói với cậu ta rằng, "nay con, từ khi chúng ta sanh

vào trong gia đình này, chúng ta không tạo những phước nào để có những y phục tốt hơn những thứ này nữa". "con sẽ đi đến một chỗ để kiếm ra nó, thưa mẹ". "Thế thì hãy đi đi, này con, mẹ muốn rằng chính ngày hôm nay con có thể có được quyền cai trị vương quốc Ba-la-nại này". "Tốt lắm, thưa mẹ" cậu ta đáp lại. Chàng trai cúi chào mẹ, đi vòng quanh bà ta về hướng phải và nói rằng, "xin chào mẹ". "Chào con". Tương truyền rằng ý nghĩ xảy đến với bà ta rằng, "nó có thể đi đâu? nó chỉ có thể ngồi chỗ này chỗ kia quanh ngôi nhà này mà thôi". Nhưng bị thôi thúc bởi những việc phước của mình, cậu ta rời khỏi ngôi làng và đi đến Ba-la-nại; ở đó cậu ta nằm xuống trên một tảng đá có điềm may sau khi che người từ đầu trở xuống. Lúc bấy giờ là ngày thứ bảy sau khi đức vua băng hà. Khi những vị quan cố vấn đặc biệt của đức vua và vị Tư tế quan đã làm lễ mai táng rồi, họ ngồi trong sân triều và bàn luận với nhau rằng, "Có một đứa con gái của đức vua, nhưng không có đứa con trai nào cả; Một vương quốc mà không có vua thì không tồn tại được. Chúng ta phải gởi đi một chiếc xe hoa". Họ thẳng ách bốn con ngựa có màu hoa sen trắng và để vào trong chiếc xe năm biểu tượng của đức vua, đứng đầu là cái lọng trắng. Rồi họ cho chiếc xe đi và cho trống nhạc ở đằng sau. Chiếc xe đi về cổng đông và hướng về vườn ngự uyển. Một số người nói rằng, "Chiếc xe đang đi về vườn ngự uyển theo thói quen, hãy quay nó lui". Nhưng vị Tư tế quan nói rằng,

"đừng quay nó lui". Chiếc xe đi vòng quanh chàng trai về hướng phải và rồi dừng chờ sẵn để người ấy leo lên. Vị Tư tế quan dờ lên một góc của tấm chắn, quan sát hai lòng bàn chân của vị ấy và nói rằng, "Hãy để chàng trai này làm nơi nương tựa của chúng ta- vị ấy có thể tạo ra độc nhất một vương quốc gồm cả bốn châu và hai ngàn đảo vây quanh", và rồi sai thổi nhạc ba lần khi nói rằng, "Hãy thổi nhạc lên, hãy thổi nhạc lên nữa đi!" chàng trai mở tấm chắn trên mặt ra, nhìn quanh người của vị ấy và nói rằng, "này ông bạn, ông đến đây có chuyện gì thế?" "Tâu bệ hạ, vương quốc đã đến với bệ hạ". "Vua của các người đâu?" "Vị ấy đã thăng hà rồi, tâu chúa thượng". "Bao nhiêu ngày rồi?" "Hôm nay là ngày thứ bảy rồi". "Không có con trai hay con gái nào à?" "Chỉ có một đứa con gái, tâu bệ hạ, nhưng không có con trai". "Thôi được, nếu vậy thì ta sẽ cai trị". Ngay tức thì họ dựng lên một nhà mát để phong vương cho vị ấy, trang sức cho đứa con gái của đức vua bằng tất cả những vật trang sức của nàng, dẫn nàng đến vườn ngự uyển và phong vương cho chàng thanh niên. Khi vị ấy đã được phong vương, họ dâng đến cho vị ấy những tấm vải trị giá một trăm ngàn đồng, "Đây là cái gì, này các bạn". Vị ấy hỏi, "những chiếc y của bệ hạ, tâu bệ hạ". "Chúng không thô, phải không các bạn?" "không có những thứ nào tốt hơn những thứ này trong bất cứ những y phục nào được dùng bởi loài người, tâu bệ hạ". "Vua của các người có mặc giống như thế này không?"

“thừa có, tâu bệ hạ”. “Ta không nghĩ rằng vua của các người có phước. Hãy đem đến cho ta một cái bình nước vàng và ta sẽ kiếm một số y phục”. Họ đem đến cái bình bằng vàng. Vị ấy đứng lên, rửa tay, súc miệng và, khi cầm một ít nước trong tay, rải nó vào hướng đông, nhân đó tám cây như ý rễ đất mọc lên. Vị ấy lại lấy một ít nước và rải nó vào hướng nam, hướng tây và hướng bắc, khi rải nước như vậy vào các hướng, thời mỗi nơi trong tất cả các hướng ấy vị ấy đã tạo ra tám cây để có ba mươi hai cây như ý mọc lên tất cả. Một số người nói rằng trong mỗi hướng, vị ấy đã tạo ra mười sáu cây để có tất cả sáu mươi bốn cây. Chàng trai mặc vào một chiếc của chư Thiên, đắp quanh người và nói rằng, “hãy cho đánh trống rao truyền rằng trong mỗi lãnh thổ của vua *Nanda*, người đàn bà làm nghề se chỉ không cần se chỉ nữa”.

Vị ấy bảo họ trưng lên chiếc lọng và, khi đã mặc y phục, trang sức và cỡi trên con voi oai phong nhất, đi vào thành phố, đi lên cung điện và thọ hưởng sự vinh quang vĩ đại.

Thấm thoát một thời gian, đến một hôm nọ, hoàng hậu khi trông thấy sự vinh quang của đức vua, đã tỏ tình thương của nàng bằng cách nói rằng, “chắc hẳn bệ hạ cần tỏ nhiều tiết chế hơn”. Khi được hỏi, “nàng muốn ám chỉ gì, này ái khanh?” nàng bèn nói rằng, “Ngài có sự vinh quang tột độ, tâu bệ hạ. Có

một thời nào đó trong quá khứ, chắc bệ hạ đã làm những việc thiện, nhưng bây giờ, bệ hạ không làm những việc thiện vì hạnh phúc trong tương lai của bệ hạ". "Chúng ta có thể bố thí đến cho ai? không có những bậc giới đức". "Tâu bệ hạ, cõi *Jambudīpa* này không thiếu những vị A-la-hán. Bệ hạ chỉ cần sửa soạn những vật thực và thiếp sẽ thỉnh những vị A-la-hán", nàng nói. Vào ngày hôm sau, đức vua sai sửa soạn một cuộc bố thí vĩ đại. Hoàng Hậu khẩn nguyện rằng, "nếu có những vị A-la-hán trong hướng này, thì xin các Ngài hãy đến đây và thọ lãnh những vật thí từ chúng con!" và nằm sắp xoay mặt về hướng bắc. Ngay khi hoàng hậu đang nằm thì Đức Phật Độc Giác *Paduma*, là vị cao hạ nhất trong năm trăm vị Phật Độc Giác, là những đứa con trai của hoàng hậu *Padumavatī* và đang trú ngụ trong vùng Hy Mã Lạp Sơn, nói với huynh đệ của vị ấy: "Vua Nanda đang thỉnh các tôn giả, thừa chư tôn giả - chư tôn giả nên nhận lời của vị ấy". Họ đồng ý và ngay tức thì đi xuyên qua hư không và đáp xuống ở cổng bắc. Dân chúng báo tin với đức vua rằng, "Tâu bệ hạ, năm trăm vị Phật Độc Giác đã đến". Đức vua đi cùng với hoàng hậu ra đánh lễ các Ngài, lãnh bát của các Ngài và mời các Ngài vào trong hoàng cung; Ở đó, vị ấy cúng dường những vật thí đến các Ngài. Khi bữa ăn đã kết thúc, họ bèn quì xuống, đức vua ở dưới chân của vị cao hạ nhất và hoàng hậu ở dưới chân của những vị nhỏ hạ hơn, họ bạch rằng, "Các bậc Ứng

Cúng sẽ sống không thiếu những vật dụng; Những việc phước của chúng con sẽ không suy giảm. Xin hãy cho chúng con lời đồng ý của các Ngài mà ở lại đây". Khi đã được sự đồng ý của các Ngài, vị ấy sai dựng lên những chỗ ngụ trong vườn ngự uyển và hầu hạ chư Phật Độc Giác suốt cuộc đời còn lại của họ. Khi các Ngài nhập Niết bàn, đức vua sai tổ chức những buổi lễ thiêng và tổ chức những nghi lễ mai táng bằng gỗ chiên đàn và những thứ khác, và rồi lấy xá lợi của các Ngài và tôn trí những xá lợi ấy trong một bảo tháp. Đây xúc động khi nghĩ rằng, "nếu cái phải đến với ngay cả những vị ẩn sĩ có đại oai lực này, thì có lời nào có thể được nói về những người như ta?" Vị ấy phong vương cho đứa con trai đầu của mình, rồi chính vị ấy ra đi, sống đời không nhà của một vị ẩn sĩ. Hoàng hậu, khi tự hỏi nàng có thể làm gì khi xét thấy đức vua đã xuất gia rồi, cũng đi xuất gia. Khi trú ngụ trong vườn ngự uyển, hai vị đạo sĩ này đã khiến cho những tầng thiên sanh lên và trải qua thời gian của họ trong pháp an lạc của thiên định. Vào lúc kết thúc thọ mạng của họ, họ sanh trong cõi phạm thiên. Tương truyền rằng Trưởng lão *Mahākassapa*, một đại Thánh văn của Bạc Đạo sư của chúng ta, là đức vua *Nanda* ấy; và *Bhaddā Kapilānī* là hoàng hậu của vị ấy. Trong mười ngàn năm, chính vua *Nanda* này đã mặc những y phục của chư Thiên, vị ấy đã khiến cho toàn thể lãnh thổ của vị ấy giống như *Uttarakuru* và đã bố thí những y phục của chư Thiên đến các bậc

Ứng Cúng. Bấy giờ khi đề cập đến sự vinh quang này, nữ *Petī* nói rằng, "có nhiều y phục như trong khắp lãnh thổ của vua *Nanda*".

Cái mà không được phân tích ở đây về ý nghĩa của nó thì đã được nêu ra ở chỗ khác. Khi điều này được nói bởi nữ *Petī* ấy, Đại đức *Sārīputta* bèn kể lại đây đủ chi tiết của câu chuyện đến mọi người - là những dân cư của hai ngôi làng *Itthakāvati* và *Dīgharājī* mà đã đến yết kiến trưởng lão - đã khiến cho họ xúc động và diệt trừ tà kiến *Samsāramocaka* của họ, và rồi an trú họ thành những thiện tín. Vấn đề này được các vị Tỳ khưu biết đến và họ nêu lên vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết Pháp đến hội chúng đã hội họp ở đó. Thời Pháp đem lại lợi ích cho nhiều Người ở đó.



II.2 XÁ LỢI PHẬT MÃU QUỶ SỰ (*SĀRĪPUTTATHERAMĀTU PETAVATTHUVANNA*)

"Người trần truồng và có hình tướng ghê tởm".

Pháp thoại này được Bạc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Trúc Lâm viên, liên quan đến một Nữ Ngạ quỷ mà đã từng làm Mẹ của Trưởng lão *Sārīputta* trong bốn kiếp về trước.

Một hôm Đại Đức *Sāriputta*, Đại Đức *Moggallāna*, Đại Đức *Anurudha* và Đại Đức *Kappina* đang trú ngụ ở một khu rừng nọ không cách xa thành Vương Xá. Lúc bấy giờ, tại Ba-la-nại có một vị Bà-la-môn có của cải lớn, đây những kho chứa vàng và bạc. Ông ta là người hay bố thí đồ ăn, thức uống, y phục, và giường nằm và những thứ khác đến các vị Sa-môn, Bà-la-môn, những người nghèo khổ, người lang thang, người đi đường xa và người ăn xin, như một cái giếng cho nước vậy. Vị ấy bố thí đến các vị A-la-hán theo đúng nhu cầu của các ngài, cung cấp mọi vật thí cần được cho ra như nước để rửa chân, những loại dầu xức để thoa chân v.v... Cũng như chăm sóc các vị Sa-môn hết mức bằng đồ ăn và thức uống v.v... cho bữa phạn thực của các Ngài. Khi đi đến những vùng khác, ông ta thường nói với vợ rằng "Này hiền thê, hãy tiếp tục chăm lo hình thức bố thí vật thực này như tôi đã sắp xếp nó, đừng để cho nó suy giảm." "Tốt lắm", bà ta đồng ý, nhưng khi ông ta đã đi khỏi rồi thì bà ta chấm dứt hình thức bố thí mà ông ta đã sắp xếp cho các vị Tỳ khưu. Bà ta thường chỉ cho những người đi đường xa, đến để xin chỗ trú ngụ, một cái lán cũ kỹ đã bị bỏ đi ở sau hè nhà, khi nói rằng, "Các người có thể ở đây". Đối với những người khách lữ hành đi đến đó để xin vật thực và thức uống v.v.. thì bà ta lại nói rằng, "Hãy ăn phân, uống nước đái, uống máu; hãy ăn óc não của mẹ các người!" và

nguyên rủa họ bằng tên của bất cứ cái gì như nhức và bất tịnh.

Đến đúng thời kì, bà ta chết và bị kéo đi bởi nghiệp lực của bà ta, bà ta tái sinh trong cõi Ngạ quỷ, chịu sự thống khổ tương ứng với ác hạnh về lời nói của bà ta. Khi nhớ đến mối liên quan của chúng trong kiếp trước và muốn đi đến yết kiến Đại Đức *Sārīputta*, nữ Ngạ quỷ đi đến tinh xá của vị ấy, nhưng vị chư Thiên bảo vệ của tinh xá ấy không chịu cho nàng vào tịnh xá. Tương truyền rằng nàng đã từng làm mẹ của Trưởng lão trong kiếp quá khứ cách bốn kiếp về trước. Do đó, nàng bèn nói rằng, "trong kiếp quá khứ của tôi, tôi là mẹ của Trưởng lão cao quý *Sārīputta*; xin hãy cho phép tôi đi qua cổng để thăm Trưởng lão." khi nghe qua lời này, những vị chư Thiên bèn cho phép nàng. Khi nàng đã đi vào, đứng ở cuối của con đường kinh hành và hiện ra trước mặt Trưởng lão. Trưởng lão trông thấy nàng, tâm của vị ấy vị rung động bởi lòng bi mẫn và hỏi nàng bằng câu kệ này:

1. "Người trần truồng và có hình tướng ghê tởm, gây ốm với những đường gân lộ ra. Người là con người gây ốm, với những xương sườn lộ ra. Bây giờ người là ai, người là ai mà đứng ở đây?"

Khi được hỏi bởi Trưởng lão, nàng bèn nói năm câu kệ này để đáp lại:

2. "Tôi chính là mẹ của Ngài trong những kiếp quá khứ khác, nhưng bây giờ tôi đã sanh trong cõi Ngạ quỷ, bị đói và khát.

3. Những thứ quăng bỏ, những đồ khặt nhô, nước dãi, nước mũi, đờm, mủ của những xác người đang bị đốt cháy và máu của những người đàn bà đẻ,

4. Và máu từ những vết thương và từ những cái mũi và đầu bị cắt. Do bị đói, tôi đã ăn cái gì dính theo những đàn ông và đàn bà.

5. Tôi ăn mủ máu của gia súc và của loài người, lại không có vật che thân và nhà cửa, phải nằm trên cái giường đen.

6. Nay con thân, hãy cho giùm mẹ một vật thí, và khi con đã cho rồi, hãy hồi hướng nó đến cho mẹ. Chắc vậy, khi ấy mẹ sẽ được tự do, không còn ăn máu và mủ nữa.

Khi đã nghe qua điều này, vào ngày hôm sau, Đại đức *Sāriputta* bàn bạc với ba vị Trưởng lão, là Trưởng lão *Mahā Moggallāna* v.v... Và khi đang đi chung với họ đến thành Vương xá để khất thực, bèn đi đến chỗ ngụ của vua *Bimbisāra*. Khi đức vua trông thấy Trưởng lão, vua đánh lễ Trưởng lão và hỏi Trưởng lão về lý do của chuyến viếng thăm: "Bạch Đại Đức, Ngài đến đây có mục đích gì?" Đại đức *Mahā Moggallāna* báo tin cho đức vua biết về biến

cố ấy. Đức vua nói rằng, "Trẫm cho phép Ngài", và rồi tiên đưa các vị Trưởng lão ra về. Đức vua bảo vị quan của mình lo mọi chuyện và truyền lệnh rằng, "Hãy xây dựng bốn cái cọc gần thành phố, trong một khu rừng, có bóng mát và có nước". Vị ấy chia nhóm thợ trong nội thành ra ba nhóm theo đúng với nghề nghiệp chuyên môn của họ, sai che mái trên phước xá, rồi tự thân đi đến đó và làm điều gì cần phải làm. Khi những ẩn xá đã hoàn thành, vị ấy sai sửa soạn tất cả những vật thí cúng dường và tất cả những vật dụng thích hợp như vậy, những thức uống và y phục v.v... Cũng sai chuẩn bị sẵn để mời chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu và rồi trao tất cả phần việc này cho Đại Đức *Sārīputta*. Rồi Đại Đức *Sārīputta* bố thí những thứ này nhân danh Nga quý ấy, đến chư Tăng từ bốn phương có đức Phật dẫn đầu. Nữ Nga quý ấy bày tỏ tùy hỷ của nàng đến vị ấy và được sanh trong cõi *Devaloka* (cõi chư Thiên), có đầy đủ tất cả những gì mà nàng muốn. Vào ngày sau, nàng đi đến Trưởng lão *Mahā Moggallāna*, đánh lễ Ngài và rồi đứng yên trong khi Trưởng lão hỏi nàng. Nàng bèn kể cho Trưởng lão nghe đầy đủ chi tiết về cách mà nàng đã sanh làm một nữ Nga quý và làm một vị Nữ thần. Vì lý do này có lời nói rằng:

7. "Khi vị ấy đã nghe qua những lời mà mẹ của vị ấy đã phải nói, *Upatissa*, đây lòng

thương xót, bèn hỏi ý kiến *Moggallāna*, *Anuruddha* và *Kappinā*.

8. Vị ấy dựng lên bốn phước xá, rồi cho những phước xá ấy cùng vật thực và thức uống đến Tứ Phương Tăng, rồi hồi hướng phước thí ấy đến cho mẹ của Ngài.

9. Ngay khi vị ấy hồi hướng phước thí này thì kết quả hiện ra: vật thực, thức uống và y phục, là quả của phước thí này.

10. Nhân đó, nàng trở nên thanh tịnh, mặc những y phục tươi sáng và sạch sẽ, mặc những thứ còn mịn hơn vải lụa *Kāsi*, và được trang sức bằng nhiều loại y phục và những vật trang sức, nàng đi đến *Kolita*."

Rồi Đại Đức *Moggallāna* hỏi *Peti* đó rằng:

11. "Người là người đang đứng với sắc đẹp tuyệt trần, này *Devatā*, sáng rực lên khắp các hướng như Dược Vương Tinh.

12. Sắc đẹp của người như vậy là do cái gì? Do cái gì mà điều này được thành tựu bởi người ở đây? Và có sanh lên bất cứ dục lạc nào mà người ưa thích?

13. Ta hỏi người, này *Devī* có oai lực lớn, người đã làm việc phước nào khi người còn làm người? do cái gì khiến oai lực của người

chiếu sáng như vậy và sắc đẹp của người chói lọi trong các hướng?

Rồi nàng trả lời, khi nói rằng, "Con là mẹ của *Sārīputta* v.v..."

Phần còn lại có ý nghĩa đã được giải rõ rồi.

Rồi Đại Đức *Moggalāna* nêu vấn đề ấy với Đức Thế Tôn Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết pháp đến hội chúng đã hội họp ở đó. Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho những người ấy.



II.3 MÃU QUỶ SỰ (*MATTĀ PETAVATTHUVANNA*)

"Người trần truồng và có hình tướng thô xấu".

Pháp thoại này được Bạc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Trúc Lâm Viên, liên quan đến một nữ Ngạ quỷ nọ có tên là *Mattā*.

Tương truyền rằng, tại *Sāvatthi* có một vị trưởng giả nọ có đức tin và lòng tịnh tín. Vợ của ông ta, là người được biết đến bởi cái tên là *Mattā*, không có đức tin cũng không có lòng tịnh tín, lại hay sân hận và không có con. Bấy giờ vị Phú hộ ấy, vì sợ dòng dõi của gia đình sẽ bị tuyệt dứt, bèn lấy một cô vợ khác tên là *Tissā* từ một bộ tộc ngang hàng. Nàng có niềm

tin và lòng tịnh tín, lại khá ái và hấp dẫn đối với chồng của nàng. Chẳng bao lâu nàng có thai và sau mười tháng hạ sanh một đứa con trai. Tên của nó là *Bhūta*. Nàng trở thành nữ chủ của gia đình và hộ độ cho bốn vị Tỳ khưu một cách chu đáo. Người vợ không có con đem lòng ganh tỵ nàng. Một hôm nọ, cả hai cùng gội đầu và đang đứng với tóc ướt. Vị phú hộ đem lòng yêu thương *Tissā* vì nàng có những đức tính, và thường đứng nói chuyện với nàng một cách thoải mái. Vì không thể chịu được điều này và đã có lòng ganh tỵ, *Mattā* bèn quét nhà và đổ rác mà nàng đã gom lại lên đầu của *Tissā*. Đến đúng thời kỳ, nàng chết và sanh trong cõi *Nga quý*, chịu đau khổ do nghiệp lực của nàng. Sự thống khổ này được biết đến qua bài kinh. Rồi một hôm nọ khi chiều tối, nàng hiện ra trước mặt *Tissā* khi nàng đang tắm ở sau nhà. Khi trông thấy nữ *Nga quý*, *Tissā* bèn hỏi nàng câu kệ này:

1. "Người trần truồng và có hình tướng thô xấu, gây ôm với những đường gân lộ ra. Nay con người ốm yếu, với những xương sườn lộ ra, bây giờ người là ai, người là ai mà đứng ở đây?"

Nga quý trả lời bằng câu kệ này:

2. Tôi là *Mattā*, nàng là *Tissā*. Chị là vợ chung chồng với em trong kiếp quá khứ. Khi

đã làm ác nghiệp, chị đã ra đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ.

Tissā hỏi nàng một lần nữa về nghiệp mà nàng đã tạo bằng câu kệ này:

3. Vậy nghiệp gì được làm bởi nàng bằng thân, khẩu hay ý? Do kết quả của nghiệp nào khiến nàng đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ?"

Ngạ quỷ giải thích nghiệp mà nàng đã tạo bằng câu kệ này:

4. Tôi có tánh hung dữ và thô bạo, hay ganh tỵ, hèn hạ và xảo trá. Sau khi đã nói những lời ác về nàng, tôi đã đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ."

Từ đây trở đi, họ tiếp tục nói chuyện qua lại với nhau bằng những câu kệ này:

5. "Tất cả điều này tôi cũng biết, nàng có sân hận như thế; nhưng có điều khác mà tôi muốn hỏi nàng: Tại sao thân nàng đầy bụi đất?"

6. "Cô đã tắm gội đầu của cô và đã ăn mặc và trang điểm sạch sẽ; tuy nhiên tôi vẫn còn nhiều hơn thế nữa, còn trang điểm nhiều hơn cô.

7. Trong khi tôi nhìn cô nói chuyện với chồng của chúng ta, nhân đó cô đã khiến lòng

ganh tỵ mãnh liệt và sân hận sanh đến trong tôi.

8. Khi trông thấy cảnh này, tôi lấy một ít bụi và tung bụi ấy lên người của cô. Chính do kết quả của nghiệp ấy khiến tôi bị phủ đầy bụi".

9. "Tất cả điều này tôi cũng biết, về cách mà nàng đã đổ bụi lên tôi; nhưng có điều khác mà tôi muốn hỏi nàng: Tại sao nàng bị ăn mòn bởi bệnh ghê?"

10. "Cả hai chúng ta đều đi đến ven rừng để kiếm những cây thuốc. Cô thì mang về những cây thuốc trong khi tôi mang về cây *Kapikacchu*.

11. Rồi chẳng có sự hay biết của cô về nó, tôi đã rải chúng lên giường của cô; chính do kết quả của nghiệp ấy khiến tôi bị ăn mòn bởi bệnh ghê ngứa".

12. "Tất cả điều này tôi cũng biết về cách mà nàng đã rải chúng lên giường của tôi. Nhưng có điều khác tôi muốn hỏi nàng: Tại sao nàng bị trần truồng?"

13. "Có một cuộc họp gồm bạn bè, cuộc hội họp của những quyến thuộc; và cô được yêu

cầu đi chung với chồng của chúng ta, còn tôi thì không.

14. Rồi lợi dụng khi cô không biết đến, tôi đã lấy đi những y phục của cô. Chính do kết quả của nghiệp ấy khiến tôi bị trần truồng".

15. "Tất cả đều này tôi cũng biết, về chuyện nàng lấy y phục của tôi, nhưng có điều khác tôi muốn hỏi nàng: Tại sao nàng có mùi phân?"

16. "Tôi đã quăng những vật thơm, những tràng hoa và những loại dầu đắt giá vào trong nhà xí. Ác nghiệp ấy được làm bởi tôi. Chính do quả của nghiệp ấy tôi có mùi phân".

17. "Tất cả điều này tôi cũng biết, về ác nghiệp ấy được làm bởi nàng; nhưng có điều khác mà tôi muốn hỏi nàng: Tại sao nàng có kiếp sống đau khổ?"

18. "Bất cứ của cải nào được tìm thấy trong nhà của chúng ta đều thuộc về của hai chúng ta đồng đều nhau. Tuy nhiên đâu những vật thí ở trong tâm tay của tôi, tôi lại không làm nơi nương tựa cho chính tôi. Chính do kết quả nghiệp ấy khiến tôi chịu kiếp sống đau khổ.

19. Rồi ngay cả khi cô nói với tôi rằng: "Chị đang đeo đuổi những ác nghiệp; chắc chắn chẳng phải do những ác nghiệp mà một kiếp sống hạnh phúc dễ dàng đạt đến?"

20. "Nàng đã đến với tôi từ bên trái, và điều tệ hại hơn nữa là nàng đã ganh tỵ với tôi. Hãy xem loại kết quả có được từ những ác nghiệp.

21. Nàng có nhà, có những người hầu và những nữ trang này. Bây giờ những thứ này đã bị những người khác hưởng. Những vật sở hữu không tồn tại mãi mãi.

22. "Cha của *Bhūta* bây giờ đang từ chợ về nhà. Có lẽ ông ta sẽ cho nàng một ít gì đó. Hãy đợi cho đến lúc ấy, đừng đi khỏi đây."

23. "Tôi trần truồng và có hình tướng thô xấu, gây ốm với những đường gân lộ ra. Điều này sẽ làm xấu hổ cho những người nữ. Đừng để cha của *Bhūta* trông thấy tôi".

24. "Thôi được, tôi có thể cho nàng cái gì đây, hoặc tôi có thể làm gì cho nàng để nàng có thể được hạnh phúc và có đầy đủ tất cả những gì nàng muốn?".

25. "Bốn Tỳ khuru là Chư Tăng, và bốn vị là bốn bậc - Hãy tiếp đãi tám vị Tỳ khuru này và

hồi hương phước thí ấy đến cho tôi. Rồi tôi sẽ được hạnh phúc và có đầy đủ tất cả những gì mà tôi muốn".

26. "Tốt lắm!" Nàng đồng ý. Nàng cúng dường vật thực đến tám vị Tỳ khưu, mặc y phục cho họ và hồi hương phước thí ấy đến cho nàng.

27. Ngay khi *Tīssā* hồi hương phước thí này thì kết quả hiện ra: vật thực, y phục, và thức uống, là kết quả của phước thí này.

28. Nhân đó nàng trở nên thanh tịnh, mặc y phục sạch sẽ và tươi sáng, mặc những thứ tốt hơn vải *Kāsi* và, được trang sức bằng nhiều loại y phục và những vật trang sức, nàng đi đến người vợ chung chồng với nàng.

29. "Người là người đứng với sắc đẹp tuyệt trần, này *Devatā*, khi chiếu sáng khắp các hướng như Dục vương tinh.

30. Sắc đẹp của người như vậy là do cái gì? Do cái gì mà điều này được thành tựu cho người ở đây và sẽ có sanh lên bất cứ cái gì mà tâm của người quá thích?

31. Ta hỏi người, này *Devatā*, có đại oai lực, người đã làm việc phước nào khi người còn làm người? Oai lực sáng chói của người

như vậy là do cái gì và sắc đẹp của người chiếu sáng khắp các hướng?"

32. "Tôi là *Mattā*, cô là *Tissā*. Tôi là người vợ chung chồng của cô trong quá khứ. Sau khi đã làm ác nghiệp tôi đã đi từ đây đến cõi *Nga quý*; Nhưng bây giờ, do vật thí được cho bởi cô, tôi được an lạc, chẳng có gì đề sợ từ bất cứ hướng nào.

33. Nay em gái, cầu chúc em được trường thọ, cùng với tất cả những quyền thuộc của em, và cầu chúc em đạt đến thế giới của những vị *Vasavatti*, là chỗ mà không có sâu muộn và ô nhiễm.

34. Hãy xử sự ở đây cho đúng chánh pháp và hãy cho ra những vật thí, hỡi cô gái xinh đẹp; Hãy đoạn trừ bợn nhơ của lòng ích kỷ cùng với cội rễ của nó và đi về cõi chư Thiên mà không mang theo tội gì".

Rồi *Tissā* nêu lên vấn đề ấy với người đàn ông giàu có. Người đàn ông giàu có ấy nêu vấn đề với các vị *Tỳ khưu* và các vị *Tỳ khưu* nêu vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy đó làm vấn đề cần thiết đã sanh lên và thuyết pháp cho hội chúng đã hội họp ở đó. Khi họ đã nghe thời pháp này, thì những người ấy, khi đã có sự động tâm, bèn đoạn trừ bợn nhơ về

lòng bòn xén v.v... Và thiên về giới đức, sự bố thí v.v... và được quyết định sanh về thiên giới.



II.4 NAN ĐÀ QUỲ SỰ (*NANDĀ PETAVATTHUVANNA*)

"Người có sắc tướng nám đen và thô xấu".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở *Jetavana*, liên quan đến một nữ Ngạ quỷ tên là *Nandā*.

Tương truyền rằng, trong một ngôi làng nọ không cách xa thành *Sāvatthi* có một vị thiện nam tên là *Nandasena*, có đức tin và lòng tịnh tín. Tuy nhiên, vợ của ông ta tên là *Nandā*, không có đức tin cũng không có lòng tịnh tín, thấp hèn, có tánh nóng nảy và hay nói lời thô lỗ; nàng bất kính và không tuân phục chồng của nàng, lại còn lăng mạ chửi mắng mẹ chồng bằng giọng oang oang như cái trống châu. Đến đúng thời kỳ, nàng chết và tái sanh trong cõi Ngạ quỷ ở chỗ không xa ngôi làng ấy. Và một hôm, nàng hiện ra không cách xa vị thiện nam *Nandasena* trong khi ông ta đang rời khỏi ngôi làng ấy. Khi ông ta trông thấy nàng, bèn nói với nàng câu kệ này:

1. Nàng có hình tướng nám đen và thô xấu, trông xấu xí và dữ dằn, có mắt đỏ và răng dài

lôi ra. Ta không nghĩ rằng nàng có thể là người được.

Chú giải:

1. Ở đây, NÁM ĐEN (*Kāñi*): Có sắc tối; giống như những cục than đã bị đốt cháy. THÔ XẤU (*Pharusā*): Thô thiển. TRÔNG DỮ DẪN (*Bhīrudassanā*): Trông kinh khiếp, dễ sợ. Một cách đọc hoán chuyển khác là *Bhārudassanā*, trông tối đen, nghĩa là khó nhìn do sự thô xấu của nàng v.v... ĐỎ (*Pingala*): Có mắt đỏ. DÀI LỖI RA (*Kalārā*): Những cái răng dài, lôi ra. Ta nghĩ rằng nàng chỉ là một Ngạ quỷ. Đây là ý nghĩa.

Khi nghe qua điều này, Ngạ quỷ bèn nói lên câu kệ để giải thích rằng nàng là ai:

2. "Tôi là *Nandā*, này *Nandasena*, tôi là vợ của anh trong quá khứ. Sau khi đã làm ác nghiệp, tôi đã ra đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ."

Chú giải:

2. TÔI LÀ *NANDĀ*, NÀY *NANDASENA* (*ahaṃ nandā nandasena*): Thừa chồng *Nandasena*, Tôi tên là *Nandā*. TÔI LÀ VỢ CỦA ANH TRONG QUÁ KHỨ (*Bhāriyā te pure ahaṃ*): Tôi là vợ anh của anh trong kiếp quá khứ.

Sau câu kệ này là câu hỏi của vị thiện nam:

3. "Bây giờ ác nghiệp nào được làm bởi nàng từ thân, khẩu hoặc ý. Do kết quả của

ngiệp nào khiến nàng phải ra đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ?"

Rồi nàng trả lời vị ấy, khi nói rằng:

4. Tôi có tánh nóng nảy, thô bạo, và cũng không có lòng tôn kính đối với ông. Sau khi đã nói những lời ác về ông, tôi đã đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ."

Vị thiện nam lại nói rằng:

5. "Ở đây, ta sẽ cho nàng chiếc áo choàng của ta: Hãy mặc vào chiếc áo choàng này. Khi đã mặc chiếc áo choàng này rồi, thời hãy đến và ta sẽ dẫn nàng về nhà.

6. Những y phục, đồ ăn và thức uống nàng sẽ có được khi nàng đã đi về nhà. Và nàng sẽ nhìn thấy những đứa con trai của nàng và thăm những nàng dâu của nàng".

Rồi nàng nói hai câu kệ này với vị ấy:

7-8. "Cái gì được cho từ tay của ông vào trong tay của tôi thì không có ích lợi gì cho tôi. Nhưng hãy làm thoả mãn bằng đồ ăn và thức uống đến các vị Tỳ khưu có giới đức, đã thoát khỏi tham, và hãy bố thí đến những kẻ nghe nhiều, rồi hồi hướng phước thí ấy đến cho tôi. Thời tôi sẽ được hạnh phúc và có đôi dào những gì tôi muốn".

Ba câu kệ này được nói bởi những vị kiết tập Tam tạng:

9. "Tốt lắm!" Vị ấy đồng ý và phân phát nhiều vật thí - đồ ăn, thức uống, vật thực cứng, y phục và chỗ ngụ, dù che, những vật thơm và những tràng hoa, và nhiều loại trầm hương khác đến các vị Tỳ khưu có giới đức, không còn tham, và đến những bậc Đa văn. Sau khi đã làm thoả mãn họ bằng đồ ăn và thức uống, ông ta hồi hướng phước thí đến cho nàng.

10. Ngay khi vị ấy hồi hướng phước thí này thì kết quả hiện ra, vật thực, y phục và thức uống là kết quả của việc bố thí này.

11. Nhân đó, nàng trở nên thanh tịnh, được mặc y phục sạch sẽ và tươi sáng, mang những thứ tốt hơn vải *Kasī* và, được trang sức bằng nhiều loại y phục và những vật trang sức, nàng đi đến chồng của nàng".

Từ đây trở đi là những câu kệ về sự trao đổi chuyện trò giữa vị thiện nam và Ngạ quý.

12. Nàng là người đứng với sắc đẹp tuyệt trần, này *Devatā*, chiếu sáng rực lên khắp các hướng như Dược Vương Tinh.

13. Sắc đẹp của nàng như vậy là do cái gì? Do cái gì mà điều này được thành tựu bởi nàng ở đây và sẽ còn sanh lên bất cứ lạc thú nào mà tâm của nàng ưa thích?

14. Ta hỏi nàng, này *Devī* có đại oai lực, nàng đã làm việc phước nào khi còn làm người? Do cái gì khiến oai lực của nàng sáng chói như vậy và sắc đẹp của nàng chiếu sáng khắp các hướng?"

15. "Tôi là *Nandā*, thừa ông *Nandasena*, tôi là vợ của ông trong quá khứ. Sau khi làm việc ác, tôi đã đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ. Nhưng bây giờ, do vật thí được cho đến bởi ông, tôi được sung sướng, chẳng có gì để sợ từ bất cứ hướng nào.

16. Câu chúc cho ông được sống lâu, cùng với tất cả những quyền thuộc của ông, và câu chúc ông đạt đến chỗ ở của những vị *Vasavatti*, chỗ mà không sâu muộn và ô nhiễm.

17. Hãy xử sự ở đây theo đúng với chánh pháp và cho ra những vật thí, này gia chủ; hãy đoạn trừ bợn nhơ của lòng ích kỷ cùng với căn cội của nó, và đi đến thiên giới mà không mang theo tội lỗi gì?

Khi nàng đã giải thích như vậy với *Nandasena* về sự vinh quang thần thiên của nàng và nguyên nhân của nó, nàng bèn đi đến chỗ ngụ của chính nàng. Vị thiện nam nêu ra vấn đề ấy với các vị Tỳ khưu và các vị Tỳ khưu nêu vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh khởi và thuyết pháp đến hội chúng đã hội họp ở đó. Thời pháp đem lại lợi ích cho những người ấy.



II.5 NHĨ HOÀN NỮ QUỶ SỰ

"Trên người có trang sức, mang những vòng tai sáng bóng".

Pháp thoại nàng được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở *Jetavana*, liên quan đến *Devaputta MatthaKundali*. Ở đây, bất cứ điều gì được nói đến đều đã được nêu ra trong thiên cung sự về *Matthakundali*, trong bộ thiên cung sự thuộc phần chú giải nội dung ý nghĩa; và do đó nên được hiểu đúng như đã được trình bày ở đó.

Trong trường hợp này, đó chính là câu chuyện về *Devaputta Matthakundali* từ khi vị ấy trở thành một *Vimāna Devatā* trở đi. Cha của vị ấy là một Bà-la-môn *Adinnapubbaka*, đã đi đến bãi tha ma do nổi ưu bi vì bị mất đứa con trai của ông ta, và đang đi quanh chỗ thiêu xác đứa con mà khóc lóc trong khi vị thiên

tử, với mục đích làm vơi đi nỗi ưu bi của người cha, bèn bỏ đi cái lối chư Thiên của vị ấy và hiện ra làm một *Petā* đầy đau khổ, và với hai cánh tay được xiết lại trong nỗi sầu muộn, đang và kêu khóc, "ôi, mặt trăng ôi mặt trời!" Cho dù nó được bao gồm trong bộ kinh thiên cung sự, nhưng câu chuyện về vị ấy phải được xem là cũng được bao gồm trong bộ kinh Ngạ quỷ sự; lý do là bất cứ ai mà từ bỏ kiếp sống làm người cũng có thể được đề cập qua tên gọi là *Peta*.



II.6 HẮC QUỶ SỰ (*KANHA PETAVATTHUVANNA*)

"Hãy dậy, thưa Kanha, tại sao ngài nằm như thế?"

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở *Jetavana*, liên quan đến một vị thiện nam có đứa con trai đã chết.

Tương truyền rằng, tại *Sāvatthi*, đứa con trai của một vị thiện nam nợ đã chết. Bị đâm thủng bởi cây tên sầu muộn, ông ta không tắm, không ăn, không làm việc, không đi hầu Đức Phật, chỉ nói làm nhảm mà thôi, khi nói rằng, "con đâu rồi, này con trai bé bỏng yêu quý của cha? con đã vội vàng đi đâu mà bỏ lại ta?" v.v... Bậc Đạo sư khi đang dò xét thế gian vào lúc hừng sáng, trông thấy khả năng của ông ta có thể

chứng đắc quả Thánh Tu-đà-hườn. Và vào ngày hôm sau, Ngài đi đến *Sāvatthi* để khát thực, được vây quanh bởi chúng Tỳ khuru. Khi Ngài đã thọ thực xong, Ngài cho các vị Tỳ khuru ra về, rồi đi với người thị giả, là Trưởng lão *Ānanda*, đến cửa nhà của ông ta. Những người hầu báo tin cho vị thiện nam biết rằng Bậc Đạo sư đã đến, và rồi thỉnh Bậc Đạo sư ngồi trên chỗ ngồi mà họ đã soạn sẵn. Rồi họ đi tìm vị thiện nam và dẫn ông ta đến trước Bậc Đạo sư. Khi ông ta trông thấy Ngài, bèn ngồi xuống một bên. Ngài hỏi rằng, "Này thiện nam, chuyện gì thế, có phải người đang than khóc đó chăng?" Khi ông ta nói rằng, "Thưa vâng, bạch đức Thế Tôn"; Ngài bèn nói rằng, "Này ông thiện nam, các bậc trí tuệ ngày xưa đã nghe một câu chuyện từ các bậc Trí tuệ và không khóc than cho đứa con trai đã chết". Và khi được thỉnh cầu bởi ông ta, Ngài bèn kể lại câu chuyện xa xưa ấy.

Tương truyền rằng, đã lâu, trong thành phố *Dvāravatī* có mười vị hoàng tử - *Vāsudeva*, *Baladeva*, *Candadeva*, *Suriyadeva*, *Aggideva*, *Varunadeva*, *Ajjuna*, *Pajjunam*, *aṭapaṇḍita* và *Aṅkura*. Trong những vị hoàng tử này, đứa con yêu dấu của Đại vương *Vāsudeva* đã chết. Đức vua sầu khổ trước biến cố này; Vua bỏ bê tất cả mọi phận sự của mình, ôm ghì lấy chiếc giường của vị ấy và rồi nằm nói chuyện làm nhảm. Lúc bấy giờ, *Ghatapaṇḍita* suy nghĩ rằng, "Ngoài ta ra, không ai có thể diệt trừ nỗi ưu bi của

anh ta được. Ta sẽ diệt trừ nỗi ưu bi của anh ta bằng một mẹo." Bởi vậy, vị ấy giả làm một người điên, và khi nhìn lên bầu trời, đi rảo khắp thành phố mà nói rằng, "Hãy cho tôi con thỏ! Hãy cho tôi con thỏ!", và toàn thể thành phố đã dao động khi nghe tin rằng *Ghaṭapaṇḍita* đã điên loạn. Lúc bấy giờ, vị quan cố vấn đặc biệt của Đức Vua, có tên là *Rohineyya*, đi đến vua *Vāsudeva* và nói lên câu kệ này để khởi chuyện với Đức vua:

1. "Hãy dậy, thưa *Kaṇha*, tại sao ngài nằm đó? Sự mơ tưởng đem lại lợi ích gì cho ngài? Người mà là em trai của ngài, là quả tim của ngài, là con mắt phải của ngài, đã bị áp đảo bởi những cơn gió. Vị ấy đang khao khát một con thỏ, thưa *Kesava*!"

Bậc Đạo sư, là người đã trở thành Bậc Chánh Đẳng Giác, khi ấy nói lên câu kệ này để làm sáng tỏ tánh cách mà vị ấy ngồi dậy khỏi chiếc giường khi nghe qua những lời này:

2. "Khi nghe qua những lời của *Rohineyya*, *Kesava* vội vã đứng dậy, vì ưu bi cho em trai của vị ấy!"

Đức vua đứng dậy và vội vàng đi xuống hoàng cung và rồi đi đến trước mặt của *Ghaṭapaṇḍita*, nắm chắc vị ấy bằng cả hai tay, và khi nói chuyện với vị ấy, đã nói lên ba câu kệ này:

3. "Tại sao em, như một người điên, nói nhảm rằng, "con thỏ, con thỏ!" quanh khắp cả *Dvāraka* này? Em muốn loại thỏ nào?

4. Thỏ bằng vàng? bằng ngọc? thỏ bằng đồng? ngay cả thỏ làm bằng bạc? hay thỏ làm bằng những loại đá quý? Chẳng hề gì, anh sẽ sai làm con thỏ ấy đó cho em.

5. Cũng có những con thỏ bé nhỏ khác mà rảo đi trong những khu rừng. Anh cũng sẽ mang về cho em những con thỏ này. Em muốn loại thỏ nào?

Khi nghe qua điều này, *Ghaṭapaṇḍita* nói lên câu kệ này:

6. "Em không muốn con thỏ ấy, là những con thỏ mà ở trên đất. Em muốn con thỏ từ mặt trăng. Hãy đem con thỏ ấy xuống cho em này *Kesava*!"

Khi đức vua nghe điều này, vị ấy trở nên thất vọng, khi nghĩ rằng, "Không nghi ngờ gì em của ta đã trở thành như một người điên", và nói lên câu kệ này:

7. Bây giờ! Nay người thân của ta, chắc chắn em đã quăng đi đời sống ngọt ngào của em rồi. Em khao khát cái mà không nên khao khát khi em muốn con thỏ từ mặt trăng".

Khi *Chātapaṇḍita* nghe điều mà Đức vua đã phải nói, vị ấy đứng bất động ở đó và nói rằng: "Thưa anh, như anh biết rằng sẽ có mất mát đời sống cho một người mà khao khát con thỏ từ mặt trăng, không thể có được nó, Tại sao anh cứ kêu than về một đứa con trai đã chết, là kẻ mà anh không thể có được?" Và nói lên câu kệ để giải thích quan điểm này:

8. Nay *Kaṇha*, nếu anh biết cách mà anh dùng để khuyên những người khác như vậy. Tại sao chính ngày hôm nay, anh lại than vãn cho một đứa con trai đã chết trong quá khứ rồi?"

9. "Nhưng điều này không thể có được, đâu bởi người hay bởi phi nhân, rằng, 'Một đứa con sanh đến cho ta thì không nên chết.' Cái mà không có được thì có thể kiếm ở đâu?"

10. Chẳng phải do *Mantra*, rễ của cây thuốc, những loại thuốc, cũng chẳng phải do của cái mà có thể đem về kẻ quá cố mà anh kêu khóc đến, nay *Kaṇha* ạ!"

Rồi để chỉ cho người anh của vị ấy thấy rằng, không thể ngăn cản cái được gọi sự chết này được, đâu bằng của cải hay dòng tộc hay kiến thức, giới đức hay thiên định. *Chātapaṇḍita* đã thuyết pháp cho Đức vua bằng năm câu kệ này.

11. Những người có của cải lớn, có những vật sở hữu lớn, đâu là những vị Sát-đế-ly có những vương quốc. Cho dù những kẻ này, có nhiều của cải và ngũ cốc, cũng không thoát khỏi già và chết được.

12. Những vị Sát-đế-ly, Bà la môn, Vệ xá, Thủ đà, Chiên đà la và *Pukkusa*. Ngay cả những người này và những người khác, bằng dòng tộc của họ, cũng không thoát khỏi già và chết.

13. Những kẻ tụng đọc *Mantra* bao gồm sáu chương, được soạn ra bởi Phạm thiên *Brahma*. Ngay cả những người này và những người khác, qua kiến thức ấy, cũng không thoát khỏi già và chết được.

14. Và ngay cả những vị ẩn sĩ, những đạo sĩ đã được an tịnh và đã tự chế. Ngay cả những vị đạo sĩ này cũng phải rời bỏ thân xác của họ khi thời gian đến.

15. Những vị A-la-hán, những bậc đã tu tiến, đã làm điều cần được làm và đã thoát khỏi các lậu hoặc. Ngay cả họ cũng phải đề xuống tấm thân này khi đã hết nghiệp thiện và bất thiện của họ.

Khi nghe qua pháp thoại này do *Ghaṭapaṇḍita* nói ra, Đức vua, tựa như được người ta rút ra cây tên

ưu bi, và với lòng tịnh tín trong tâm, khi ấy bèn nói lên những câu kệ còn lại để tán dương *Chaṇḍapāṇḍita*.

16. "Ta quả thật đang cháy nóng, như ngọn lửa cháy bằng thực tô; nhưng bây giờ, tất cả những sâu muộn của ta đã được dập tắt tựa như ta được tưới lên người bằng nước mát.

17. Cây tên, quả thật vậy, là nỗi ưu bi, mà đâm xuyên qua tim của ta, nay đã được rút ra rồi. Người đã đoạn trừ ưu bi ấy, ưu bi về đứa con trai của ta mà đã đè nặng lên ta.

18. Nhờ rút ra được cây tên, ta trở nên an tịnh và mát mẻ; từ khi nghe những lời của người, ta không còn ưu bi hay than khóc nữa.

19. Cũng như *Ghata* đã làm cho anh của mình vui đi nỗi ưu bi. Những bậc trí tuệ có lòng bi mẫn cũng hành động như thế ấy.

20. Như *Ghata* đi theo anh của mình với lời khuyên tốt; cũng vậy, người mà có những người cố vấn và những người hầu như vậy cũng sẽ có được những lời khuyên tốt như thế.

Những câu kệ còn lại có ý nghĩa giống như đã được nêu ra ở trên.

Khi Bậc Đạo sư đã kể lại pháp thoại này, Ngài bèn nói rằng, "Như vậy, nay ông thiện nam, chính

những bậc Trí tuệ thuở xưa đã diệt trừ nỗi ưu bi của họ về đứa con trai đã chết của họ khi họ nghe một câu chuyện từ những Bậc trí tuệ. Rồi Ngài thuyết giảng tứ đế và thêm vào bốn sanh, lúc kết thúc thời pháp ấy, vị thiện nam ấy được an trú trong quả Thánh Tu-đà-huờn.



II.7 TÀI HỘ QUỶ SỰ (*DHANAPĀLA PETAVATTHUVAṆṆANĀ*)

"Người trần truồng và có hình tướng thô xấu."

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi ngài đang ngụ ở *Jetavana*, liên quan đến Ngạ quỷ *Dhanapāla* (Tài Hộ).

Tương truyền rằng trước khi Đức Phật xuất hiện tại kinh đô *Erakacca* trong vương quốc của những vị *Dasaṇṇa*, có một vị thương nhân giàu có tên là *Dhanapālaka*, là kẻ không có đức tin cũng không có lòng tịnh tín và keo kiệt, lại chấp theo tà kiến *Natthika*. Những hoạt động của ông ta được biết đến qua kinh tạng. Khi ông ta chết, ông ta sanh làm một Ngạ quỷ trong vùng hoang vắng. Thân của ông ta lớn bằng thân của cây thốt nốt. Da thì nổi u lồi, thô thiển và trông kinh khiếp, xấu xí và dị hợm - Trông thật ghê tởm. Bị chế ngự bởi cơn đói và khát và cái lưới của nó thè ra khỏi cái cuống họng khô cháy của nó,

nó đi lang thang chỗ này chỗ nọ trong năm mươi lăm năm mà không kiếm được một chút gì, đâu là một hạt cơm hay một giọt nước. Rồi khi Đức Thế Tôn của chúng ta xuất hiện trong thế gian và đã lăn bánh xe Diệu Pháp, và đến đúng lúc đang cư trú tại *Sāvatthi*, một số thương nhân là những dân cư của thành *Sāvatthi*, chất đầy hàng hóa trong năm trăm cỗ xe, đi đến xứ *Uttarāpatha*, bán hàng hóa của họ ở đó, và lại chất đầy những hàng hóa nhận được vào những cỗ xe của họ. Khi họ đang trở về vào lúc chiều tối, họ đi đến một con sông bị khô nước nọ. Họ tháo ách cho những con bò ở đó và cắm trại qua đêm. Rồi con Ngạ quỷ ấy bị khát, đi đến tìm kiếm một cái gì đó để uống. Vì không kiếm được gì đâu một giọt nước ở đó, nó ngã sấp, thất vọng, như cây thốt nốt bị đốn hạ đến gốc rễ. Khi trông thấy nó, những thương nhân bèn hỏi nó bằng câu kệ này:

1. "Người trần truồng và có hình tướng thô xấu, gầy ốm với những đường gân lộ ra. Người là kẻ ốm yếu, với những xương sườn lộ ra, bây giờ người là ai?"

Nhân đó Ngạ quỷ nói rõ gốc gác của nó.

2. "Thưa Ngài, tôi là một Ngạ quỷ, đã đi đến kiếp sống đau khổ trong cõi của *Yama*; Sau khi đã làm ác nghiệp, tôi đã đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ". Một lần nữa các thương nhân lại hỏi Ngạ quỷ về nghiệp mà nó đã tạo:

"Vậy người đã làm ác nghiệp nào bằng thân, khẩu hoặc ý? Do kết quả của nghiệp nào khiến người ra đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ?"

Nó bèn nói những câu kệ này để kể về những hoàn cảnh về quá khứ, hiện tại và tương lai của nó, từ chỗ sanh lên trước kia của nó trở đi, và cho họ một lời sách tấn:

4. "Tại thành phố của những người *Dasaṇṇa*, là *Erakaccha* nổi tiếng. Trong quá khứ tôi là một thương nhân ở đó, được biết đến qua cái tên là *Dhanapāla* (người giữ của).

5. Tám mươi cỗ xe chắt đầy vàng là của tôi; tôi cũng có nhiều vàng và nhiều ngọc trai và những loại đá quý.

6. Dâu có của cải to lớn như vậy, nhưng tôi lại không thích bố thí. Tôi đóng cửa trước khi ăn vì sợ những người ăn xin sẽ thấy tôi.

7. Tôi không có niềm tin, hèn hạ, keo kiệt và hay chửi mắng. Tôi có thói quen ngăn cản nhiều người trong khi họ đang bố thí và làm các thiện sự.

8. Khi nói rằng, "không có kết quả nào từ sự bố thí cả, kết quả của sự tự chế sẽ đến từ đâu?" Tôi phá huỷ những hồ sen và những chỗ uống nước khác, những khu huê viên,

những chỗ dẫn nước ở bên đường và những chiếc cầu tại những chỗ khó băng qua.

9. Tôi đã không làm việc làm phước thiện. Tôi chỉ làm những việc ác. Khi rời khỏi cũi ấy, tôi sanh vào trong cũi Ngạ quỷ, bị hành hạ bởi cơn đói và khát. Trong năm mươi mười lăm năm kể từ khi tôi chết.

10. Tôi không biết rõ về ăn hay uống nước. Người bị cản trở đi đến chỗ hư hoại, người đi đến chỗ hư hoại bị cản trở. Tương truyền rằng những Ngạ quỷ quả thật biết rằng người mà bị cản trở đi đến chỗ hư hoại.

11. Trong quá khứ tôi cũng bị cản trở như thế. Tôi đã không bỏ thí đâu có nhiều của cải tồn đọng. Dầu những vật thí nằm trong tay, tôi cũng chẳng làm chỗ nương tựa cho chính tôi.

12. Về sau tôi cảm thấy ăn năn khi những nghiệp của chính tôi bắt đầu cho quả. Sau bốn tháng cái chết sẽ đến với tôi.

13. Và tôi sẽ rơi xuống địa ngục kinh khiếp và ác nghiệt: có bốn góc với bốn cổng, nó được chia thành những phần bằng nhau, được bao quanh bởi một bức tường sắt, có mái bằng sắt ở trên.

14. Cái nền nóng rực sáng của nó làm bằng sắt cháy đỏ: Nó trải rộng khắp quanh một trăm do tuần, đứng mãi mãi như thế.

15. Ở đó, trong một thời gian dài tôi sẽ trải qua những cảm thọ đau đớn do quả của những ác nghiệp của tôi. Vì lý do này tôi vô cùng sầu khổ.

16. Do đó tôi xin nói với các người rằng, "Tôi xin chúc lành đến các người, mỗi người trong các vị đã hội họp ở đây. Đừng gieo tạo một ác nghiệp nào đâu công khai hay bí mật.

17. Vì nếu quý vị làm hoặc sẽ làm một ác nghiệp nào đó thời sẽ không có con đường trốn thoát khỏi đau khổ dành cho các người đâu, cho dù các người có bay lên trời và chạy đi xa khuất chỗ nào.

18. Hãy tôn kính mẹ, hãy tôn kính cha; Hãy tôn kính các bậc trưởng thượng trong gia đình. Hãy tỏ sự sùng kính đến các vị Sa-môn và Bà-la-môn, bằng cách này các người sẽ đi đến cõi trời."

Chú giải:

Sau khi nghe qua điều mà Ngạ quỷ đã phải nói, những thương nhân ấy, đây xúc động và thương hại cho nó, bèn lấy một bát nước, bảo nó nằm xuống và

rồi đổ nước vào miệng của nó. Sau đó, mọi người đã làm điều này nhiều lần, nhưng nước mà nó thèm khát không đi xuống được cuống họng của nó do vì quá của những ác nghiệp của Ngạ quỷ ấy. Như vậy làm sao để nỗi khao khát của nó được dập tắt? Họ hỏi nó xem liệu nó có được nguôi ngoai chút ít hay không. "Cho dù có nhiều người đổ nhiều lần vào miệng của tôi nhiều giọt nước, tuy nhiên vẫn sẽ không có lối thoát khỏi cõi Ngạ quỷ này được", nó nói.

Khi những thương nhân nghe qua điều này, họ đầy xúc động và nói rằng, "Nhưng có cách gì khiến cơn khát của người được được dập tắt không?" Ngạ quỷ nói rằng, "Khi ác nghiệp này gần hết và những vật thí đã được cúng dường đến Đức *Tathāgata* hay những vị *Sāvaka* của Đức *Tathāgata*, và người ta hồi hướng phước thí ấy đến cho tôi, thời tôi sẽ được thoát khỏi cảnh Ngạ quỷ này".

Khi nghe qua điều này, những thương nhân ấy bèn đi đến *Sāvatthi*, đi đến Đức Thế Tôn và nêu vấn đề ấy với Ngài. Họ quy y Tam bảo và thọ trì ngũ giới, và trong bảy ngày dâng cúng vật thực cúng dường to lớn đến Chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu và hồi hướng phước thí đến Ngạ quỷ ấy. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh khởi và thuyết Pháp đến tứ chúng và nhờ thời pháp ấy mọi người từ bỏ bợn nhơ của lòng bòn xén và tham lam v.v... Và

lấy làm thoả thích trong những việc phước như bố thí v.v...



II.8 TIỂU THƯƠNG QUỲ SỰ (*CŪLASEṬṬHIPITAVATTHŪVAṆṆANĀ*)

"Thưa ông, ông là người mà đã xuất gia, bị trần trường và gây ố".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Trúc Lâm Viên, liên quan đến Ngạ quý *Cūlaseṭṭhi*.

Tương truyền rằng, tại Ba-la-nại có một vị Gia chủ tên là *Cūlaseṭṭhi*, là người chẳng có niềm tin cũng không có lòng tịnh tín, lại là người bần tiện và keo kiệt và không có sự kính trọng trong việc thực hành những việc Phước. Khi chết, ông ta tái sanh trong cõi Ngạ quý, đầu của ông ta trọc lóc, không có y phục và, thân thể thì không có thịt và máu đến nỗi chỉ còn da bọc xương và gân mà thôi. Tuy nhiên, đứa con gái *Ānulā* của ông ta, đang ở trong nhà của chồng nàng tại *Andhakavinda*, sửa soạn một số vật thí như cơm v.v... Với ước muốn tiếp đãi một số Bà-la-môn để cầu siêu cho cha của nàng. Khi ông ta biết được việc này, Ngạ quý ấy, đầy mong ước, bèn đi đến đó xuyên qua hư không, đến *Rājagaha* vào lúc mà vua *Ajātasattu* đang đi tới đi lui ở tầng trên của cung

điện, không thể ngủ được bởi vì lương tâm khó chịu do những cơn ác mộng, vì đã nghe thoe lời xúi dục của *Devadatta*, sau khi giết chết phụ vương của vị ấy. Khi trông thấy con Ngạ quỷ ấy đi xuyên qua hư không, đức vua bèn hỏi nó bằng câu kệ này:

1. "Người là kẻ đã xuất gia, bị trần trướng và gây ốm, người đang đi đâu vào lúc ban đêm và vì lý do gì? Hãy nói cho ta biết điều này, chúng ta, nếu có khả năng, có thể tặng cho người những vật sở hữu cùng với tất cả mọi thứ".

Được hỏi như vậy bởi đức vua, Ngạ quỷ nói lên ba câu kệ giải thích tình cảnh của nó:

2. "Thành Ba-la-nại nổi tiếng ở từ đằng xa; và tôi là một gia chủ ở đó, giàu có nhưng bận tiện. Tôi đã không bố thí, lại có tâm hướng lạc. Do bởi ác hạnh khiến tôi phải đi đến cõi *Yama*.

3. Tôi bị kiệt quệ đến như cây kim do bởi những điều này; Vì chính lý do này, tôi đi đến những quyền thuộc của tôi để kiếm một cái gì đó để ăn, nhưng họ thiếu đức bố thí và không tin rằng có quả của sự bố thí trong kiếp sau.

4. Tuy nhiên, đứa con gái của tôi thường xuyên lầm bầm rằng, "Tôi sẽ cho những vật thí nhân danh cha và ông của tôi". Những vị

Bà-la-môn thì được hầu hạ sẵn cái mà nàng đã sửa soạn và tôi đang đi đến *Andhakavinda* để kiếm ăn.

Từ đây trở đi là những câu kệ được nói bởi những vị kiết tập Tam Tạng..

5. Đức vua nói với nó rằng: "Sau khi người đã ăn cái đó, người hãy trở lại đây nhanh; ta cũng sẽ cúng dường. Hãy nói cho ta biết liệu có nguyên nhân nào vì chúng ta muốn lắng nghe một câu nói nào đó về những điều kiện mà có thể tin được!"

6. "Chắc vậy", nó nói và ra đi. Nhưng những người ăn vật thực ở đó thì không xứng đáng thọ lãnh những vật thực cúng dường. Bởi vậy một lần nữa nó trở lại *Rājagaha* và xuất hiện trước mặt chúa của loài người.

7. Khi thấy rằng Ngạ quỷ ấy đã trở lại, đức vua bèn nói rằng, "Ta sẽ cho cái gì? Hãy nói cho ta biết liệu có nguyên nhân nào khiến dĩ người có thể được hạnh phúc trong một thời gian dài về sau".

8. "Khi Đại vương đã dâng cúng đến Đức Phật và Chư Tăng vật thực cùng với thức uống và y phục, tâm bệ hạ, thời hãy hồi hướng phước thí ấy vì lợi ích của tôi. Bằng cách này,

tôi có thể được hạnh phúc trong một thời gian dài trong tương lai".

9. Do đó, đức vua đi xuống và ngay tức thì tự tay dâng cúng những vật thí vô song đến chư Tăng; vị ấy thuật lại sự việc ấy đến đức *Tathāgata* và hồi hướng phước thí ấy đến cho Ngạ quỷ.

10. Được tôn trọng như vậy và với tướng mạo sáng chói vô cùng, nó xuất hiện trước mặt chúa của loài người và nói rằng, "Bây giờ tôi là một *Yakkha* có thần thông cao cả nhất. Không có những kẻ nào giống hay bằng tôi về năng lực hay thần thông.

11. Hãy xem sự vinh quang vô hạn này của tôi được hồi hướng đến bởi Đại vương, sau khi Đại vương đã cúng dường vô song thí đến chư Tăng. Tôi sẽ được thoả mãn, tiếp tục và luôn luôn dồi dào và sẽ sống hạnh phúc, hỡi *Deva* của loài người!"

Khi Ngạ quỷ đã ra đi sau khi cáo từ như vậy, vua *Ajātasattu* nêu lên vấn đề ấy với các vị Tỳ khưu. Các vị Tỳ khưu đi đến Đức Thế Tôn và nêu vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh khởi và thuyết pháp đến hội chúng đã hội họp ở đó. Khi họ đã nghe qua thời pháp

này, thì họ từ bỏ bợn nhơ của lòng bợn sèn và thoả thích trong những việc phước như bố thí v.v...



II.9 QUỲ SỰ VỀ ANKURA (*ĀṆKURA PETAVATTHUVAṆṆANĀ*)

"*Chính mục đích ấy mà chúng tôi đang đi*".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở *Sāvatti*, liên quan đến một peta tên là *Āṇkura*. Trong trường hợp này, *Āṇkura* đúng ra không phải là một Peta, nhưng vì những việc làm của vị ấy liên quan đến một Peta; do đó, câu chuyện này được gọi là *Āṇkura* quỷ sự. Đây là câu chuyện tóm tắt.

Trong thành phố *Asitañjana* ở vùng *Kaṃsabhoga* thuộc xứ *Uttarāpatha*, có sanh đến cho *Upasāgara*, đứa con trai của vua *Mahāsāgara*, là người cai trị vương quốc *Uttaramadhurā*, và đến cho *Devagabbhā*, đứa con gái của *Mahākāṃsaka* (những đứa bé sau đây:), một đứa con gái là *Anjanadevī* và mười người anh của nàng là *Vāsudeva*, *Baladeva*, *Candadeva*, *Suriyadeva*, *Aggideva*, *Varunadeva*, *Pajjuna*, *Ajjuna*, *Ghaṭapaṇḍita* và *Āṇkura* - cả thầy là mười một vị Sát Đế Ly. Bắt đầu từ kinh đô *Asitañjana*, *Vāsudeva* và những người em của vị ấy, bằng những cái đĩa, đã tiêu diệt các vị vua trong sáu

mười ba ngàn thành phố của toàn cõi Diêm Phù Đề, kết thúc tại *Dvāravatī*. trong khi đang trú ngụ tại *Dvāravatī*, họ chia vương quốc ra thành mười phần. Tuy nhiên họ đã quên phần cho đứa em gái *Añjanadevī* của họ, và khi sức nhớ đến nàng, họ bèn nói rằng, "chúng ta sẽ chia nó thành mười một phần", nhưng *Aṅkura*, là đứa con trai nhỏ nhất nói rằng, "Các anh có thể cho nàng phần của tôi. Tôi sẽ kiếm sống bằng nghề buôn bán, và các anh có thể gởi đến cho tôi những món tiền thuế thu được từ những vùng của các anh". "Tốt lắm", họ đồng ý và sau khi đã cho phần chia của *Aṅkura* đến em gái của họ, thì chín vị Vua cùng sống chung tại *Dvāravatī*. Tuy nhiên *Aṅkura* thì mãi mê trong việc buôn bán và thường xuyên tổ chức những cuộc bố thí lớn. Bấy giờ, vị ấy có một người nô lệ làm viên giữ kho của vị ấy và là người thích làm các việc từ thiện. Với lòng tịnh tín trong tâm, *Aṅkura* kiếm về một người con gái của một gia đình tốt và gả nàng cho vị ấy. Vị ấy chết ngay khi đứa con trai của vị ấy đang sanh ra và *Aṅkura*, vào lúc sanh, đã cho cậu bé vật thực và sự hưởng công mà vị ấy đáng ra phải trả cho cha của nó. Rồi khi cậu bé đến tuổi trưởng thành, vấn đề sanh lên trong hoàng gia rằng, liệu cậu ta có phải là một nô lệ hay không. Khi *Añjanadevī* nghe tin này, nàng nêu gương con bò cái và giải thoát cho anh ta khỏi tình trạng nô lệ khi nói rằng, "Đứa con trai của một người đàn bà tự do thì chính người ấy cũng là người tự do". Nhưng chàng

traí vì xấu hổ, không thể cam tâm sống ở đó được, bèn đi đến kinh đô *Bheruva*, là nơi mà anh ta kết hôn với đứa con gái của một người thợ may, và kiếm sống bằng nghề thợ may. Lúc bấy giờ, trong kinh đô *Bheruva* có một thương nhân giàu có tên là *Asayhamahāsetṭhi*, là người cúng dường những vật thực to lớn đến các Sa-môn và Bà-la-môn, những người nghèo khổ, những người sống lang thang, những người lữ hành và những người ăn xin. Người thợ may đây hoan hỷ và hạnh phúc, thường đưa lên cánh tay phải của ông ta và chỉ về chỗ ngụ của *Asayhamahāsetṭhi* cho những người mà không biết ngôi nhà của vị thương nhân giàu có, khi nói rằng, "Hãy đi đến đó và kiếm bất cứ cái gì có thể dùng được".

Những việc làm của ông ta được ghi lại trong kinh tạng. Trải qua một thời gian dài, ông ta chết và sanh trong một khu rừng hoang, làm một vị *Devatā* trong một cây đa, có cánh tay phải cho ra những ước muốn. Bấy giờ cũng tại *Bheruva*, có một người đàn ông chuyên trông coi những vật thí của *Asayhaseṭṭhi*, nhưng chính ông ta thì không có niềm tin cũng không có lòng tịnh tín, có tà kiến và không có lòng kính trọng trong việc phước. Khi ông ta chết ông ta sanh làm một Ngạ quỷ không cách xa chỗ ngụ của vị *Devaputta* ấy. Những việc mà ông ta đã làm được ghi lại trong kinh tạng. Khi *Asayhāsetṭhi* chết, ông ta ra

đi cộng trú với *Sakkha*, vua của chư Thiên, trong cõi ba mươi ba.

Bấy giờ sau một thời gian, *a.nkura* mang những hàng hóa của ông ta trên năm trăm cỗ xe, một vị Bà-la-môn nọ cũng mang theo hàng hóa của ông ta trên năm trăm cỗ xe. Với một ngàn cỗ xe này, hai người đi vào con đường trong một khu rừng hoang và bị lạc đường. Sau khi đi lang thang quanh quẩn ở đó trong nhiều ngày, họ hết cỏ, nước và vật thực. *Āṇkura* sai những sứ giả cỡi ngựa đi tìm nước trong bốn hướng. Rồi vị *Yakkha* ấy, với cánh tay mà có thể ban ra những ước muốn, trông thấy cảnh ngộ mà họ đã lâm vào và khi nhớ đến một vài sự giúp đỡ mà *Āṇkura* đã làm cho vị ấy trong những ngày trước kia, bèn nghĩ rằng, "À được, ta phải giúp vị ấy?" và chỉ cho vị ấy trông thấy cây đa, nơi mà vị chư Thiên ấy sống. Tương truyền rằng, cây đa ấy có nhiều nhánh và lá sum suê, với những tàn lá dày đặc cho bóng mát *Āṇkura* vô cùng sung sướng khi trông thấy nó và cắm trại ở dưới gốc cây ấy. Vị *Yakkha* đưa lên cánh tay phải và trước hết cho mọi người uống nước no đủ, sau đó cho đến bất cứ ai bất cứ cái gì cần đến. Khi những người ấy đã được làm thỏa mãn bằng nhiều loại đồ ăn và thức uống v.v... Như họ mong ước và hết mệt mỏi do đi đường xa, vị thương nhân Bà-la-môn ấy, bằng sự suy luận bất chánh, đã suy nghĩ rằng, khi chúng ta đã đi từ đây đến *Kampoja* để tìm kiếm của

cải, thời chúng ta sẽ làm gì? Nhưng nếu bây giờ chúng ta bắt vị *Yakkha* này bằng một mưu mẹo nào đó và để vị ấy vào trong xe thời chúng ta mới có thể trở lại chính thành phố của chúng ta". Với ý nghĩ này trong tâm vị ấy nói lên hai câu kệ để cho *Ankura* biết mưu kế của vị ấy:

1. Xét thấy rằng chúng ta đi đến *Kampoja* vì mục đích tâm cầu của cải, nhưng muốn đạt được mục đích phải nhờ vào vị *Yakkha* hằng ban cho những điều mong ước, sống ở cây đa này; vậy chúng ta hãy đem theo vị *Yakkha* này!

2. Khi chúng ta đã mang được vị Dạ xoa này đi, hoặc là do sự bằng lòng của vị ấy hoặc bằng sự cưỡng bách, và để vị ấy vào trong một cỗ xe, thời chúng ta có thể đi nhanh đến *Dvāraka*.

Tuy nhiên khi vị Bà-la-môn đã nói vậy, thì *Ankura*, kiên cố trong pháp của bậc chân nhân, đã nói lên câu kệ này để phản đối điều đã được nói ra:

3. Người không nên bẻ gãy những nhánh của cây mà người đã ngồi ở dưới bóng mát của nó, vì làm hại một người bạn quả thật là một điều ác.

Khi nghe qua điều này, vị Bà-la-môn, khi dựa vào quy tắt khéo được thành lập rằng xử dụng hành động

đạo đức giả để tiêu diệt là nền tảng của sự thành công, bèn thốt lên câu kệ này khi đặt mình vào vị trí đối lập với *Āṅkura*:

4. Người nên đốn hạ thân của cây mà người đã ngồi hay nằm ở dưới bóng mát của nó, nếu người ấy cần đến nó.

Khi vị Bà-la-môn đã nói theo cách này, thì *Āṅkura* nói lên câu kệ này để đề cao pháp của Bậc thiện nhân:

5. Người không nên làm hại những lá của cây mà người đã ngồi hay nằm dưới bóng mát của nó, vì kẻ làm hại một người bạn thì quả thật là người độc ác.

Vị Bà-la-môn lại nói lên một câu kệ để đề cao quan điểm của ông ta:

6. Người nên nhổ lên cây ấy ngay cả với những chồi rễ của nó, nhổ lên cây mà người ấy ngồi hay nằm dưới bóng mát của nó, nếu đó là nhu cầu của vị ấy.

Khi vị Bà-la-môn đã nói theo cách này thì *Āṅkura* bèn nói lên ba câu kệ, vì muốn làm cho quan điểm của vị Bà-la-môn trở nên vô nghĩa:

7. Người không nên mưu tính làm một điều ác ngay cả trong tâm của mình để chống lại người mà mình đã ở lại đêm trong nhà của

người kia, và là chỗ mà người ấy đã có được đồ ăn và thức uống, sự tri ân được các bậc thiện nhân hằng khen ngợi.

8. Người không nên mưu tính một việc ác ngay cả trong tâm của mình để làm hại người mà người ấy đã ở lại trong nhà của người mà mình đã được tiếp đãi bằng đồ ăn và thức uống - cánh tay không chiu theo điều ác sẽ đốt cháy kẻ làm hại bạn của mình.

9. Người mà trước kia đã được người ta ban cho một điều khả ái và về sau người ấy làm hại ân nhân của mình bằng một việc ác, người ấy là người làm hại kẻ vô tội, người ấy sẽ không thấy điều may mắn.

7. DẦU TRONG MỘT ĐÊM (*ekarattimpi*): người ấy đã ở lại trong nhà của người kia dầu chỉ trong một đêm rất ngắn ngủi. NƠI MÀ NGƯỜI ẤY ĐÃ ĐƯỢC ĐỒ ĂN VÀ THỨC UỐNG (*Yatthi annapānaṃ puriso labhetha*): trước mặt người ấy, bất cứ ai cũng được đồ ăn và thức uống hay một sự nuôi ăn nào đó. MỘT NGƯỜI KHÔNG NÊN MƯU TÍNH MỘT VIỆC ÁC NGAY CẢ TRONG TÂM MÌNH ĐỂ LÀM HẠI NGƯỜI KIA (*Na tassa pāpaṃ mamasā pi cetaye*): Một người không nên nghĩ, không nên mong muốn điều xấu hay ác cho ân nhân của mình ngay cả trong tâm của mình, đừng nói gì dùng thân và khẩu để làm hại. Tại sao vậy? SỰ TRI ÂN ĐƯỢC CÁC BẬC

THIỆN NHÂN HẰNG KHEN NGỢI (*Kataññutā sap-purisehi vaṇṇitā*): người có sự tri ân quả thật được chư Phật v.v... Tán dương, là người tối thắng nhất trong những bậc chân nhân.

8. ĐÃ ĐƯỢC TIẾP ĐÃI (*Upatṭhito*): Được cung cấp bằng đồ ăn và thức uống, đã được hầu hạ bằng những lời "hãy lấy cái này, hãy ăn cái này". CÁNH TAY KHÔNG CHỊU THEO ĐIỀU TỔN HẠI (*adub-bhapāṇi*): Cánh tay không quen hại người, cánh tay được kèm chế. ĐỐT CHÁY KẸ LÀM HẠI MỘT NGƯỜI BẠN (*Dahate mitta dubbhiṃ*): Nó đốt cháy, nó tiêu diệt, kẻ hại một người bạn. Một tội lỗi, đã gieo nên, nhằm đến những người mà có những thiện ý và không lỗi lầm, do bởi một người khác, sẽ đem lại sự suy sụp cho chính người kia, không có sự ngoại lệ nào. Về nội dung thực tiễn của nó, người mà không có lỗi quả thật đốt cháy người kia. Vì lý do này, Đức Thế Tôn nói rằng, "Người mà làm hại kẻ không lỗi lầm, bậc thanh tịnh và không có sự chê trách, thời điều ác ấy sẽ dội ngược lại chính kẻ ngu ấy như bụi tung ngược chiều gió".

9. NGƯỜI MÀ TRƯỚC KIA ĐƯỢC NGƯỜI TA BAN CHO MỘT HÀNH ĐỘNG KHẢ ÁI (*Yo pubbe katakalyāno*): Người mà đã được người ta đem đến một vài điều tốt, được giúp đỡ bởi một người có giới đức nào đó. VÀ NGƯỜI MÀ VỀ SAU LÀM HẠI ÂN NHÂN CỦA MÌNH BẰNG MỘT VIỆC ÁC (*Pacchā-*

pāpena himsati): Và người mà trong một thời điểm tương lai nào đó giáng xuống một hành động ác, sự rủi ro, điều xấu, đến người đã thi ân cho người ấy. **LÀ NGƯỜI BỊ BÀN TAY SẠCH TIÊU DIỆT** (*allapāṇi-hato poso*): người ấy bị tiêu diệt, người ấy bị giáng xuống, theo cách như đã kể trên, do bởi chính sự thực hành việc thi ân bởi bàn tay sạch, bởi người mà đã thi ân cho người ấy, khi làm như vậy bằng bàn tay sạch, bàn tay đã được rửa sạch, hay nói cách khác chính bàn tay sạch của người ấy đã bị tiêu diệt, rồi nó bị tiêu diệt, vì người ấy đã tấn công kẻ đã thi ân cho mình; người ấy là một kẻ vô ân. Người ấy sẽ không thấy điều may mắn (*Na so shadrāṇi passati*): Loại người đã được giải rõ như vậy sẽ không thấy, tức là, không tìm thấy, sẽ không có được, hạnh phúc ở trong đời này hay đời sau.

Vị Bà-la-môn bị đánh bại như vậy bởi *Aṅkura* bằng sự đề cao thiện nhận pháp, chẳng nói thêm một lời nào nữa và nín thinh. Tuy nhiên, khi đã nghe cuộc nói chuyện qua lại này giữa hai người trong bọn họ và, đầu tức giận vị Bà-la-môn, vị *Yakkha* vẫn nghĩ rằng, "Bây giờ cứ để như thế, về sau ta sẽ quyết định điều gì nên làm đối với vị Bà-la-môn độc ác này", và rồi nói lên câu kệ này để cho thấy phạm vi không thể thắng phục vị ấy bởi bất cứ một người nào khác.

10. Chẳng phải deva hay người hay quyền lực nào khiến ta dễ dàng bị nhiếp phục, ta là

một *Yakkha*, đã đạt đến năng lực thần thông cao tột, quảng đại và có sắc đẹp cùng sức mạnh.

Từ đây trở đi có một cuộc trao đổi chuyện trò bằng mười sáu câu kệ, giữa *Ankura* và vị *Devaputta*:

11. "Bàn tay của người hoàn toàn bằng vàng, là cái chứa đựng của bộ năm, và có mật ong chảy ra, nước trái cây có nhiều hương vị khác nhau. Tôi nghĩ rằng Ngài phải là một *Purindada*".

12. "Tôi không phải là *Deva* hay *Gandhabba*, cũng chẳng phải là *Sakkhapurindada*; là một *Peta* mà Ngài sẽ biết tôi, này *Ankura* này người đến đây từ *Bheruva*"

13. "Hạnh kiem và tánh nết của Ngài như thế nào trước kia khi Ngài còn ở *Bheruva*? Điều phước cho kết quả trong bàn tay này là do bởi loại phạm hạnh nào?"

14. "Trước kia tôi là một người thợ may ở trong thành *Bheruva*, lúc bấy giờ tôi chịu khó khăn lớn và sống cuộc đời rất cực khổ. Tôi chẳng có gì để bố thí

15. Nhưng tiệm may của tôi thì ở rất gần *Asayha*, là người có đức tin và là bậc thầy

trong việc bố thí, một người có lương tâm, đã thực hành những việc phước.

16. Những người ăn xin và những người đi đường thuộc nhiều bộ tộc khác nhau thường đi đến đó và họ cũng thường hỏi tôi về chỗ ngụ của *Asayha* rằng, "Xin chúc lành đến Ngài! Chúng tôi nên đi đâu, những vật thí được cho ra ở đâu?"

17. Khi được hỏi như vậy, tôi thường đưa lên cánh tay phải của tôi và chỉ về chỗ ngụ của *Asayha* cho họ thấy và nói rằng, "Xin chúc lành đến các người! các người nên đến đó, vật thí được cho ra ở đó tại chỗ ngụ của *Asayha*".

18. Vì lý do này khiến bàn tay của tôi ban ra những điều mong ước, vì lý do này khiến bàn tay của tôi có mật ong chảy ra, điều phước mà cho kết quả trong bàn tay này là do bởi loại phạm hạnh này".

19. Người ta nói rằng ngài không bố thí vật thực đến ai cả bằng chính tay của ngài nhưng vì ngài hoan hỷ với những vật thí của người khác nên ngài đã đưa lên bàn tay của ngài và chỉ đường.

20. Vì lý do này nên bàn tay của ngài cho ra những điều mong ước, vì lý do này khiến bàn tay của ngài có mật ong chảy ra, do bởi

loại phạm hạnh này khiến điều phước cho quả trong bàn tay của ngài.

21. Thừa Ngài, người mộ đạo là người đã cho ra những vật thí bằng chính bàn tay của mình, khi người ấy rời bỏ thân người, sẽ đi về chỗ nào?

22. "Tôi không biết trạng thái đi và đến của *Angīrasa*, người mà chịu đựng điều quá sức chịu đựng, nhưng tôi đã nghe ở trước mặt của *Vessavana* rằng *Asayha* đã đi cộng trú với *Sakkha*".

23. "Thật đây đủ để làm những việc thiện và cho ra những vật thí thích hợp. Sau khi trông thấy bàn tay cho ra những điều mong ước này, ai mà lại không thực hành những việc phước?

24. Như vậy, khi tôi đã đi từ đây và trở lại *Dvāraka*, tôi sẽ bố thí những vật thực để đem lại hạnh phúc cho tôi.

25. Tôi sẽ cho đồ ăn và thức uống, y phục và chỗ ngụ, những chỗ cho nước ở bên vệ đường, những cái giếng và những chiếc cầu ở những chỗ mà khó đi qua.

Dạ xoa lấy làm rất hoan hỷ khi nghe *Anikura* nguyện rằng vị ấy sẽ bố thí những vật thực, bèn sách

tấn vị thương nhân làm những việc phước thí khi nói rằng, "Ngài nên cho ra những vật thí một cách rộng rãi, thưa Ngài. Tôi sẽ giúp ngài bằng cách sắp xếp những công việc bằng cách nào đó để những vật thí của Ngài không bị cạn kiệt". (Khi quay qua vị Bà-la-môn), vị ấy nói tiếp rằng. "Trong khi ông, này ông thương nhân Bà-la-môn, không biết khả năng của chính mình mà dám nói rằng ông muốn mang đi một người như ta bằng cách xử dụng sức mạnh", và sau khi khiến cho những hàng hóa của ông ta biến mất, đe dọa ông ta, dọa sẽ hại ông ta bằng sự tấn công của một Dạ xoa. Rồi *Ankura* này vị ấy bằng nhiều cách, và làm nguôi ngoai vị Dạ xoa bằng cách bảo vị Bà-la-môn xin lỗi, và nhờ đó khiến cho tất cả hàng hóa của ông ta xuất hiện trở lại. Khi đêm đến, vị ấy để Dạ xoa ra đi và, trong khi tiếp tục đi trên con đường của vị ấy, trông thấy một Ngạ quỷ nọ ở gần trước mặt vị ấy, trông rất kinh khiếp, vị ấy nói lên câu kệ này để dò hỏi về nghiệp mà nó đã tạo;

26. "Vì lý do gì khiến những chi thể của người méo mó và khuôn mặt của người nhăn nhó? Và tại sao hai con mắt người lại chảy giọt? Ác nghiệp nào được làm bởi người?"

Rồi Ngạ quỷ nói lên ba câu kệ:

27. Tôi đã trông coi những vật thí trong phước xá của *Angīrassa*, là vị gia chủ yêu quê hương và là một người có đức tin.

28. Tôi đã trông thấy những người ăn xin ở đó đến trong trạng thái cần vật thực. Tôi bước qua một bên và nhắm mắt.

29. Vì lý do này nên tay chân của tôi bị méo mó và khuôn mặt của tôi bị nhăn nhó. Đây là lý do khiến mắt của tôi rỉ chảy. Đây là ác nghiệp được làm bởi tôi.

Vì lý do này vị ấy nói rằng:

30. "Vì lý do ấy mà tay chân của tôi bị méo mó và mắt của tôi bị cau có. Đây là lý do khiến mắt tôi bị rỉ chảy, đây là ác nghiệp được làm bởi tôi".

Nghe qua điều này *Ankura* thốt lên câu kệ này khi đến gần Ngạ quỷ.

31. "Này kẻ khốn khổ, nghiệp đã cư xử đúng với ngươi, khiến mắt ngươi cau có và mắt của ngươi rỉ chảy, bởi vì ngươi đã nhắm mắt khi trông thấy vật thí của người khác".

Ankura lại nói lên một câu kệ để chê trách vị thương nhân ấy, là vị thầy trong việc thực hành bố thí.

32. "Làm sao người ta lại có thể nhờ vào một người khác khi cho ra đồ ăn, thức uống, vật thực cứng, y phục và chỗ ngụ?"

Trong khi vị ấy quở trách vị thương nhân như vậy, *Aṅkura* bèn nói lên hai câu kệ để cho thấy cách hành động mà vị ấy sắp thực hiện.

33. "Như vậy, khi tôi đã đi khỏi đây và đã trở lại *Dvāraka*, tôi sẽ cung cấp những vật thí mà sẽ đem lại hạnh phúc cho tôi.

34. Tôi sẽ cho đồ ăn và thức uống, y phục và chỗ ngủ, những chỗ chứa nước ở bên vệ đường, những giếng nước và những chiếc cầu nơi mà người ta khó đi qua".

Ý nghĩa vừa nói được nêu ra rồi.

Khi ấy bốn câu kệ này cũng được lồng vào bởi những vị kiệt tập Tam Tạng, để cho thấy cách mà *Aṅkura* hành động.

35. "Khi từ chỗ đó trở về và đã trở lại *Dvāraka*, *Aṅkura* cung cấp những vật thí mà sẽ đem lại hạnh phúc cho vị ấy.

36. Vị ấy cho ra đồ ăn và thức uống, y phục và chỗ ngủ, những chỗ chứa nước ở bên vệ đường, những giếng nước, những chiếc cầu ở nơi mà người ta khó đi qua.

37. "Ai bị đói? và ai bị thiêu đốt? Ai muốn mặc vào những y phục này? Những con bò của ai bị kiệt quệ? - Từ những con bò này người ta có thể thắng vào một con bò thiến. Ai cần đủ

che? và nước hoa? Ai cần hoa? Ai cần một số giày dép?"

38. Những người thợ cạo, những người nấu bếp và những người bán vật thơm luôn luôn kêu lên như vậy, cả sáng lẫn chiều, ở đó tại chỗ ngụ của *Ankura*".

Thời gian trôi qua với sự bố thí vĩ đại được ban ra như vậy, ngôi nhà nơi mà những vật thí được cho ra chỉ trở nên thừa thớt và có những người đi đường tình cờ đến viếng vì muốn được thoả mãn. Khi *Ankura* trông thấy điều này, vị ấy cảm thấy không được mãn nguyện, bởi vì ý định cao cả vị ấy là cho những vật thí, bèn gọi đến người đàn ông trẻ tên là *Sindhaka* mà vị ấy đã chỉ định liên quan đến sự bố thí của vị ấy và nói lên hai câu kệ:

39. "*Ankura* ngủ an vui". Những người tin vào ta như vậy; nhưng ta khó ngủ, này *Sindhaka*, bởi vì ta không thấy những người ăn xin.

40. "*Ankura* ngủ an vui". Những người tin vào ta như vậy; nhưng, này *Sindhaka*, ta khó ngủ vì những người đi đường quá ít".

Khi nghe qua điều này, *Sindhaka*, muốn rằng vị ấy nên làm sáng tỏ khuynh hướng cao cả của vị ấy đối với sự bố thí, bèn thốt lên câu kệ này:

41. "Nếu *Sakkha*, chúa cõi Ba mươi ba và của tất cả thế giới, mà ban cho Ngài một đặc ân, khi chọn lựa, thì Ngài sẽ chọn đặc ân nào?"

Chú giải:

41. Đây là ý nghĩa: nếu *Sakkha*, chúa chư Thiên trong cõi trời Ba mươi ba và cũng là chúa tất cả thế gian, mà ban cho Ngài một đặc ân khi nói rằng, "Hãy chọn bất cứ ân huệ nào mà tâm của người khao khát, này *Ankura*", "Khi chọn lựa, khi mong ước, thì ngài muốn chọn loại đặc ân nào?"

Rồi *Ankura* nói lên hai câu kệ thành thực công bố ý định của vị ấy.

42-43. "Nếu *Sakkha*, chúa của cõi Ba mươi ba, mà ban cho ta một đặc ân, thời ta sẽ chọn lấy đặc ân từ *Sakkha* như vậy: Khi ta thức dậy vào lúc mặt trời mọc sẽ xuất hiện những vật thực chư Thiên và những người ăn xin có giới đức, trong khi ta đang bố thí thì chúng sẽ không bị hết, sau khi ta đã bố thí thì ta không cảm thấy hối tiếc và tâm của ta có lòng tịnh tín khi ta bố thí.

Khi *Ankura* công bố ý định của vị ấy, thì một người đàn ông tên là *Sonaka*, mà đang ngồi ở đó, là người có tánh cẩn thận, bèn nói hai câu kệ khi muốn ngăn cản vị ấy đừng bố thí quá mức.

44. "Người không nên ban bố tất cả những vật sở hữu của mình cho người khác; Người nên vừa cho những vật thí vừa bảo vệ tài sản của mình. Do đó, của cải tốt hơn sự bố thí, những gia đình không tồn tại được do sự bố thí quá mức.

45. Không phải không cho, cũng không phải cho quá mức mà được các bậc trí khen ngợi đâu. Do đó, của cải tốt hơn sự bố thí; người nên thực hiện sự tiết độ. Đây là cách của những kẻ cương quyết.

Muốn thử vị ấy, *Sindhaka* sau đó đã nói lên một lần nữa những câu kệ bắt đầu bằng, "Người không nên ban ra tất cả những sở hữu của mình."

Khi nghe qua điều này, *Ankura* bèn công bố phương châm và hành động mà vị ấy sẽ thực hành bằng bốn câu kệ, để cố gắng làm cho người kia thay đổi tâm ý của mình:

46. Thưa ngài, thực ra tôi vẫn muốn tiếp tục bố thí, và nếu điều ấy là đúng thời những người xứng đáng sẽ kết hợp với tôi; như đám mưa làm đầy chỗ đất thấp, tôi sẽ làm thỏa mãn tất cả những người đi đường.

47. Khi người trông thấy những người ăn xin thì sắc tướng của người trở nên tươi sáng

và khi người đã cho thì thấy vui thích; đây là hạnh phúc dành cho người sống ở nhà.

48. Khi người trông thấy những người ăn xin thì sắc tướng của người sẽ trở nên tươi sáng, và khi người đã cho rồi thì sẽ thấy hoan hỷ - đây là sự thực hành thành công của sự hy sinh.

49. Ngay trước khi bố thí người nên hoan hỷ; khi đang bố thí tâm của mình nên tịnh tín; khi người đã bố thí rồi, thì người cũng được vui thích; đây là lối thực hành thành công của sự hy sinh".

Khi *Aṅkura* đã công bố như vậy phương châm hành động mà vị ấy sắp thực hiện hằng ngày, vẫn duy trì sự bố thí vĩ đại, ý định của vị ấy về sự bố thí càng ngày càng được gia tăng nhiều hơn. Do bởi điều này khiến cho toàn thể vương quốc lúc bấy giờ phải dẹp qua công việc để nhường chỗ cho những lễ hội. Khi sự bố thí vĩ đại ấy đang tiến hành thì những người mà đã nhận được những phương tiện cần thiết cho cuộc sống đã bỏ mọi công việc làm ăn của họ và đi dạo quanh tùy thích.

Do bởi điều này khiến những kho báu của hoàng gia trở nên trống rỗng và nhân đó, các vị vua sai sứ giả đến *Aṅkura*, nói lại rằng, "vì những vật bố thí của Ngài, thừa Ngài, nền kinh tế của chúng tôi đã bị suy

sụp và những kho báu của chúng tôi đã trở nên trống rỗng. Ngài nên biết giới hạn thích hợp đến chừng mức mà vật thí nên được cho ra".

Khi nghe qua điều này, *Ankura* đi đến *Dakkhināpatha*, và tại vùng tamil sai dựng lên một số lớn những phước xá ở một chỗ không cách xa biển, và duy trì những sự bố thí vĩ đại của vị ấy ở đó trong suốt cuộc đời còn lại của vị ấy. Vào lúc thân hoại mạng chung, vị ấy tái sanh vào cõi ba mươi ba. Những người kiệt tập Tam tạng nói những câu kệ này để cho thấy sự vinh quang của những vật thí của vị ấy và sự tái sanh trong thiên giới của vị ấy:

50. Sáu chục ngàn cỗ xe chứa đầy vật thực thường xuyên được cho đến mọi người ở chỗ ngụ của *Ankura*, là người có con mắt nhìn về những việc phước.

51. Ba ngàn người nấu bếp, trang sức những bông tai có cần ngọc, là những người trông coi những vật thí cho sự dâng hiến, nhờ *Ankura* mà họ được sự nuôi mạng.

52. Sáu chục người đàn ông, là những chàng thanh niên trang sức những vòng tai có cần châu ngọc, chẻ củi ở chỗ bố thí vật thực vĩ đại của *Ankura*.

53. Sáu chục ngàn phụ nữ, tất cả đều trang sức và có mang châu ngọc, sửa soạn nhiều loại gia vị tại chỗ bố thí vĩ đại của *Aṅkura*.

54. Sáu chục ngàn phụ nữ, tất cả đều trang sức và có mang châu ngọc, đứng sẵn sàng với cái vá trong tay tại chỗ bố thí vĩ đại của *Aṅkura*.

55. Vị Sát-đế-ly này đã bố thí đôi dào đến nhiều người, vị ấy đã bố thí trong một thời gian dài, ân cần, bằng sự quan tâm chu đáo và bằng chính tay của vị ấy, nhiều lần, nhiều lần.

56. *Aṅkura* đã duy trì sự bố thí vĩ đại của vị ấy trong một thời gian dài, trong nhiều nửa tháng, trong nhiều mùa và nhiều năm.

57. Sau khi *Aṅkura* đã thực hành sự bố thí như vậy và hy sinh như vậy trong một thời gian dài như vậy, vị ấy từ bỏ thân xác của con người và đi đến cõi Ba mươi ba.

Trong khi vị ấy đang thọ hưởng sự vinh quang của chư Thiên sau khi đã sanh vào trong cõi ba mươi ba như vậy, trong thời của Đức Thế Tôn của chúng ta có một chàng trai tên là *Indaka*, là người với lòng tịnh tín trong tâm, đã cúng dường một muống vật thực đến Trưởng lão *Anuruddha* khi Ngài đang đi khát thực. Đến lúc vị ấy chết, do oai lực của việc phước đã gieo vào phước điền, được tái sanh trong

cõi ba mươi ba, làm một vị chư Thiên có oai lực và đại thần thông, chiếu sáng rực rỡ và vượt trội hơn vị chư Thiên *Aṅkura*, về mười thuộc tính như tướng mạo chư Thiên v.v... Vì lý do này, có lời nói rằng:

58. Sau khi cho một muống vật thực đến *Anuruddha*, *Indaka* bỏ thân xác của con người và đến cõi ba mươi ba.

59. Về mười cách, *Indaka* sáng chói hơn *Aṅkura*: Là dung sắc, giọng nói, vị, hương thơm và vật xúc chạm, tất cả đều khả ái với tâm.

60. Về thọ mạng và danh tiếng, nước da, sự hạnh phúc và quyền lực. Như vậy, *Indaka* sáng chói hơn *Aṅkura* .

Khi *Aṅkura* và *Indaka* thọ hưởng sự vinh quang của chư Thiên sau khi tái sinh trong cõi trời ba mươi ba như vậy thì Đức Thế Tôn của chúng ta, vào hạ thứ bảy sau khi chứng đắc nhất thiết trí, đã thị hiện song thông vào đêm trăng tròn của tháng *Āsālhī*, ở dưới gốc cây *Gaṇḍamba* gần cổng của thành *Sāvatthi*. Đúng lúc, Ngài đi bằng ba bước chân, đến cõi ba mươi ba và ngồi trên tảng đá *Paṇḍukambala* ở dưới chân của cây San hô, để thuyết giảng *Abhidhamma*.

Khi chiếu sáng rực rỡ như mặt trời mới mọc ở trên núi *Yugandhara*, Ngài chiếu ra hào quang từ chính thân của Ngài, vượt trội ánh sáng của những vị

chư Thiên đi chung và những vị *Brahma* đã hội họp ở đó từ mười ngàn thế giới. Ngài trông thấy *Indaka* ngồi ở gần bên, và *Aṅkura* ngồi ở cách xa mười hai do tuần, và nói lên câu kệ này với mục đích giải thích tầm quan trọng về pháp thành tựu nơi những bậc xứng đáng thọ lãnh vật cúng dường:

"Một sự bố thí vĩ đại đã được cho bởi người, này *Aṅkura*, trong một thời gian dài. Người lại ngồi quá cách xa, hãy đến trước mặt của Như Lai".

Khi nghe qua điều này, *Aṅkura* bèn bạch rằng, "Bạch Đức Thế Tôn, con đã cho ra nhiều vật thực trong một thời gian dài, và đầu con đã duy trì sự bố thí vĩ đại ấy, nhưng vì không có được những bậc xứng đáng thọ lãnh những lễ vật cúng dường, giống như hạt giống được gieo vào thửa ruộng có đất cằn cỗi, nên không có quả báu dồi dào. Nhưng đối với *Indaka*, đầu vị ấy chỉ cho một vật thí gồm một muống vật thực, bởi vì vị ấy có được người xứng đáng thọ lãnh vật cúng dường, nên có trở sanh, như hạt giống được gieo trên đám ruộng phì nhiêu, quả phước vô cùng dồi dào này. Những vị kiệt tập Tam tạng nói những câu kệ này để minh họa quan điểm này:

61. Khi Đức Phật, bậc cao quý nhất trong nhân loại, đang ngụ ở trên tầng đá *Paṇḍukāmpala* ở dưới chân của cây san hô trong cõi ba mươi ba. Những vị chư Thiên từ

mười ngàn thế giới đã đến tụ họp và tỏ sự tôn kính đến Đức Phật khi Ngài lưu lại trên đỉnh núi.

63. Chẳng có vị chư Thiên nào vượt trội Đức Phật về sắc tướng. Đức Phật trội hơn tất cả những vị chư Thiên ấy, riêng Ngài chiếu sáng rực rỡ.

64. Vào lúc ấy, *Ankura* ở cách xa mười hai do tuần trong khi *Indaka*, sáng chói hơn vị ấy, đang ở gần bên Đức Phật.

65. Đức Phật, khi nhìn vào cả *Ankura* và *Indaka*, bèn nói những lời này để đề cao những bậc đáng thọ lãnh vật cúng dường.

66. "Một sự bố thí vĩ đại được cho ra bởi người, này *Ankura*, trong một thời gian dài. Vậy mà Người đã ngồi quá cách xa, hãy đến trước mặt Như lai".

67. Bị thúc dục bởi bậc đã tu chứng, *Ankura* bèn đáp lại rằng, "những vật thí ấy có lợi ích gì cho con đâu? Chúng không có được những bậc xứng đáng thọ lãnh vật thí,

68. Trong khi đó, vị *Yakkha Indaka* này đã cho ra một vật thí có phần nhỏ bé, thế mà sáng chói hơn chúng con như mặt trăng sáng trội các vì sao.

69. Cũng như nhiều hạt giống được gieo trên đám ruộng khô cằn, nó không cho kết quả dồi dào cũng không làm hài lòng người gieo.

70. Cũng vậy, nhiều vật thí, khi được đặt vào trong những người có hạnh kiểm nghèo nàn, thì không cho kết quả dồi dào, cũng không làm hài lòng người cho.

71. Và cũng như, khi hạt giống ít mà được gieo trên một đám ruộng phì nhiêu và có những đám mưa thích hợp tưới xuống, thì kết quả làm hài lòng người gieo.

72. Cũng vậy, có quả lớn khi việc phước, đầu nhỏ nhất nhất, được làm đối với những người có bản tánh như có giới đức và có đức tánh khác..."

73. Những vật thí cho ra có sự phân biệt thời cái được cho ra có quả báo lớn. Khi những vật thí được cho ra với sự phân biệt thời những người bố thí sẽ đi đến cõi trời.

74. Bố thí với sự phân biệt được Đức *Sugata* tán dương. Cái mà được cho đến những Bạc xứng đáng thọ lãnh những vật cúng dường ở đây trong đời này thì có quả báo lớn như hạt giống được gieo trên thửa ruộng màu mỡ.

Khi bắt đầu bằng câu kệ rằng, "Một sự bố thí vĩ đại được cho ra bởi người", Ngạ quỷ sự về *Aṅkura* này được nêu lên bởi Bạc Đạo sư ở cõi ba mươi ba trước mặt các vị chư Thiên trong mười ngàn, nhằm mục đích giải thích tầm quan trọng của việc có được những bậc xứng đáng thọ lãnh những vật cúng dường.

Khi Ngài đã thuyết tụng *Abhidhamma* ở đó trong ba tháng và đã làm lễ Đại Tự Tứ vị *Deva* ấy của những vị chư Thiên đã đi xuống từ cõi trời ấy, được vây quanh bởi những hội chúng chư Thiên, đến thành phố *Sankassa*.

Đúng lúc, Ngài đến tại *Sāvatthi* và trong khi đang ngụ ở *Jetavana*, Ngài giảng giải chi tiết giữa tứ chúng nhằm mục đích giải thích tầm quan trọng của việc có được những bậc xứng đáng thọ lãnh những lễ vật cúng dường, bài pháp bắt đầu từ, "mục đích ấy mà nhờ đó chúng ta đang đi", và đưa giáo pháp đến đỉnh cao bằng thời pháp về tứ đế. Vào lúc kết thúc của thời Pháp ấy, tuệ quán về diệu pháp đã sanh lên trong vô số ngàn *Koṭi* chúng sanh.



II.10 UẤT ĐA LA MÃU QUỶ SỰ (UTTARAMĀTU PETAVATTHUVANNAṆĀ)

"Một vị Tỳ khưu mà đã đi để nghỉ trưa".

Đây là Ngạ quỷ sự về mẹ của *Uttara*. Đây là phần giải thích về ý nghĩa của nó.

Khi Hội kiết tập tam tạng lần thứ nhất đã được tổ chức tại chỗ nhập Niết bàn của Bạc Đạo sư, Đại Đức *Mahā Kaccāyana* đang ngụ cùng với mười hai vị Tỳ khưu trong một khu rừng nọ không cách xa thành *Kosambi*. Lúc bấy giờ, một vị Tư tế quan của vua *Udena*, là người trước kia đã trông coi những công việc của vị ấy trong thành phố ấy, đã chết. Bởi vậy đức vua cho gọi đứa con trai của ông ta đến, là một chàng thanh niên tên là *Uttara*, và bổ nhiệm cậu ta vào chức vụ quản đốc khi nói rằng, "Bây giờ người phải trông coi những công việc mà trước kia cha của người đã trông coi". "Thưa vâng", Cậu ta đáp lại. Vào một hôm nọ, cậu ta đi đến khu rừng, đem theo một số thợ mộc để kiếm một số gỗ về sửa sang thành phố. Trong khi ở tại đó, vị ấy đi đến chỗ ngụ của vị Trưởng lão đáng kính *Mahā Kaccāyana* và trông thấy Trưởng lão đang ngồi một mình ở đó và đang mặc những chiếc y được làm bằng vải vụn từ đồng rác. Thấy lòng tịnh tín khi trông thấy riêng oai nghi này của Ngài, vị ấy đánh lễ Trưởng lão, nói lời chào hỏi thân mật, và rồi ngồi xuống ở một bên. Rồi Trưởng lão thuyết pháp cho vị ấy. Khi đã nghe qua pháp, vị

ấy có đầy lòng tịnh tín đối với Tam bảo và, khi đã được an trú trong tam qui, bèn mời Trưởng lão, khi nói rằng, "Bạch Đại Đức, xin Ngài hãy bi mẫn mà nhận lời mời của con đến Ngài và Chư Tăng để đến thọ thực trong ngày hôm sau".

Trưởng lão nhận lời bằng cách im lặng. Rồi vị ấy rời khỏi chỗ ấy, đi đến thành phố và báo tin cho những thiện tín khác biết, khi nói rằng, "Tôi đã mời Trưởng lão trong ngày hôm sau. Các bạn cũng nên đến nhà của tôi nơi mà những vật thí sẽ được cho ra". Vào lúc sáng sớm của ngày hôm sau, vị ấy sai sửa soạn vật thực loại cứng và loại mềm, sai công bố rằng đã đến giờ và rời đi ra để đón tiếp Trưởng lão khi ngài đang đi đến với mười hai vị Tỷ khưu. Vị ấy đánh lễ họ và mời họ vào nhà. Khi Trưởng lão và các vị Tỷ khưu đã ngồi trên những chỗ ngồi đã được soạn sẵn với những đồ trái đặc giá và thích hợp, vị ấy cúng dường đến các Ngài vật thơm, những bông hoa, hương trầm và đèn nến; và làm thoả mãn các Ngài bằng đồ ăn và thức uống thượng vị. Đầy lòng tịnh tín và với hai tay chấp lại trong thái độ tôn kính, vị ấy lắng nghe lời tùy hỷ của các Ngài.

Khi Trưởng lão đang đi, sau khi sự phúc chúc cho bữa thọ thực đã được thực hiện, vị ấy cầm lấy bát Trưởng lão và, khi đi theo các Ngài, rời khỏi thành phố. sau khi đã thỉnh Trưởng lão quay lui, vị ấy thỉnh cầu Trưởng lão rằng, "bạch Ngài, Ngài nên viếng

thăm nhà con thường xuyên", và rồi trở về sau khi biết được Trưởng lão đã nhận lời mời. Do sự hầu hạ Trưởng lão như vậy, vị ấy được an trú trong giáo giới của Trưởng lão và chứng đắc quả thánh Tu-đà-hườn. Vị ấy sai dựng lên một phước xá, khiến cho tất cả quyến thuộc của vị ấy được tìm thấy đức tin trong giáo pháp. Tuy nhiên, mẹ của vị ấy, có tâm bị che mờ bởi lòng bòn xén và hay chửi mắng vị ấy như vậy, "Câu cho đồ ăn và thức uống này mà mày đã cho đến các vị Sa-môn như vậy, trái nghịch với ước muốn của tao, sẽ biến thành máu nhơ cho người trong kiếp sau!" Tuy nhiên bà ta, đã bỏ ra một cành thoa bằng lông đuôi của con chim công để dâng cúng nó trong ngày đại nhựt của tịnh xá ấy. Khi bà ta chết và tái sinh trong cõi Nga quý và do quả phước của vật thí bằng cái thoa từ lông đuôi của con chim công nên tóc của bà ta đen, mượt, xoắn ở đuôi tóc, mịn và dài. Khi nữ quý đi xuống dòng sông với ý định sẽ uống nước", thì dòng sông ấy biến thành máu. Trong năm mươi lăm năm nàng đi lang thang, bị đói và khát.

Rồi một hôm nọ nàng trông thấy Trưởng lão *Kaṇkhārevata* đang ngồi trên bờ sông để nghỉ trưa. Nữ quý đi đến Trưởng lão trong khi che mình bằng mái tóc dài và xin Ngài một ít nước. Liên quan đến điều này, lời nói sau đây được nói đến, hai câu kệ cuối đã được lồng vào ở đây bởi những vị kiết tập Tam tạng:

1. "Con Nữ Ngạ quỷ trông xấu xí và ghê sợ ấy đi đến một vị Tỳ khưu mà đã đi nghỉ trưa và đang ngồi ở trên bờ sông hằng.

2. Tóc của nàng rất dài, xõa xuống đến đất. Được che phủ bởi tóc của nàng, nàng nói với vị Sa-môn như vậy.

3. Trong năm mươi lăm năm từ khi con chết, con không biết là đã ăn hay đã uống nước như thế nào xin hãy cho con một ít nước, thưa Ngài, con bị khô khát vì thiếu nước.

Từ đây trở đi là những câu kệ nói về cuộc vấn đáp qua lại giữa Trưởng lão và nữ Ngạ quỷ:

4. "Nước mát của sông Hằng chảy xuống từ Hi mã Lạp sơn, người có thể lấy một ít ở đây mà uống. Tại sao lại xin nước ở nơi ta?"

5. "Thưa Ngài, nếu chính con lấy nước từ sông Hằng thì nó sẽ biến thành máu dành cho con. Đó là lý do khiến con xin nước".

6. "Ác nghiệp nào được làm bởi người do thân, khẩu hoặc ý? Do kết quả của ác nghiệp nào khiến nước biến thành máu dành cho người?"

7. "Thưa Ngài, con trai của con là *Uttara*, có đức tin và là một Thiện nam đã chống lại ý

muốn của con, nó cúng dường đến cho những vị Sa-môn những y phục và bỏ vật thực, những vật dụng và những chỗ ngụ.

8. Nhưng con, bị khuấy động bởi lòng bòn xén, đã nguyên rủa nó như vậy, "Câu cho những chiếc y và vật thực bố thí, những vật dụng và những chỗ ngụ mà mày bỏ cho những vị Sa-môn, chống lại ý của con.

9. Câu cho điều này hãy biến thành máu dành cho người trong kiếp sau, này *Uttara*, chính do kết quả của nghiệp ấy khiến cho sông Hằng trở thành máu dành cho con ".

Rồi Đại Đức *Revata* đã cho một số nước đến chư Tăng nhân danh nữ Ngạ quỷ, đi khát thực và lấy vật thực mà vị ấy đã nhận lãnh được đem dâng đến chư Tăng. Vị ấy lượm những miếng vải từ đồng rác v.v... rửa sạch chúng rồi kết thành những tấm nệm và tấm thảm, và cho đến các vị Tỳ khưu. và bằng cách này, nữ Ngạ quỷ ấy đạt đến sự vinh quang của chư Thiên. Nàng đi đến Trường lão và cho Trường lão thấy sự vinh quang của chư Thiên mà nàng đã đạt được. Trường lão giải thích vấn đề ấy với tứ chúng mà đã đến trước mặt Trường lão và rồi ban ra một thời pháp thoại. Dân chúng, đầy xúc động, nhờ đó được thoát khỏi bợn nhơ của lòng bòn xén và lấy làm hoan hỷ trong những thiện pháp như bố thí v.v...

Quý sự này nên được xem là đã được kết thúc trong bản sưu tập này tại hội kiết tập lần thứ hai.



II.11 TƯ NGẠ QUỶ SỰ (*SUTTA PETAVATTHUVANNAṆĀ*)

"Trong quá khứ tôi đã cho một vị Tỷ khưu, một người đã xuất gia".

Đây là Ngạ quỷ sự về sợi chỉ. Câu chuyện đã bắt nguồn như thế nào?

Tương truyền rằng, trên bảy trăm năm trước khi Bậc Đạo Sư của chúng ta ra đời, ở trong một ngôi làng nọ không cách xa thành (*Savatthi*), có một chàng trai nọ đã hộ độ một vị Phật Độc Giác. Khi anh ta đến tuổi Trưởng thành, người mẹ kiếm về cho anh ta một đứa con gái của một gia đình tốt từ dòng dõi có địa vị ngang hàng, nhưng chính ngày mà cậu ta sắp kết hôn thì chàng trai, khi đã đi chung với một số bạn bè để tắm, bị một con rắn cắn chết. Người ta còn nói rằng chính vì cậu ta bị một con dạ xoa nhập vào. Dầu cậu ta đã làm nhiều việc thiện bằng sự hộ độ ấy của cậu ta đến Đức Phật Độc giác, tuy nhiên, vì cậu ta luyến ái với cô gái nên phải sanh làm một *Vimāna Peta*, nhưng có thần thông và oai lực lớn. Khi muốn đem cô gái vào trong cung điện của mình, vị ấy tự nghĩ rằng. "Bây giờ bằng cách nào để nàng có thể làm

một việc phước, để sống và hưởng những khoái lạc của tình yêu với ta ở đây trong chính cuộc sống này? Trong khi vị ấy đang suy xét cách để nàng có thể sống trong sự vinh quang của ái lạc thần tiên thì trông thấy một vị Phật Độc Giác đang làm y. Vị ấy đi đến trong hình tướng của con người và đánh lễ Ngài, rồi hỏi rằng: "Bạch Ngài, Ngài có cần chi không?" "Chúng ta đang làm những chiếc y, này thiện nam", Đức Phật Độc giác đáp lại. Vị ấy chỉ về ngôi nhà của cô gái mà nói rằng, "Thôi được, Ngài nên đi và xin một ít chỉ ở tại chỗ đó". Đức Phật Độc giác đi đến đó và đứng ở cửa nhà.

Khi nàng trông thấy Đức Phật Độc giác đang đứng ở đó, nàng nhận ra rằng Bậc Ứng cúng đang cần một ít chỉ từ nàng và, với lòng tịnh tín trong tâm, đã dâng đến Ngài một cuộn chỉ. Rồi vị chư thiên trong lốt người ấy đi đến nhà của cô gái, xin phép mẹ của nàng và sống với nàng trong vài ngày. Để giúp đỡ mẹ của nàng, vị ấy bỏ đầy tiền và vàng trong tất cả những cái hũ trong nhà của họ và viết tên của vị ấy ở trên tất cả các cái hũ, khi nói rằng, "Của cái này đã được cho bởi các vị chư thiên thì sẽ không ai có thể lấy được", rồi dẫn cô gái vào trong cung điện của vị ấy. Mẹ của nàng, khi đã có được nhiều của cải này, bèn cho đến những quyến thuộc của mình, đến những người nghèo khổ và những người vô gia cư v.v... Và chính bà ta cũng dùng nó. Khi bà ta đang

cơn hấp hối, bà ta nói với những quyến thuộc rằng, "Nếu con gái của tôi đến thì hãy chỉ cho nó của cải này" Và rồi mệnh chung.

Rồi bảy trăm năm sau khi Đức Thế Tôn của chúng ta xuất hiện trong thế gian và lăn bánh xe chánh pháp, và đến đúng lúc đang trú ngụ ở *Sāvatthi*, sự bất mãn sanh đến cho người đàn bà đang sống với vị phi nhân. Nàng nói với vị ấy rằng, "Thưa lang quân, hãy đem em trở lại với căn nhà của chính em", và rồi nói lên những câu kệ này:

1. "Trong quá khứ tôi đã cho đến một vị Tỳ khưu, đến một người xuất gia, số chi mà vị ấy đã đến xin tôi. Do kết quả của điều ấy, phước báu đôi dào được thọ lãnh và nhiều *Koṭi* y phục đã xuất hiện dành cho tôi.

2. Cung điện của chàng được trải ra bằng những bông hoa và trông khá ái, nó có vô số bức tranh và được hầu hạ bởi những người đàn ông và đàn bà. Tôi sử dụng nó và tự mặc y phục, tuy nhiên nhiều vật sở hữu vẫn không hết.

3. Do kết quả của việc phước ấy, hạnh phúc và khoái lạc được thọ lãnh ở đây. Khi tôi lại đi đến cõi người một lần nữa, tôi sẽ quyết tâm làm những việc phước. Xin hãy đem tôi đi, thưa lang quân".

Khi nghe qua điều này, vị phi nhân ấy, không muốn đi vì do lòng ái luyến và cũng thương hại cho nàng, bèn thốt lên câu kệ này:

4. "Đã bảy trăm năm từ khi em đến đây. Em sẽ già và tại đó sẽ bệnh lão, và tất cả những quyền thuộc của em có lẽ đã chết rồi. Em sẽ làm gì khi từ đây em đi đến chỗ đó?"

Khi vị ấy đã nói như vậy, nàng bèn nói mà không tin điều mà vị ấy đã nói, và thốt lên câu kệ này:

5. "Chỉ có bảy năm kê từ khi đến đây, em có được hạnh phúc thần tiên. Khi em đã trở lại cõi người một lần nữa, em quyết định làm những việc phước. Hãy đem em đi, thưa lang quân."

Khi nàng đã nói như vậy, vị *Vimānā Peta* ấy bèn khuyên nàng bằng nhiều cách, "Em sẽ không sống ở đó trên bảy ngày kể từ bây giờ. Sẽ có một số của cải được cho bởi ta và do mẹ em cất. Hãy cho nửa số của cải này đến các vị Sa-môn và Bà-la-môn với ước muốn rằng, em có thể sanh lên ngay tại đây," Khi đã nói điều này, vị ấy bèn nắm lấy tay nàng và đặt nàng ở giữa ngôi làng của nàng, khi nói cho nàng biết rằng nàng nên sách tấn những người khác, mà cũng đến đó, làm những việc phước theo khả năng của họ, và rồi vị ấy ra đi. Vì lý do này mà có lời nói rằng:

6. Vị ấy cầm chắc cánh tay của nàng và dẫn nàng về, sắp già và yếu đuối, khi nói rằng, "Nàng hãy bảo những người khác mà cũng đến đây rằng, "Hãy làm những việc phước, rồi hạnh phúc sẽ nhận được".

Để cho nàng thấy điều nào sẽ phải nói, "Những người khác mà cũng đã đến" v.v... Được nói đến. Đây là ý nghĩa: "Này em yêu, em nên làm những việc phước và em nên bảo những người khác, nên sách tấn những người khác mà đã kéo đến đây để thăm em, rằng, "Thưa các bạn kính mến, cho dù cái đau của các bạn và y phục của các bạn bị cháy sáng, các bạn cũng không biết điều này và hãy làm những việc phước, như bố thí v.v... Vì khi những việc phước đã được làm rồi, thì hạnh phúc là quả của chúng chắc chắn sẽ nhận được, đừng sanh tâm nghi ngờ gì về điều này cả!"

Khi vị ấy đã nói lên điều này và đã đi khỏi chỗ đó, người đàn bà đi đến chỗ ngụ của những quyến thuộc của nàng và cho họ biết nàng. Nàng lấy của cải mà họ dâng đến và, khi cho những vật thí đến các vị Sa-môn và Bà-la-môn, bèn sách tấn tất cả mọi người mà đi đến trước mặt nàng, bằng câu kệ này:

7. "Những *Peta* và những con người cũng vậy đã được tôi trông thấy khi họ đi đến chỗ ưu bi do không làm điều gì tốt đẹp, cũng như các vị chư thiên và nhân loại là những chúng

sanh an trú trong hạnh phúc, sau khi làm những việc phước mà quả sẽ được thọ hưởng là hạnh phúc".

Khi đã sách tấn họ như vậy, nàng tổ chức một cuộc bố thí cúng dường đến các vị Sa-môn và Bà-la-môn, kéo dài trong bảy ngày. Vào ngày thứ bảy, nàng chết và tái sinh trong cõi Ba mươi ba. Các vị Tỳ khưu nêu lên vấn đề với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết giảng chánh pháp cho hội chúng đã hội hợp ở đó. Ngài đã giải thích chi tiết về lợi ích lớn và quả báu lớn của những vật thí được dâng đến chư Phật Độc Giác. Khi nghe qua pháp thoại này, họ được thoát khỏi bợn nhơ của lòng bòn sẻn và lấy làm thoả thích trong những việc phước như bố thí v.v...



II.12 VÔ NHĨ KHUYỄN CẦU QUÝ SỰ **(KAṆṆAMUNḌA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)**

"Những bậc thang của người bằng vàng".

Câu chuyện này được nói đến trong khi Bạc Đạo sư đang ngụ ở *Sāvatthi*, liên quan đến nữ Ngạ quý *Kaṇṇa Munḍa*.

Tương truyền rằng cách đây đã lâu, trong thời kỳ của đức Phật *Kassapa*, tại kinh đô *Kimbilā* có một vị thiện nam nọ, là bậc thánh Tu-đà-huờn và có cùng

một đức tin với năm trăm vị thiện nam khác. Vị ấy siêng năng làm những việc phước như trồng những vườn cây khả ái, đắp đê, làm cầu v.v... Và trong khi đang ngụ ở đó, vị ấy cho dựng lên một Tinh xá dành cho chư Tăng và thỉnh thoảng đi với họ đến tinh xá ấy. Những người vợ của họ cũng là những tín nữ và trong khi, thỉnh thoảng, đi đến đó trong sự hoà hợp với nhau và, mang theo những vật thơm, những tràng hoa và dầu xức... dọc đường họ muốn nghỉ chân ở những khu vườn khả ái và những nhà nghỉ v.v... trước khi tiếp tục đi. Rồi một hôm nọ, một số tên lừa đảo đang ngồi với nhau ở một trong những nhà nghỉ, chú ý đến sắc đẹp của họ khi họ bỏ đi sau khi đã nghỉ ở đó, và đã đem lòng ái luyến những nữ nhân ấy. Khi chúng nhận biết rằng những nữ nhân ấy có giới hạnh, chúng bắt đầu nói chuyện với nhau khi tự hỏi rằng, "Ai có thể làm nứt rạn giới của một người nào đó trong nhóm nữ nhân này?" "Tôi có thể", một người trong bọn chúng nói lên. Chúng đánh cuộc rằng, "Chúng ta đánh cuộc một ngàn đồng. Nếu anh không làm được điều ấy thời anh phải nộp cho chúng tôi một ngàn đồng".

Khi cố gắng bằng vô số cách, do bởi lòng tham được tiền và sợ thua cuộc, anh ta chơi đàn bảy dây, tạo ra những tiếng nhạc du dương, khi họ đi đến nhà nghỉ. Khi hát những bản nhạc mang tánh chất khiêu dâm với giọng hát ngọt ngào của anh ta, bằng âm

thanh của bản nhạc ấy, anh ta đã khiến cho một người đàn bà nọ trong bọn họ làm rạn nứt giới hạnh của nàng, rồi tà dâm với nàng và được một ngàn đồng từ những tên lưu manh ấy. Những người mà thua một ngàn đồng bèn thuật lại vấn đề ấy với chồng của nàng. Vì không tin họ, nên vị ấy hỏi nàng rằng: "Cô có làm như những người này nói không?" "Tôi không biết điều gì như thế cả", nàng phủ nhận. Thấy anh ta không tin nàng, nàng bèn chỉ về một con chó mà đang đứng gần đó và thề rằng, "nếu em làm một điều gì ác như thế này, thì xin cho con chó bị đứt tai ấy ăn thịt của em ở bất cứ nơi nào mà em sanh ra". Dầu năm trăm nữ nhân ấy biết rằng nàng là một kẻ tà dâm, khi được hỏi rằng, "cô ta đã có phạm một ác nghiệp như thế hay không?" họ nói dối rằng,

"Chúng tôi không biết như thế đâu", và thề rằng, "Nếu chúng tôi biết điều này thời xin cho chúng tôi làm những nô lệ của nàng trong tất cả những kiếp sống mai sau".

Bấy giờ người đàn bà tà dâm trở nên gầy mòn ốm yếu do bị dẫn vật bởi lương tâm cắn rứt và, chẳng bao lâu sau thì chết. Nàng sanh làm một *Vimānapetī* ở trên bờ hồ *Kaṇṇamunḍa*, là một trong bảy cái hồ lớn của núi *Himālāya*, chúa của các núi, và ở bên ngoài quanh khắp cung điện của nàng có sanh lên một hồ sen thích hợp để cho nàng hưởng quả của các nghiệp của nàng. Khi năm trăm nữ nhân còn lại chết, họ

sanh làm những nô lệ của nàng do bởi lời thề của họ. Do quả của những việc phước được làm trước kia, nàng thọ hưởng sự vinh quang thần tiên ở đó suốt ngày, nhưng vào lúc nửa đêm, bị thúc dục bởi những năng lực của những ác nghiệp của nàng, nàng đứng dậy khỏi chiếc giường của nàng và đi đến bờ của hồ sen. Khi nàng đi đến đó, thì một con chó đen có cỡ bằng con voi trẻ, có hình tướng ghê sợ, hai tai bị đứt, những cái răng nanh dài lồi ra, nhọn và trông dữ tợn, đôi mắt của nó mở rộng và giống như những cục than cháy đỏ của gỗ *Acacia*, lưỡi của nó thè ra như một tia chớp không bị đứt đoạn, những cái móng nhọn và trông dữ tợn, và lông bờm xồm, dài một cách dị hợm, nhân đó nó đến và vật nàng xuống đất, hùng hổ xé xác nàng như người bị đói quá mức. Khi nó đã ăn thịt nàng đến chỉ còn một bộ xương, nó dùng những cái nanh của nó tha nàng đi và ném nàng vào trong hồ sen rồi biến mất. Khi bị ném vào trong đó, ngay tức thì nàng trở lại hình tướng bình thường của nàng, và sau khi trèo đến cung điện của nàng, nàng lại nằm trên chiếc giường. Tuy nhiên, những người khác thì phải chịu khổ do phải làm nô lệ cho nàng mà thôi.

Chúng tiếp tục sống ở đó theo cách này cho đến khi năm trăm mười năm đã trôi qua, nhân đó chúng trở nên bất mãn vì chúng tiếp tục thọ hưởng sự vinh quang của thần tiên như vậy mà không có sự hiện diện của người đàn ông nào. Bấy giờ, ở đó có một con

sông chảy ra từ hồ *Kaṇṇamunda* và chảy vào sông Hằng sau khi đi ngang qua một khe núi. Gần chỗ ngụ của họ là một khu rừng giống như một khu vườn khả ái được trang điểm bởi nhiều trái cây của chư Thiên, những cây xoài mít v.v... Chúng suy nghĩ như vậy, "bây giờ, nếu chúng ném những trái xoài này xuống con sông thì chắc chắn sẽ có một người nào đó trông thấy nó và đi đến do muốn được những trái như vậy, và rồi chúng ta có thể vui chơi với người đàn ông ấy. Và chúng đã làm đúng điều này. Một số trái xoài mà chúng ném được vớt lên bởi những vị Đạo sĩ, một số bởi những người thợ rừng và một số dính vào bờ sông. Tuy nhiên có một trái trôi theo dòng nước của sông Hằng, và đúng lúc đến tại xứ Ba-la-nại.

Lúc bấy giờ, vua của xứ Ba-la-nại đang tắm ở trong dòng sông Hằng bên trong vòng đai lưới bằng đồng, và trái xoài ấy, trôi đi theo dòng nước, đúng lúc trôi đến và dính vào cái lưới bằng đồng ấy. Khi những quân hầu của Đức vua trông thấy trái xoài của chư thiên đồ sộ ấy và có đầy màu sắc, hương vị. Họ dâng trái xoài ấy đến Đức vua. Đức vua lấy một phần và để thử nó, bèn cho nó đến một tên cướp đang bị giam ở trong tù, chờ ngày xử trảm, ăn nó. Khi anh ta đã ăn nó rồi, anh ta bèn nói rằng, "Tâu bệ hạ, trước kia chưa bao giờ thần được ăn một trái xoài như vậy; theo thần nghĩ, đây chắc là một trái xoài của chư thiên". Đức vua cho anh ta một lát xoài nữa, và khi

anh ta đã ăn nó thì tóc bạc của anh ta và những nét
nhân biến mất, và anh ta trở nên vô cùng hấp dẫn về
sắc tướng, giống như người vẫn còn trong thời thơ ấu
của mình. Khi đức vua trông thấy điều này, vị ấy đầy
ngạc nhiên và tò mò, bèn ăn trái xoài và được tánh
thanh lịch về thân. Vị ấy hỏi những quân hầu của
mình rằng, "những trái xoài như vậy được tìm thấy ở
đâu?" "Người ta đồn rằng nó ở trên núi *Himālaya*, là
vua của các núi, râu bệ hạ", quân hầu nói và khi được
hỏi, "có thể đi hái chúng đem về được không?" chúng
nói rằng, "Những người thợ rừng chắc biết, râu bệ
hạ". Đức vua cho gọi những người thợ rừng đến, nói
cho họ biết vấn đề và rồi hỏi ý kiến của họ. Vị ấy cho
một ngàn *Kahāpana* đến một người thợ rừng nghèo
khổ và sai anh ta đi khi nói rằng, "Hãy đi nhanh và
đem về trái xoài như thế này cho ta".

Anh ta trao một ngàn *Kahāpana* cho vợ và các
con, lấy những thứ dự trữ cho chuyến hành trình và
đi ngược dòng sông Hằng, hướng về hồ
Kaṇṇamunda. Khi anh ta đã đi khỏi những con
đường đi của loài người, anh ta trông thấy một đạo sĩ
ở một chỗ nằm bên dưới hồ *Kaṇṇamunda* xa sáu
chục Do tuần. Khi đi dọc theo con đường được mô tả
bởi vị ấy, anh ta lại trông thấy một đạo sĩ ở một chỗ
xa hơn ba mươi do tuần. Khi đi dọc theo con đường
được mô tả bởi vị đạo sĩ này, anh ta lại trông thấy
một Đạo sĩ nữa ở một chỗ xa hơn ba mươi do tuần.

Khi đi dọc theo con đường được mô tả bởi vị ấy, anh ta lại trông thấy một Đạo sĩ khác ở một chỗ xa mười lăm do tuần và nói cho vị ấy biết lý do về chuyến đi của mình. Đạo sĩ khuyên anh ta rằng: "Từ đây đi tiếp, anh sẽ rời khỏi con sông Hằng to lớn này và đi theo một con sông nhỏ ngược dòng cho đến khi anh trông thấy một khe núi, khi đó anh sẽ cầm một cây củi đang cháy dở và đi vào lúc đêm tối. Khi con sông không chảy vào lúc đêm tối thì đây là thời gian thích hợp để anh đi tiếp. Khi anh đã đi được vài do tuần, anh sẽ trông thấy những trái xoài". Anh ta làm đúng điều này và khi mặt trời mọc, anh ta đến rừng xoài vô cùng hấp dẫn ấy; ở đó vang dội những bài ca của những đàn chim thuộc nhiều loại và được tô điểm bởi những khóm cây và những nhánh trái ra của chúng oằn xuống dưới thấp do sức nặng của những trái xoài mà chúng mang. Quang cảnh thật lộng lẫy bởi những chùm hào quang của những loại ngọc báu.

Khi những thiếu nữ phi nhân ấy trông thấy anh ta đang đi đến ở một khoảng xa, chúng chạy đến anh và nói rằng, "Người đàn ông này thuộc về của tôi! Người đàn ông này thuộc về của tôi!". Tuy nhiên khi anh ta trông thấy họ, thì anh ta lấy làm sợ hãi, vì anh ta không phải là người đã làm những việc phước để được thọ hưởng sự vinh quang của thần tiên ở đó với chúng, và khi kêu to, bèn chạy đi và thuật lại biến cố ấy với Đức vua sau khi anh ta đi đến Ba-la-nại. Khi

đức Vua nghe qua điều này thì vị ấy đây mong ước được trông thấy mỹ nhân ấy và được ăn những trái xoài ấy. Bởi vậy, vị ấy giao vương quốc cho những vị quan cố vấn đặc biệt của mình, và khi lấy cơ là đi săn, bèn đi theo con đường được chỉ bởi người thợ rừng. Được theo hầu bởi một nhóm tùy tùng, vị ấy để quân hầu của mình ở một chỗ cách xa vài do tuần và tiếp tục dẫn người thợ săn đi và. Đến đúng lúc, vị ấy cũng cho anh ta quay lui từ đó và đi vào khu rừng xoài khi mặt trời đang mọc lên.

Khi những thiếu nữ trông thấy vị ấy như một vị chư thiên mới sanh lên, họ bèn đi ra để đón tiếp vị ấy. Rồi khi nhận ra rằng, đó là vua, họ khởi lên tình cảm rạo rạo và lòng kính trọng. Họ tắm cho đức vua thật chu đáo và trang điểm cho vị ấy một cách xinh đẹp bằng những y phục, vật trang sức, tràng hoa, vật thơm và dầu xức của chư thiên, rồi dẫn vị ấy lên cung điện của họ. Ở đó, họ cho vị ấy ăn vật thực của chư thiên có những hương vị hào hạng, hầu hạ vị ấy theo những sở thích của vị ấy.

Rồi sau một trăm năm đã trôi qua, đức vua thức dậy vào lúc nửa đêm và, trong khi đang ngồi, trông thấy nữ *Petī* bị nghiệp tà dâm ấy đang đi đến bờ của hồ sen. Vị ấy đi theo nàng vì muốn khám phá xem nàng có thể đang đi đâu vào giờ ấy trong đêm, và trông thấy nàng bị ăn thịt bởi con chó khi nàng đi đến đó. Vị ấy suy gẫm vấn đề ấy trong ba ngày mà

vẫn không hiểu được chuyện gì, rồi quyết định rằng chắc đó là kẻ thù của nàng và quyết định giết chết con chó, bắn nó bằng một cây tên nhọn. Rồi vị ấy nhận chìm nàng vào trong hồ, khi đó vị ấy trông thấy rằng nàng đã lấy lại hình tướng xưa cũ của nàng, vị ấy bèn hỏi nàng về những biến cố ấy bằng những câu kệ này:

1. "Những bậc thang của người bằng vàng và được rải ra bằng cát vàng; có những hoa súng trắng ở đó thật khả ái, thơm dịu dàng và khiến tâm được vui thích;

2. Được che mát bằng nhiều loại cây và tràn ngập bởi tất cả các loại hương thơm; được che phủ bằng nhiều loại sen, được phủ lên bằng những sen trắng,

3. đầy mê ly, chúng thoảng đưa mùi thơm khả ái khắp quanh khi được quạt bởi làn gió nhẹ; có vang dội những tiếng kêu của loài thiên nga và cò, vang dội tiếng kêu của những con ngỗng hồng.

4. Có nhiều đàn chim xúm lại và đây những bản nhạc của những đàn chim ấy; những khóm cây mang nhiều loại trái và những rừng cây mang nhiều loại hoa.

5. Giống như một thành phố như thế này thì không tìm thấy được trong nhân loại. Và nàng có nhiều cung điện được làm bằng bạc

và bằng vàng, làm loé mắt, chúng chiếu sáng khắp bốn hướng.

6. Những người này mà là những người hầu của nàng, đó là năm trăm nô lệ của nàng; chúng mang những chiếc vòng tay và vòng đeo cổ, và đầu của chúng được trang sức bởi những tràng hoa đội đầu bằng vàng.

7. Có nhiều chiếc giường của nàng, được làm bằng bạc và bằng vàng, và được phủ lên những tấm da của non sơn dương, được khéo trưng bày và trải bằng những tấm lông cừu dài.

8. Khi nàng đã đi nghỉ ở trên đó, nàng có đôi dào tất cả gì nàng mong ước, tuy vậy vào lúc nửa đêm đến, nàng thức dậy khỏi chỗ đó và đi ra.

9. Nàng đi đến chỗ khả ái và đứng trên đám cỏ xanh mướt bao quanh toàn thể hồ sen ấy.

10. Nhân đó có một con chó bị mất tai cắn xé từng chi thể của nàng, và khi nó đã ăn thịt nàng, nó khiến cho nàng chỉ còn bộ xương, rồi nàng chìm vào trong hồ sen và thân của nàng lại giống y như trước.

11. Rồi với những chi thể được phục hồi, trông xinh đẹp và diễm kiều, nàng mặc vào y phục và đi đến trước mặt ta.

12. Bây giờ ác nghiệp nào được bởi nàng bằng thân, khẩu, ý? Do kết quả của nghiệp nào khiến cho con chó không có tai ăn thịt các chi thể của nàng?"

Khi được hỏi như vậy bởi đức vua, *Petī* ấy bèn thốt lên năm câu kệ để kể lại câu chuyện về nàng cho vị ấy nghe từ đầu:

13. Tại *Kimbilā* có một gia chủ, là một thiện nam có đức tin; thiếp là vợ của vị ấy, nhưng lại có ác hạnh và ngoại tình.

14. Chồng của thiếp nói điều này với thiếp trong khi thiếp đã tà dâm như vậy, "Điều này không thích hợp cũng không hay". Đó là chuyện nàng đã gian dâm phản bội lại ta bằng cách ấy".

15. Thiếp đã nói một lời dối trá kinh khủng khi thiếp thề rằng, "Em đã không ngoại tình chống lại anh bằng thân hoặc bởi ý".

16. Nếu em ngoại tình chống lại anh hoặc bằng thân hoặc bằng ý, thì xin cho con chó không có tai ấy ăn thịt các chi thể của em".

17. Chính do kết quả của ác nghiệp ấy và do bởi sự kiện rằng thiếp đã nói dối, nên đã bảy trăm năm qua thiếp bị ăn thịt từng chỉ thê bởi con chó không có tai ấy.

Khi nàng đã nói như vậy, nàng bèn nói lên hai câu kệ để tán dương sự phục vụ mà vị ấy đã đem đến cho nàng:

18. Và Ngài, râu bệ hạ, đã đến đây vì thiếp và đã giúp đỡ nhiều; thiếp đã được thoát khỏi con chó không tai ấy và không còn sầu khổ; chẳng có gì đề sợ từ bất cứ hướng nào.

19. Thiếp xin cúi mình trước bệ hạ, râu bệ hạ, và chúc bệ hạ. Mãi thọ hưởng tất cả những dục lạc của phi nhân, râu bệ hạ, hãy vui chơi với thiếp".

Rồi đức vua chán cuộc sống ở đó và cho biết ý định muốn ra đi của vị ấy. Khi nghe qua điều này peti ấy, do bởi sự luyến ái của nàng với đức vua, bèn nói lên câu kệ bắt đầu rằng,: "Thiếp xin cúi mình trước Ngài, râu bệ hạ", Và nài nỉ hãy ở lại ngay tại đây. Nhưng đức vua, quyết chí ra đi, bèn nói câu kệ kết thúc, để công bố ý định của vị ấy:

20. Ta đã thọ hưởng những dục lạc này của phi nhân và đã vui chơi với nàng. Hỡi con người may mắn của ta, ta xin nàng, hãy nhanh chóng đem ta trở lại.

Khi *Vimānapetī* ấy đã nghe qua những lời mà đức vua đã phải nói thì nàng không thể chịu sự chia ly của họ. Với tâm bối rối và đau đớn vì sâu khổ, thân của nàng run rẩy, cho dù nàng đã nài xin bằng nhiều cách, nàng cũng không thể thuyết phục Đức vua ở lại đó. Nàng đưa đức vua đến kinh đô, mang theo nhiều châu báu có giá trị và dẫn vị ấy lên cung điện và, sau khi nàng khóc lóc và ta thán, nàng bèn trở lại chỗ ngụ riêng của nàng. Bấy giờ đức vua, đã trông thấy điều này, đây xúc động, vị ấy thực hành những việc phước như bố thí v.v.. Và được sanh về thiên giới. Rồi khi Đức Thế Tôn của chúng ta đã xuất hiện trong thế gian và lăn bánh xe chánh pháp và đến lúc đang trú ngụ ở *Sāvatthi*, Đại Đức *Moggallāna*, vào một hôm nọ khi đi dạo quanh trên những ngọn núi, trông thấy người đàn bà ấy với tùy tùng của nàng và hỏi nàng về nghiệp mà nàng đã tạo. Nàng bèn kể lại mọi chuyện với Trưởng lão kể từ đầu. Trưởng lão nêu lên vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Ngài lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết pháp đến hội chúng đã hội họp ở đó. Mọi người, sau khi có được sự xúc động này, bèn từ bỏ những ác nghiệp và thực hành những việc phước như bố thí v.v... Thoả thích trong chánh pháp và được sanh về Thiên giới.



II.13 UẤT BA LỢI QUÝ SỰ (*UBBARĪ PETAVATTHUVANNA*)

"*Này Brahmādatṭa, có một vị vua*".

Bậc Đạo sư, trong khi đang ngụ ở *Jetavana*, đã kể lại quý sự *Ubbarī* này, liên quan đến một vị thiện nam nọ.

Tương truyền rằng tại *Sāvatthi*, có một người chồng của tín nữ nọ đã chết và nàng, sầu muộn vì nỗi khổ chia ly giữa hai vợ chồng, thường đi đến chỗ thiêu xác của người chồng và khóc lóc ta thán cho vị ấy. Khi Đức Thế Tôn trông thấy rằng nàng có đủ duyên lành để chứng đắc quả thánh Tu-đà-huờn, tâm của Ngài bị kích thích bởi lòng bi mẫn, bèn đi đến nhà của nàng và ngồi ở chỗ ngồi đã được soạn sẵn. Nàng tín nữ đi đến Đức Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống ở một bên. Rồi Bậc Đạo sư hỏi nàng rằng, "Này tín nữ, có phải nàng đang than khóc đó không?" Khi nàng nói rằng, "Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn, con khóc than vì phải chia ly với người con yêu dấu", Ngài bèn kể lại một biến cố trong quá khứ, khi muốn diệt trừ ưu bi cho nàng:

Cách đây đã lâu, tại kinh đô *Kapila* trong Vương quốc *Pañcāla*, có một vị vua tên là *Cuḷanibrahmadatta*. Vị ấy từ bỏ những lối sống lâm lạc và chuyên tâm chăm lo lợi ích cho mọi người trong xứ sở, cai trị vương quốc mà không vi phạm mười pháp của một vị

vua. Vào một dịp nọ, khi muốn nghe điều gì đang được nói ở trong vương quốc của mình, vị ấy giả dạng làm một người thợ may, rời khỏi kinh đô mà không có ai đi theo và đi dạo quanh từ ngôi làng này đến ngôi làng khác, từ châu quận này đến châu quận khác. Khi vị ấy trông thấy rằng toàn thể vương quốc được thoát khỏi những tên đạo tặc và không bị cưỡng bách, và mọi người đang sống trong những thời kỳ thân ái - quả thật vậy, đến nỗi họ để những cánh cửa nhà của họ mở tung - vị ấy trở về một cách vui sướng.

Khi vị ấy đang đi đến kinh đô, vị ấy đi vào nhà của một thiếu phụ mà đã sống một kiếp sống đau khổ trong một ngôi làng nọ. Khi nàng trông thấy vị ấy, nàng bèn nói rằng, "Này ông là ai, thưa ông, và ông từ đâu đến?" "Tôi là một người thợ may, thưa bà, và tôi đang đi rao quanh để làm những công việc may vá, để kiếm tiền công. Nếu bà có công việc may vá nào thời hãy cho tôi một tí vật thực và một ít tiền thù lao, rồi tôi sẽ làm những công việc ấy cho bà. "Chúng tôi không có công việc nào cần làm cả, cũng không có vật thực và tiền thù lao. Ông sẽ phải làm việc cho một người khác, thưa ông". Bà ta nói.

Trong khi đang sống ở đó trong một vài ngày, vị ấy trông thấy đứa con gái của bà ta mà có tướng may mắn trong tương lai và có phước, và hỏi mẹ của nàng, "Đứa con gái này đã lấy ai chưa hay vẫn còn độc thân? Nếu nàng chưa kết hôn với ai thời hãy gả nàng

cho tôi, vì tôi có thể cung cấp cho bà mọi phương tiện của một đời sống thoải mái". "Tốt lắm, thưa ông", Bà ta đáp lại và gả đứa con gái của bà ta cho vị ấy. Vị ấy sống với nàng trong vài ngày và rồi cho nàng một ngàn *Kahāpana*, khi nói rằng, "Anh sẽ trở lại chỉ trong vài ngày, này cưng; đừng tuyệt vọng", và đi về kinh đô.

Đức vua sai san bằng và trang hoàng con đường giữa kinh đô đến ngôi làng và rồi đi đến đó trong vẻ uy nghi vĩ đại của một vị vua. Vị ấy đặt cô con gái trên đống *Kahāpana*, tắm cho nàng bằng nước vàng và bạc, ban cho nàng cái tên là *Ubbari* và đặt nàng vào địa vị Chánh hậu. Vị ấy cho ngôi làng đến những quyền thuộc của nàng và dẫn nàng về kinh đô bằng vẻ uy nghi long trọng của hoàng gia. Khi thọ hưởng những khoái lạc tình yêu với nàng vị ấy trải qua một triều đại thanh nhàn chừng nào vị ấy còn sống, và rồi khi hết thọ mạng thì băng hà.

Khi đức vua chết và những nghi thức mai táng vị ấy đã được cử hành, tâm của Hoàng hậu bị đâm thủng bởi mũi tên của ưu bi, vì sự chia ly của họ, bèn đi đến chỗ thiêu xác của vị ấy; ở đó, nàng cúng dường trong nhiều ngày bằng những vật thơm và những bông hoa v.v... Tán dương những ân đức của Đức vua và sau đó đi vòng quanh hoả đài của vị ấy theo chiều bên phải, khóc lóc và ta thán như người bị điên.

Bấy giờ vào thời ấy, Đức Thế Tôn của chúng ta là bồ tát và vị ấy đã xuất gia, sống cuộc đời của một ẩn sĩ và chúng đặc các thiên chúng và các thắng trí. Trong khi đang cư ngụ trong một khu rừng nọ ở một vùng lân cận của *Himālaya*, bằng thiên nhãn của đạo sĩ, đạo sĩ trông thấy *ubbarii* đang bị đâm thủng bởi mũi tên của ưu bi. Đạo sĩ đi xuyên qua hư không và rồi, khi làm cho mọi người trông thấy mình, đạo sĩ đứng trong hư không và hỏi mọi người mà đang đứng rải rác ở chỗ này chỗ nọ, "đây là hoá đài của ai? và vì ai mà người đàn bà này khóc, ta thán rằng, "Hỡi *Brahmādatta*, hỡi *Brahmādatta*?" Khi nghe qua điều này, những người dân bèn nói rằng, "Thưa Ngài, đây là *Ubbarī*, là vợ của *Brahmādatta*, là người mà, từ khi vị ấy băng hà, đã đi đến hoá đài của vị ấy, khóc than, ta thán và gọi tên của vị ấy "*Brahmādatta*".

1. Có một vị Vua tên là *Brahmādatta*, là chúa của những người đánh xe *Pañcāla*. Rồi sau nhiều ngày và nhiều đêm, vị vua ấy đã chết.

2. Người vợ *Ubbarī* của vị ấy đi đến hoá đài của vị ấy và khóc lóc; vì không còn trông thấy *Brahmādatta* ở đâu nữa, nàng khóc than rằng, "Hỡi *Brahmādatta*!"

3. Bấy giờ có một ẩn sĩ nọ đi đến đó, là một hiền trí có giới hạnh vẹn toàn, và ở đó vị ấy hỏi những người mà được gặp ở đó, rằng,

4. "Đây là hoá đài của ai mà tràn ngập tất cả những loại hương thơm như vậy? Đây là vợ của ai mà khóc cho một người chồng đã đi xa khỏi đây, là người, khi không còn trông thấy *Brahmādatta* ở đâu nữa, khóc lóc rằng, "Hỡi *Brahmādatta*!"

5. Và những người mà có mặt ở đó, những người mà được gặp ở đó, bèn giải thích rằng, "Thưa bậc hữu phúc, đó là vợ của *Brahmādatta*, thưa Ngài."

6. Hoá đài này là của vị ấy, đang tràn ngập tất cả những loại hương thơm; và đây là vợ của vị ấy đang khóc lóc cho một người chồng mà đã đi xa khỏi đây, là người mà không còn trông thấy *Brahmādatta* ở đâu nữa, đang khóc lóc rằng, "Hỡi *Brahmādatta*!"

Khi Đạo sĩ nghe qua những lời của họ, do lòng bi mẫn, vị ấy bèn đi đến trước mặt *Ubbarii* và nói lên câu kệ này với mục đích diệt trừ ưu bi của nàng:

7. "Tám mươi sáu ngàn người mang tên *Brahmādatta* đã được thiêu ở chỗ thiêu xác này. Vì ai trong những người này mà nàng khóc than vậy?"

Khi nàng đã được hỏi như vậy bởi vị ẩn sĩ, *Ubbarī* bèn nói lên câu kệ này để chỉ rõ vị *Brahmā-datta* mà nàng ám chỉ về.

8. Vị vua mà là con trai của Cūḷāni, là con bò chúa trong những vị Pañcāla vương. Chính vì vị ấy khiến tôi khóc than, thưa Ngài, chồng của tôi là người đã ban cho tôi tất cả mọi điều mong ước của tôi.

Khi *Ubbarī* đã nói như vậy, vị ẩn sĩ lại nói lên hai câu kệ:

9. Tất cả các vị vua đều có cái tên là *Brahmādatta*; tất cả đều là con trai của cū.lani và là chúa của những người *Pañcāla* vương.

10. Người đã làm chánh hậu lần lượt của tất cả; tại sao người bỏ những người trong quá khứ ấy mà chỉ khóc than cho người cuối cùng này thôi vậy?

Khi nghe qua điều này, *Ubbarī* đầy xúc động, một lần nữa lại nói lên câu kệ này với vị ẩn sĩ ấy:

11. Thưa Ngài, có phải chính tôi là người đàn bà trong thời gian lâu dài ấy? Tôi là người mà Ngài nói đến là đã làm người đàn bà thường xuyên trong luân hồi chẳng?

Khi nghe qua những lời này, Đạo sĩ bèn nói lên câu kệ này, để cho thấy rằng trong luân hồi không có định luật nào như vậy rằng một người đàn bà chỉ là

một người đàn bà mà thôi và một người đàn ông chỉ là một người đàn ông mà thôi:

12. Nàng đã làm một người đàn bà, nàng đã làm một người đàn ông, Nàng cũng sẽ đi vào bào thai của loài thú. Giới hạn của quá khứ lâu dài này sẽ không được trông thấy như vậy.

Khi nàng đã nghe thời pháp như vậy, được giảng dạy bởi vị Đạo Sĩ ấy, mà trong đó vị ấy làm sáng tỏ ảnh hưởng của những nghiệp và sự vắng mặt của bất cứ giới hạn nào của vòng luân hồi, đây xúc động trong tâm của nàng khi nghe nói về vòng luân hồi và với lòng tịnh tín trong tâm của nàng đối với pháp, mũi tên ưu bi của nàng biến mất và nàng nói lên những câu kệ này để cho biết lòng tịnh tín của nàng và cõi lòng không ưu bi của nàng:

13. Tôi quả thật bị cháy nóng, giống như ngọn lửa được châm bằng thực tôi; nhưng bây giờ, tất cả mọi sầu khổ của tôi đã được dập tắt, tựa như tôi đã được tưới lên người bởi nước.

14. Quả thật vậy, mũi tên là ưu bi cho người chồng của tôi mà đã tràn ngập cõi lòng của tôi.

15. Với mũi tên đã được rút ra, tôi trở nên an tịnh và mát mẻ. Từ khi nghe Ngài, thừa Đại

hiên trí, tôi không còn ưu bi hay than khóc nữa.

Ý nghĩa của những câu này cũng giống như ý nghĩa đã được nêu ra ở trên. Rồi Bạc Đạo sư nói lên bốn câu kệ để cho thấy cách cư xử của *Ubbarī*, là người mà (bấy) giờ đã có sự xúc động trong tâm của nàng:

16. Khi nàng đã nghe qua những lời này của vị ấy, lời nói khéo thuyết của vị Sa-môn ấy, nàng mang y và bát rồi ra đi sống cuộc đời không nhà.

17. Và nàng, là người từ đời sống gia đình, ra đi sống đời không nhà, trau dồi tâm từ ái dẫn đến tái sanh trong cõi phạm thiên.

18. Khi đi lang thang từ làng này đến làng nọ, qua các phố chợ và các kinh đô; *Uruvelā* là tên của ngôi làng mà nàng đã chết.

19. Sau khi đã trau dồi tâm bác ái để được sanh vào cõi phạm thiên và sau khi loại trừ những ý nghĩ của một nữ nhân, nàng đi đến cõi Phạm thiên *Bvalimalokā*.

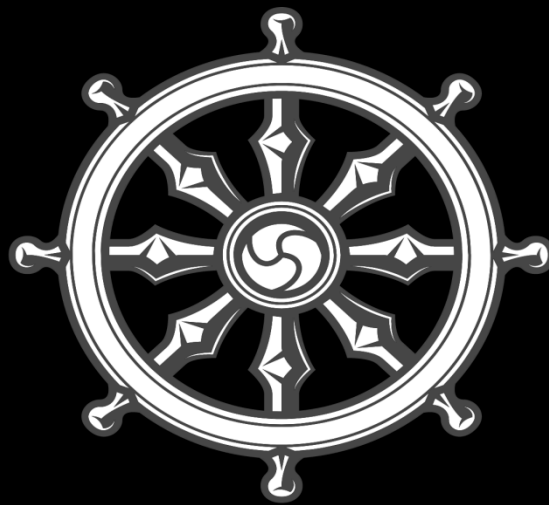
Chú giải:

Khi Bạc Đạo sư đã kể lại Pháp thoại này và đã diệt trừ ưu bi cho nàng tín nữ ấy, sau đó Ngài thuyết pháp cho nàng về Tứ đế, và vào lúc kết thúc của thời

pháp ấy, nàng tín nữ được an trú trong quả Thánh Tu-đà-hườn. Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho hội chúng đã hội họp ở đó.

Phần trình bày về quý sự *Ubbarī* đã kết thúc - Như vậy phần trình bày ý nghĩa của phẩm thứ hai, Uất-ba-lợi phẩm mà được tô điểm bởi mười ba câu chuyện trong những chuyện Ngạ quỷ này của bộ *Khuddaka Nikāya* đã kết thúc.





*187. Đệ tử Bậc Chánh Giác
Không tìm cầu dục lạc
Dầu là dục Chư Thiên
Chỉ ưa thích Ái Diệt*

*194. Vui thay! Phật ra đời
Vui thay! Pháp được giảng
Vui thay! Tăng hoà hợp
Hoà hợp tu, Vui thay!*

Dhammapada

SÁCH ẤN TỔNG